TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN
SỐ 18 THÁNG 03/2016
DIỄN TẢ LÒNG CHÚA THƯƠNG XÓT BẰNG VIỆC TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI
VÀ NHÓM BẠN THỰC HIỆN

CÁC SỐ GIÁO DÂN HỢP TUYỂN ĐÃ PHÁT HÀNH

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 1 (1/2012): GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 2 (4/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM VỚI CÔNG ĐỒNG VATICAN II
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 3 (7/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM SỐNG ĐẠO XƯA VÀ NAY
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 4 (10/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM LOAN BÁO TIN MỪNG
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 5 (12/2012): GIÁO DÂN SỐNG ĐỨC TIN
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 6 (3/2013): GIÁO DÂN CẦU NGUYỆN
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 7 (6/2013): GIÁO DÂN VỚI THÁNH KINH LÀ LỜI MẠC KHẢI
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 8 (9/2013): GIÁO DÂN VỚI GIÁO HUẤN XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 9 (12/2013): GIÁO DÂN VỚI VIỆC CANH TÂN ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 10 (03/2014): GIÁO DÂN VỚI VIỆC «TÂN PHÚC HÓA ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH»
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 11 (05/2014): GIÁO DÂN «XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC VÀ HỮU ÍCH»
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 12 (08/2014): GIÁO DỤC GIA ĐÌNH ĐỂ CON CÁI NÊN NGƯỜI VÀ NÊN NGƯỜI KITÔ HỮU
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 13 (11/2014): TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG CÁC GIÁO XỨ
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 14 (02/2015): KỶ NIỆM 50 NĂM CÔNG ĐỒNG VATICAN II

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 15 (05/2015): GIÁO XỨ SỐNG HIỆP THÔNG BÁC ÁI VÀ LÀM CHỨNG CHO TÌNH YÊU KI-TÔ GIÁO
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 16 (08/2015): MÔI TRƯỜNG SINH THÁI
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 17 (11/2015): TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TRONG NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT
GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 18 (03/2016): DIỄN TẢ LÒNG CHÚA THƯƠNG XÓT BẰNG VIỆC TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Ghi chú : Bạn nào muốn có các số GDHT trên, có thể hỏi Thư Quán thuộc Trung Tâm Mục Vụ Sài-gòn.

LỜI NGỎ

Trong năm 2016 chúng ta có 2 trọng tâm trong đời sống mục vụ là «Sống Năm Thánh Lòng Chúa Thương Xót» và «Tân Phúc hóa đời sống xã hội». Thật không khó để tìm ra mối liên hệ mật thiết giữa hai nội dung ấy. Vì là những người đã được Thiên Chúa yêu thương và tha thứ nên chúng ta chúc tụng, ngợi khen và cảm tạ Lòng Thương Xót của Thiên Chúa. Cũng vì đã được Thiên Chúa yêu thương và tha thứ nên chúng ta tích cực Tân Phúc Âm hóa đời sống xã hội, tức làm cho các thực tại và môi trường xã hội thấm nhuần tinh thần yêu thương, thứ tha.

Bản thân chúng tôi có một nỗi băn khoăn lo lắng là sợ rằng các giáo xứ, hội đoàn và nhiều giáo dân chỉ tập trung vào việc suy tôn, sùng kính Lòng Chúa thương xót mà quên mất việc cải tạo, canh tân, phúc âm hóa đời sống xã hội theo đường hướng của Phúc âm là một trong những cách cụ thể và thiết thực nhất để thể hiện Lòng Chúa thương xót, dựa vào tuyên bố của chính Chúa Giê-su trong Ngày Phán Xét sau cùng:

"Quả thật, Ta bảo các ngươi: những gì các ngươi đã làm cho một người trong các anh em hèn mọn nhất này của Ta, là các ngươi đã làm cho chính mình Ta" (Mt 25,40).

"Quả thật, Ta bảo các ngươi, những gì các ngươi đã không làm cho một người nào trong các kẻ hèn mọn nhất này, là các ngươi đã không làm cho chính mình Ta" (Mt 25,45)..

Suy nghĩ kỹ một chút chúng ta sẽ thấy công cuộc Tân Phúc Âm đời sống xã hội không chỉ là việc muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi. Không phải thế ! việc Tân Phúc Âm hóa đời sống xã hội là việc vô cùng hệ

trọng đối với nhiệm vụ và phần rỗi của các Ki-tô hữu, nhất là các Ki-tô giáo dân, vì ơn gọi của các Ki-tô hữu giáo dân là nên thánh giữa đời và thánh hóa các thực tại và môi trường tràn thế.

Giáo dân Hợp Tuyển số 18 mang tựa đề DIỄN TẢ LÒNG CHÚA THƯƠNG XÓT BẰNG VIỆC TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI vì vẫn chọn chủ đề NĂM THÁNH LÒNG CHÚA THƯƠNG XÓT VÀ TÂN PHÚC HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

Trong nội dung GDHT số 18 này các bài sẽ phân bổ thành 3 phần :

Phần I: Một số bài liên quan tới Lòng Chúa Thương Xót Ngoài một vài nguyên tắc căn bản về lòng sùng kính Lòng Chúa Thương Xót là một số gợi ý mục vụ cho Năm Thánh Lòng Thương Xót.

Phần II: Một số bài liên quan tới Tân Phúc Âm hóa đời sống xã hội. Ngoài những kim chỉ nam căn bản của Phúc Âm, của Cộng Đồng Vatican II và của Đức Thánh Cha Phanxicô là một số gợi ý nhẹ nhàng cho công cuộc Tân Phúc Âm hóa đời sống xã hội.

Phần III : (Phụ Trương) là Tài liệu « Tông đồ giáo dân học tập Phương Pháp xây dựng Đội Nhóm Tông Đồ.» Đầy là một tài liệu quý hiếm các hội viên các Hội Đoàn Tông Đồ cần tiếp cận và áp dụng.

Rất mong GDHT 18 được đón nhận.

Nguyện Xin Thánh Cả Giuse chúc lành và nâng đỡ những hy sinh của chúng con.

Sàigòn những ngày đầu tháng 03 (2016)
Tháng Kính Thánh Giu-se
Giêrônimô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn

NỘI DUNG GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 18

CÁC SỐ GIÁO DÂN HỢP TUYỂN ĐÃ PHÁT HÀNH	03
LỜI NGỎ	05
NỘI DUNG GIÁO DÂN HỢP TUYỂN SỐ 18	07
SỨ ĐIỆP MÙA CHAY 2016 CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ	09
LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ CÔNG LÝ CỦA THIÊN CHÚA	16
THƯƠNG XÓT NHƯ CHÚA CHA	20
HÃY CÓ LÒNG THƯƠNG XÓT NHƯ CHA CỦA ANH EM LÀ ĐẤNG HAY THƯƠNG XÓT	23
"THIÊN CHÚA HẰNG THƯƠNG XÓT TỪ ĐỜI NỌ ĐẾN ĐỜI KIA"	28
BÀI CA CỦA ĐỨC MA-RI-A, BÀI CA LÒNG CHÚA XÓT THƯƠNG	32
PHẨM GIÁ CON NGƯỜI DO LÒNG THƯƠNG XÓT	44
GIỮA LÒNG XÃ HỘI GIA ĐÌNH PHẢN CHIỀU DUNG MẠO LÒNG THƯƠNG XÓT	51
CÁI NHÌN CỦA ĐỨC GIÊ-SU	56
ĐỌC SÁCH GIÔ-NA NHÂN DỊP NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT	67
MUỐI CHO ĐỜI VÀ ÁNH SÁNG CHO TRẦN GIAN	77
BẢN TÍNH VÀ SỨ MẠNG CỦA GIÁO DÂN	78
TÍN HỮU KITÔ DẤN THÂN DẤN SỰ	80
BA KHÔNG… CÓ PHẢI LÀ…..	85

CHÚA TRONG ANH EM	86
AI LÀ ANH EM TÔI	90
GẶP CHÚA TRONG ANH EM	94
MANG CHÚA ĐẾN VỚI MỌI NGƯỜI	98
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC & THÔNG BÁO CHỦ ĐỀ GDHT SỐ 19 THÁNG 06/2016	101
BẰNG CHỨNG LỚN LAO NHẤT	102
TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN HỌC TẬP PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NHÓM TÔNG ĐỒ	108

PHẦN THỨ NHẤT: LÒNG CHÚA THƯƠNG XÓT

SỨ ĐIỆP MÙA CHAY 2016

CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ

Đăng ngày 10.02.2016 - 1:14am

GNsP – Sau đây là toàn văn Sứ điệp mùa Chay 2016 của Đức Thánh Cha Phanxicô với chủ đề: ***"Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế:*** (Mt 9,13) Những việc bác ái trên hành trình Năm Thánh". Sứ điệp này đã được Đức Thánh Cha Phanxicô cho công bố hôm 4.10.2015 tại Vatican. Hôm nay khởi đầu Mùa Chay thánh, chúng ta cùng suy gẫm sứ điệp này của Đức Thánh Cha

1. Đức Maria, hình ảnh một Giáo Hội loan báo Tin Mừng vì chính Mẹ là người đã đón nhận Tin Mừng

Trong lời giới thiệu tông sắc Năm Thánh Ngoại thường Lòng Thương xót, tôi đã đề nghị rằng chúng ta hãy sống Mùa Chay trong Năm Thánh này một cách mạnh mẽ hơn như là khoảng thời gian đặc biệt để cử hành và cảm nghiệm Lòng Thương Xót Chúa" (Misericordiae Vultus, 17). Bằng việc mời gọi mọi người hăng say lắng nghe lời Chúa và khích lệ sáng kiến "24 giờ cho Chúa", tôi đã cố

gắng nhấn mạnh đến tính ưu việt của việc lắng nghe Lời Chúa trong cầu nguyện, đặc biệt là những lời mang tính ngôn sứ của Người. Lòng thương xót Chúa là một lời loan báo dành cho thế giới, mà mỗi Kitô hữu được mời gọi để trải nghiệm ngay. Vì thế, trong suốt mùa Chay 2016, tôi sẽ gửi những Sứ Giả của Lòng Thương xót như là một dấu chỉ cụ thể về sự gần gũi và ơn thứ tha của Thiên Chúa đến cho mọi người.

Sau khi nhận được Tin Mừng từ tổng lãnh Thiên Thần Gabriel, Đức Maria trong bài ca Magnificat, đã hát lên bài ca lòng thương xót khi Thiên Chúa đã chọn Mẹ. Nhờ đó, một Trinh Nữ thành Nazareth đã đính hôn với Giuse, trở thành biểu tượng hoàn hảo của Giáo Hội có sứ mạng rao giảng Tin mừng, vì Mẹ đã và vẫn đang tiếp tục được Chúa Thánh Thần Tin Mừng hoá, Đấng đã làm cho Mẹ thụ thai mà vẫn đồng trinh. Trong truyền thống ngôn sứ, từ "thương xót" [rahamim] có liên hệ chặt chẽ, thậm chí ở mức độ nguyên ngữ với từ "tử cung" của người mẹ và với một lòng tốt đầy quảng đại, trung thành và trắc ẩn được biểu hiện trong hôn nhân và những tương quan gia đình.

2.Giao ước của Thiên Chúa với nhân loại: một lịch sử của lòng thương xót

Mầu nhiệm lòng thương xót Chúa được mặc khải trong lịch sử giao ước giữa Thiên Chúa và dân Người là Israel. Thiên Chúa bao giờ cũng tỏ mình ra là Đấng giàu lòng thương xót, luôn sẵn sàng sửa dạy dân Người với lòng dịu dàng và lòng từ bi sâu sắc, đặc biệt là những lúc dân Người bất trung phá vỡ mối dây giao ước, vốn dĩ cần phải được thắt chặt bền chắc hơn trong công lý và sự thật. Đây là một câu chuyện tình đích thực, trong đó

Thiên Chúa đóng vai trò người Cha và vị lang quân bị phản bội, trong khi Israel đóng vai những đứa con và hiền thê không chung thủy. Những hình ảnh rất gần gũi này- như trường hợp của ngôn sứ Hôsê (x. sách Hôsê, 1-2) – cho thấy Thiên Chúa ước muốn gắn bó mình với dân biết dường nào.

Đỉnh điểm của câu chuyện tình này là sự nhập thể của Con Thiên Chúa. Trong Đức Kitô, Chúa Cha đổ tràn lòng thương xót vô biên của Người khi làm cho Chúa Con "nhập thể với long thương xót" (Misericordiae Vultus, 8). Là một con người, Đức Giêsu Nazareth đích thị là một người con của Israel; Người là hiện thân của lời kinh Shema hoàn hảo mà mỗi người Do Thái phải thuộc nằm lòng, mà thậm chí hôm nay nằm ngày tâm điểm giao ước giữa Thiên Chúa với Israel: "Nghe đây, hỡi Ít-ra-en! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ, hết sức anh em." (Đnl 6, 4-5). Là Con Thiên Chúa, Đức Giêsu là Tân Lang làm mọi thứ để chinh phục tình yêu của tân nương, người mà vị Tân Lang ấy đã yêu vô điều kiện, được tỏ lộ trong Tiệc cưới vĩnh hằng.

Đây chính là tâm điểm lời tuyên tín của các tông đồ năm xưa, trong đó lòng thương xót của Thiên Chúa chiếm giữ một vị trí then chốt và nền tảng. Chính vì "vẻ đẹp tình yêu cứu độ của Thiên Chúa được tỏ lộ nơi Đức Giêsu Kitô, Đấng chịu chết và sống lại" (Evangelii Gaudium, 36) mà "chúng ta có thể nghe đi nghe lại theo nhiều cách khác nhau, lời công bố mà chúng ta phải loan báo cách này hay cách khác xuyên suốt tiến trình dạy giáo lý, ở mỗi trình độ và mỗi thời điểm." (Evangelii Gaudium, 16). Lòng thương xót "diễn tả cách thức Thiên Chúa đến với tội

nhân, trao cho họ một cơ hội mới để nhìn lại chính mình, để hoán cải và tin vào Thiên Chúa" (Misericordiae Vultus, 21), và nhờ đó, có thể phục hồi lại mối tương quan với Người. Trong Chúa Giêsu chịu đóng đinh, Thiên Chúa đã bày tỏ khát khao của Ngài được đến gần với các tội nhân, dù họ có lạc xa Ngài đến thế nào đi nữa. Bằng cách này, Người hy vọng làm cho trái tim chai cứng của Tân Nương được mềm mại hơn.

3. Những việc bác ái

Lòng thương xót Chúa biến đổi tâm hồn con người; lòng thương xót ấy cho phép chúng ta, nhờ cảm nghiệm được một tình yêu thành tín, cũng trở nên nhân từ hơn. Kỳ diệu thay, lòng thương xót Chúa chiếu tỏa nơi cuộc sống chúng ta, giúp chúng ta cũng biết yêu người lân cận và hiến thân mình cho những gì mà truyền thống Giáo Hội gọi là những việc bác ái phần xác cũng như phần hồn. Những việc làm này nhắc nhớ chúng ta rằng đức tin phải được diễn tả cách cụ thể trong mọi hành động thường ngày, có nghĩa là giúp đỡ người thân cận của chúng ta về phần xác cũng như phần hồn: bằng cách cho họ ăn uống, viếng thăm, an ủi và hướng dẫn họ.

Chúng ta sẽ được phán xét dựa trên những việc làm như thế. Vì thế, tôi hy vọng là "đoàn dân Kitô hữu sẽ quan tâm đến những việc bác ái, về phần xác cũng như phần hồn. Đây chính là cách thế để tái thức tỉnh lương tâm chúng ta, thường vẫn ngủ yên trước thảm hoạ nghèo khổ, và ngày càng đi sâu hơn vào tâm điểm của Tin Mừng, nơi những người nghèo được hưởng đặc quyền của lòng thương xót của Thiên Chúa" (Misericordiae Vultus, 15). Đối với những người nghèo khó, thân xác Người "trở nên hữu hình nơi thân xác những người bị hành hạ, bị gây

thương tích, bị đánh đập, bị thiếu dinh dưỡng, bị truy đuổi… để cho chúng ta nhận ra, chạm tới và ân cần chăm sóc". Đó là mầu nhiệm vô tiền khoáng hậu và gây cớ vấp phạm ở một mức độ nào đó trong khoảng thời gian Con Chiên vô tội chịu khổ nạn, bụi gai tình yêu nhưng không bị bốc cháy. Trước tình yêu này, chúng ta có thể giống như Môsê, hãy cởi dép ở chân ra (x. Xh 3, 5), đặc biệt khi người nghèo lại là anh chị em của chúng ta trong Chúa Kitô, những người đang phải chịu nhiều đau khổ vì đức tin của mình.

Dưới ánh sáng tình yêu mãnh liệt như tử thần này (Tv 8, 6), những người nghèo thực sự chính là những người chối bỏ nhìn nhận thân phận nghèo của mình. Họ tự cho mình là giàu có, nhưng thực sự họ là những người nghèo nhất trong số những người nghèo. Bởi lẽ, họ là nô lệ cho tội lỗi và để tội lỗi lèo lái họ, dùng của cải và quyền lực không phải nhằm phục vụ Thiên Chúa và người khác, nhưng để nó bóp nghẹt tâm hồn mình đến nỗi không còn ý thức được rằng họ cũng chỉ là những người ăn xin nghèo nàn. Càng quyền lực và càng giàu có, họ càng mù lòa và lừa dối. Thậm chí có thể là mù lòa đối với anh Lazarô xin ăn trước cửa nhà họ (Lc 16, 20-21). Anh người nghèo Laxarô lại là hình ảnh của Chúa Kitô, Đấng qua người nghèo van xin chúng ta hãy hoán cải. Như vậy, Lazarô tiêu biểu cho khả năng hoán cải mà Thiên Chúa dành cho chúng ta và chúng ta có lẽ đã không nhìn thấy

Sự mù loà như thế thường đi kèm với một sự ảo tưởng về sự toàn năng của chính chúng ta, được phản ánh nơi cám dỗ nham hiểm của ma quỷ, "bạn sẽ nên giống Thiên Chúa" (St 3, 5), gốc rễ của mọi tội lỗi. Ảo tưởng này có

thể mang những hình thức xã hội và chính trị, được biểu lộ nơi hệ thống độc tài toàn trị của thế kỷ XX, và trong thời đại của chúng ta, nơi những ý thức hệ độc quyền về tư tưởng và khoa học công nghệ, loại trừ Thiên Chúa và giảm thiểu con người thành thứ vật chất đơn thuần để khai thác bóc lột. Ảo tưởng này cũng có thể được thấy trong những cơ cấu tội lỗi liên quan đến mô hình phát triển sai lầm đặt nền trên việc tôn thờ tiền tài, dẫn đến việc thiếu quan tâm về thân phận người nghèo nơi một số cá nhân và xã hội giàu có hơn; họ đóng chặt cửa mà chẳng thèm đếm xỉa đến người nghèo.

Đối với chúng ta, Mùa Chay trong Năm Thánh này là thời gian thuận lợi để vượt qua sự tha hóa mang tính hiện sinh của mình bằng cách lắng nghe lời Chúa và thực thi các việc lành phúc đức. Từ những việc tốt phần xác, chúng ta chạm đến da thịt của Chúa Kitô nơi anh chị em mình, những người cần được ăn mặc, che chở và viếng thăm; trong những việc bác ái phần hồn như vấn an, hướng dẫn, tha thứ, khuyên bảo và cầu nguyện, chúng ta đụng chạm trực tiếp hơn đến thân phận tội lỗi của chính mình. Những việc bác ái phần xác và phần hồn không tách rời nhau. Bằng việc chạm vào thân thể Chúa Giêsu chịu đóng đinh trong cuộc khổ nạn, các tội nhân có thể nhận được ơn thấy mình còn quá nghèo và cần được giúp đỡ. Nhờ đó, những “người tự cao”, “người quyền thế” và “người giàu có” được đề cập trong kinh Magnificat cũng có thể được Thiên Chúa là Đấng chịu đóng đinh và sống lại vì họ ôm ấp và yêu thương, dù họ không xứng đáng. Chỉ có Tình yêu này mới là câu trả lời cho khao khát hạnh phúc và tình yêu miên viễn mà chúng ta nghĩ là mình đã được thỏa lòng nơi kiến thức, quyền lực và sự giàu sang. Tuy nhiên, sự nguy hiểm vẫn luôn tiềm tàng vì

nếu không chịu mở lòng mình cho Chúa Kitô là Đấng đang gõ cửa nhà nơi những người nghèo, những người tự hào, giàu có và quyền uy sẽ tự kết án chính mình và rơi vào trong vực thẳm khôn cùng của sự cô độc nơi Địa ngục. Những lời của Abraham áp dụng cho họ và cho cả chúng ta: “Chúng đã có Môsê và các Ngôn Sứ, thì chúng cứ nghe lời các vị đó.”(Lc 16:29). Nghe cho kỹ những lời này sẽ là một sự chuẩn bị tốt nhất cho chúng ta để ăn mừng chiến thắng chung cuộc trên tội lỗi, và cái chết của Tân Lang bây giờ đã phục sinh, Đấng mong muốn thanh tẩy Tân Nương của mình đang đợi Người đến.

Chúng ta đừng lãng phí mùa Chay này, vì đây là thời gian thuận tiện cho việc hoán cải! Chúng ta cầu xin điều này nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đã gặp được lòng thương xót lớn lao đã tuôn đổ dồi dào trên Mẹ, là người đầu tiên thừa nhận sự thấp hèn của mình (Lc 1, 48) và gọi mình là nữ tỳ hèn mọn của Thiên Chúa (x. Lc 1, 38).

Ban hành tại Vatican 4.10.2015

Mừng lễ thánh Phanxicô Assidi

Giáo hoàng Phanxicô

[Nguồn: GNsP (theo news.va)]

[Sưu tầm của GDHT]

LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ CÔNG LÝ

CỦA THIÊN CHÚA

Đức Thánh Cha Phan-xi-cô

Đăng ngày 04.02.2016 - 9:49am

GNsP – *Sau đây là nguyên văn bài giáo lý số 4 của Đức Thánh Cha trong buổi tiếp kiến chung hàng tuần thứ Tư 03.02.2016 tại quảng trường thánh Phêrô về lòng thương xót trong bối cảnh của Năm Thánh Lòng Chúa Thương xót*

Thánh Kinh giới thiệu Thiên Chúa với chúng ta về lòng thương xót vô biên, cũng như sự công thẳng vô cùng của Người. Làm thế nào để hoà hợp hai điều này? Thực tại của lòng thương xót được ăn khớp với các đòi buộc của

công lý như thế nào đây? Xem ra chúng là hai thực tại trái nghịch nhau. Thật ra không phải như vậy, bởi vì chính lòng thương xót của Thiên Chúa đưa tới chỗ thành toàn công lý đích thực. Nhưng chúng ta để cập tới công lý nào vậy?

Nếu nghĩ tới việc điều hành hợp pháp của công lý, chúng ta thấy rằng ai cho mình là nạn nhân của một bất công thì hướng tới một thẩm phán ở toà án và yêu cầu thực thi công lý cho mình. Đây là một công lý thưởng phạt, phạt kẻ có lỗi theo nguyên tắc của ai trả lại cho người ấy, như viết trong sách Châm Ngôn đề cập: “Người thực thi công chính được đi vào cõi sống, kẻ theo đuổi gian tà phải đến chốn tử vong.” (Cn 11,19). Chúa Giêsu cũng nói đến điều này trong dụ ngôn bà goá tới với thẩm phán nhiều lần và xin: “Xin hãy thực thi công lý cho tôi chống lại kẻ thù tôi” (Lc 18,3).

Tuy nhiên con đường này không đưa tới công lý đích thực, bởi vì thật ra nó không chiến thắng sự dữ, nhưng chỉ gạt bỏ sự dữ ra một bên thôi. Trái lại, chỉ khi đáp trả lại sự dữ với sự thiện ta mới thực sự dữ chiến thắng sự dữ.

Bởi đó là một kiểu thực thi công lý khác mà Thánh Kinh giới thiệu với chúng ta như con đường chính phải theo. Nó là một tiến trình tránh chạy tới toà án, và dự kiến rằng nạn nhân trực tiếp hướng tới kẻ có lỗi để mời gọi họ hoán cải, bằng cách giúp họ hiểu rằng họ đang làm sự dữ, và kêu gọi lương tâm của họ. Trong cách thế này, sau cùng khi đã hồi tâm và thừa nhận sự sai trái của mình, họ có thể rộng mở cho sự tha thứ mà phiá bị tổn thương cống hiến cho họ. Và đây là điều hay đẹp: theo

sau việc thuyết phục điều dữ, con tim rộng mở cho sự tha thứ được cống hiến cho nó. Đây là kiểu giải quyết các xung đột bên trong các gia đình, trong các tương quan giữa vợ chồng hay giữa cha me và con cái, trong đó người bị xúc phạm yêu thương người có lỗi, và ước mong cứu vãn tương quan giữa họ. Không chặt đứt tương quan ấy, liên lạc ấy.

Thực sự đây là một con đường khó khăn. Nó đòi hỏi người chịu sự sai trái đau khổ sẵn sàng tha thứ và mong muốn ơn cứu rỗi và hạnh phúc cho người đã xúc phạm tới họ. Nhưng chỉ như thế công lý mới có thể chiến thắng sự dữ không còn nữa, và người đã bất công trở thành công chính, vì đã được tha thứ và được trợ giúp tìm lại được con đường sự thiện. Và chính ở đây liên quan tới ơn tha thứ và lòng thương xót.

Và đó là cách thức Thiên Chúa hành động như vậy đối với chúng ta là những kẻ tội lỗi. Chúa liên tục ban ơn tha thứ của Ngài cho chúng ta, giúp chúng ta tiếp nhận và ý thức được sự dữ mà chúng ta đã làm để có thể tự giải thoát khỏi nó. Vì Thiên Chúa không muốn kết án chúng ta nhưng muốn cứu thoát chúng ta.

Thiên Chúa không muốn kết án ai hết! Một ai đó trong anh chị em có thể hỏi tôi: “Nhưng thưa cha, Ngài có đáng bị quan Philatô kết án không? Thiên Chúa có muốn sự kết án đó không? Không! Thiên Chúa muốn cứu quan Philatô và cả Giuđa nữa, Ngài muốn cứu tất cả mọi người! Ngài là Thiên Chúa của lòng thương xót muốn cứu vớt tất cả mọi người! Vấn đề đó là để Chúa bước vào trong con tim.

Tất cả các lời các ngôn sứ là một lời mời gọi tha thiết và tràn đầy tình yêu tìm kiếm sự hoán cải của chúng ta. Đó là điều Thiên Chúa phán qua ngôn sứ Ezekiel: “Chẳng lẽ Ta lại vui thích khi kẻ gian ác phải chết … hơn là muốn cho nó từ bỏ đường lối của nó để được sống sao?” (Ez 18,23; 33,11), đây là điều Thiên Chúa thích.

Và đó là con tim của Thiên Chúa, con tim của một Người Cha yêu thương và muốn rằng con cái mình sống trong sự thiện và sự công chính, và vì thế sống tràn đầy và hạnh phúc. Một con tim của Người Cha vượt xa hơn ý niệm công lý của chúng ta để rộng mở chúng ta vươn đến các chân trời vô tận lòng thương của Ngài. Một con tim của Người Cha không xử với chúng ta theo các tội lỗi của chúng ta, và không trả cho chúng ta theo các lỗi lầm của chúng ta, như thánh vịnh nói (Tv 103,9-10). Đó chính là con tim của người cha, mà chúng ta muốn gặp gỡ, khi chúng ta đi xưng tội. Có lẽ Ngài nói với chúng ta điều gì đó để giúp chúng ta hiểu sự dữ hơn, nhưng tất cả chúng ta đều đi đến toà giải tội để tìm một người cha giúp đỡ chúng ta thay đổi cuộc sống; một người cha trao ban cho chúng ta sức mạnh để tiến bước; một người cha tha thứ cho chúng ta nhân danh Thiên Chúa. Vì thế là cha giải tội có một trách nhiệm lơn lao biết bao, bởi vì người con trai con gái đó đến với các linh mục chỉ để tìm thấy tấm lòng của một người cha. Và bạn là linh mục ở trong toà giải tội, bạn ở đó trong chỗ của Thiên Chúa Cha là Đấng thi hành công lý với lòng thương xót của Ngài.

GNsP (theo Zenit)
[Sưu tầm của GDHT]

THƯƠNG XÓT NHƯ CHÚA CHA
(Misericordes sicut Pater)

Trong lời Kinh Năm Thánh Lòng Thương Xót do Đức Giáo Hoàng Phanxicô sáng tác, chúng ta đều đọc: "*Lạy Chúa Giêsu Kitô, Chúa dạy chúng con phải có lòng thương xót như Cha trên trời* " và chính Chúa là "*Dung Mạo Lòng Thương Xót của Chúa Cha*", vì "*ai thấy Chúa là thấy Chúa Cha*".

Chính ánh mắt đầy yêu thương của Chúa đã giải thoát ông Da-kêu khỏi áp lực của tiền bạc và tội lỗi, khiến ông tìm gặp lại sự bình an và giao hòa với tha nhân;
chính lời mời gọi của Chúa đối với ông Mát-thêu, khiến ông quảng đại dấn thân đi theo Chúa không chút mặc cảm về quá khứ nặng nề của mình;
chính lời nói tha thứ đầy khoan dung của Chúa, khiến cho con người mang tiếng là tội lỗi như Ma-ri-a Ma-đa-lê-na, không những cảm nhận được niềm hạnh phúc của con người được tha thứ, mà còn mạnh dạn gia nhập hàng ngũ các môn đệ của Chúa, quyết tâm theo Chúa đến tận cùng trong cuộc khổ nạn của Chúa, để rồi được trở nên người diễm phúc loan báo Tin mừng Phục sinh cho các Tông đồ;
và kỳ diệu làm sao, ánh mắt dịu hiền, bao dung đầy lòng thương xót của Chúa đã dọi vào người môn đệ Phê-rô sau khi ông đã vấp ngã vì sự yếu hèn của mình, giúp ông hoán cải mà trở nên con người mới, con người khiêm tốn đón nhận lời tha thứ, để rao giảng và trao ban lời tha thứ cho mọi người.

Phúc âm theo Thánh Lu-ca đã ghi lại điều lạ lùng: "*Tất cả các người thu thuế và các người tội lỗi đều lui tới với Đức*

Giê-su để nghe Người giảng. Những người Pha-ri-sêu và các kinh sư liền xầm xì với nhau: "Ông nầy đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng" (Lu-ca 15,1-2). Thật ngỡ ngàng! Thật khó có thể tưởng tượng nổi! Phường tội lỗi lại lui tới và chia sẻ bữa ăn với Đức Giê-su, như thể là những người bạn của nhau! Để hiểu rõ một cách thâm sâu mối tương quan kỳ diệu nầy, Thánh sử Lu-ca ghi tiếp ba câu chuyện rất sống động và cụ thể mà chính Đức Giê-su đã công bố: câu chuyện về con chiên lạc mất và được tìm thấy (Lu-ca 15,4-7); câu chuyện về đồng bạc bị đánh mất và được tìm thấy (Lu-ca 15,8-10) và nhất là câu chuyện về người cha nhân hậu, không những giàu lòng thương xót đối với người con thứ hư hỏng, hoang đàng, mà còn rất mực nhẫn nại yêu thương đối với người con cả cứng cỏi và quá lý sự (Lu-ca 15,11-32). Các câu chuyện về lòng thương xót cho chúng ta thấy "*Thiên Chúa luôn tràn ngập vui mừng, nhất là khi Ngài tha thứ".*
Đức Thánh Cha không ngần ngại nói rõ với chúng ta: "*Nơi những dụ ngôn nầy, chúng ta thấy được điểm cốt lõi của Tin Mừng và của đức tin, vì lòng thương xót tỏ hiện như một sức mạnh vượt thắng tất cả, đong đầy trái tim bằng tình yêu thương và mang lại an ủi bằng ơn tha thứ".*

Vì thế "***Thương xót như Chúa Cha***" phải trở nên câu tâm niệm của mọi thành phần Dân Chúa trong Giáo Hội, cách riêng trong Năm Thánh Lòng Thương Xót; đó chính là trụ cột nâng đỡ Giáo Hội, đồng hành với bước đường hành hương của các tín hữu, mở ra chân trời bao la rộng lớn cho sứ vụ loan báo Tin mừng đến với muôn dân, mở rộng tâm hồn của chúng ta hướng đến "*những người đang sống tại những vùng ven xa xôi nhất của kiếp nhân*

sinh, *thường được tạo nên trong cảnh khốn cùng do chính thế giới ngày nay".*

Hội Đồng Giám mục Việt Nam, trong phiên họp kỳ 1 năm 2015 tại Tòa Giám mục Xuân Lộc, đã đề nghị Ủy Ban Kinh Thánh chuẩn bị một số bài Lời Chúa về Lòng Thương Xót, nhằm chia sẻ cho Dân Chúa; vậy xin trân trọng giới thiệu các bài suy niệm và biên soạn của các thành viên trong Ùy Ban Kinh Thánh / HĐGMVN và kính gửi đến quý vị như món quà chân tình của Năm Thánh Lòng Thương Xót.

Nha Trang, ngày 8 tháng 12 năm 2015

+ Giuse Võ Đức Minh
Giám mục Nha Trang
Chủ tịch UBKT/HĐGMVN

[Sưu tầm của GDHT]

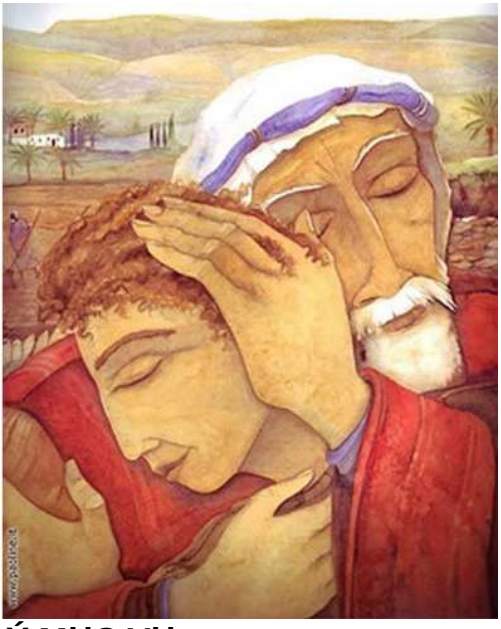

GỢI Ý MỤC VỤ
TRONG NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT
----o0o0o-----
SỐNG NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT
VỚI VIỆC TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

“Hãy có lòng thương xót như Cha của anh em là Đấng hay thương xót” (Lc 6,36)

Năm Thánh Lòng Thương Xót của Hội Thánh Công Giáo khai mạc ngày 8-12-2015, lễ Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội, và sẽ kết thúc vào ngày 20-11-2016, lễ Chúa Kitô Vua. “Mục đích của Năm Thánh là kêu gọi các tín hữu chiêm ngắm dung nhan Thiên Chúa là Cha giàu lòng thương xót, được tỏ hiện trọn vẹn nơi Đức Giêsu Kitô; nhờ đó chúng ta cảm nghiệm được lòng Chúa xót thương và trở nên dấu chỉ cụ thể của lòng thương xót trong cuộc sống”.[1] Tại Việt Nam, Năm Thánh Lòng

Thương Xót trùng với Năm Tân Phúc-Âm-hóa đời sống xã hội (2016), sau khi đã tập trung vào gia đình (2014) và cộng đoàn giáo xứ, dòng tu (2015). “Sự trùng hợp này giúp chúng ta hiểu và sống cách cụ thể định hướng mục vụ của Giáo Hội Việt Nam. **Tân Phúc-Âm-hóa đời sống xã hội** chính là sống, chia sẻ, loan báo và làm chứng cho lòng thương xót ngay trong đời sống xã hội”.[2] Dẫu vậy, công cuộc Tân-Phúc-Âm-hóa bao giờ cũng bắt đầu từ mỗi cá nhân sống trong gia đình rồi đến xã hội: “tu thân, tề gia, trị quốc”. Trước hoàn cảnh khủng hoảng hôn nhân gia đình hiện nay, Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới lần thứ XIV vừa qua một lần nữa bàn thảo về Mục vụ gia đình và nhấn mạnh đến tính **chủ thể mục vụ của gia đình** trong chủ đề: “Ơn gọi và sứ mạng của gia đình trong Giáo hội và thế giới ngày nay”. Đức Thánh Cha Phanxicô trong bài giảng lễ kết thúc đã nói bổn phận đầu tiên của Hội Thánh không phải là «đưa ra những lời kết án hay vạ tuyệt thông» nhưng là “**công bố lòng thương xót của Thiên Chúa**”.

Chuẩn bị mở Năm Thánh về Lòng Thương Xót, Đức Thánh Cha Phanxicô nói: “Thời đại ngày nay, khi Hội Thánh đang thực thi công cuộc Tân Phúc-Âm-hóa, lòng thương xót quả là cần thiết để một lần nữa tạo nên **nhiệt tình mới và đổi mới các hoạt động mục vụ**. Điều tối quan trọng đối với Hội Thánh, cũng như để làm cho lời rao giảng của Hội Thánh đáng tin, chính là sống và làm chứng cho lòng thương xót. Ngôn ngữ và hành động của Hội Thánh cần phải thông truyền lòng thương xót, để đến với trái tim con người và giúp họ gặp thấy lối đường dẫn về Chúa Cha”.[3] Vì thế, trong năm mới đang tới này, các đức Giám mục Việt Nam kêu gọi “mỗi người Công giáo phải trở thành nhân tố tích cực trong việc xây đắp nền văn minh tình thương và văn hóa sự sống. Không có

những chứng nhân của lòng thương xót, xã hội sẽ trở thành một sa mạc hoang vu, cằn cỗi, không sức sống. […] Đáp lại lời kêu gọi của Đức Giáo hoàng Phanxicô, anh chị em hãy tích cực thực thi lòng thương xót".[4]

Để xây dựng nền văn minh tình thương và văn hóa sự sống, người Công giáo có tấm bảng chỉ đường cụ thể là **Giáo huấn xã hội của Giáo hội**. Giáo huấn này được trình bày trong tài liệu "Tóm lược Học thuyết xã hội Công Giáo" do Hội Đồng Tòa Thánh về Công Lý và Hòa Bình phát hành. "Đây là tài liệu đúc kết và hệ thống hóa những chỉ dẫn của Giáo hội, nhằm đem tinh thần Phúc Âm thấm nhập các lãnh vực xã hội. Chúng ta không thể Phúc-Âm-hóa đời sống xã hội mà lại không biết gì về Giáo huấn xã hội của Giáo hội".[5] "Học thuyết xã hội là một phần thiết yếu cho tác vụ Phúc-âm-hóa của Giáo hội nên trọn vẹn".[6] Vì thế, cách đặc biệt trong năm mục vụ sắp tới này, mọi thành phần Dân Chúa được khuyến khích *học hỏi, thảo luận và giúp nhau sống* những giáo huấn này. Trong học thuyết xã hội của Giáo hội người Kitô hữu có thể tìm thấy những nguyên tắc để suy tư, những tiêu chuẩn để phán đoán và những chỉ dẫn để hành động. Đó là bước đầu để đẩy mạnh nền nhân bản toàn diện và liên đới. "Giảng dạy và phổ biến học thuyết xã hội là một phần trong sứ mạng loan báo Tin Mừng của Giáo Hội".[7] Trong số những vấn đề xã hội, người Kitô hữu hiện nay được mời gọi lưu ý đặc biệt đến vấn đề môi sinh và người nghèo trong xã hội, lắng nghe và đáp lại "*cả tiếng khóc của Trái đất, và tiếng khóc của người nghèo*".[8]

Trong hướng mục vụ đó, để giúp các cộng đoàn dân Chúa tại Việt Nam suy tư, sống, cảm nghiệm , chia sẻ và loan báo Lòng Thương Xót qua việc Tân Phúc-Âm-hóa đời sống xã hội, chúng tôi gợi ý nơi đây các chủ đề tương ứng với mỗi tháng trong năm 2016 này. Mỗi chủ

đề cho thấy chiều dọc của Lòng Thương xót được "nhập thể" trong chiều ngang, tức là chiều kích nhân học xã hội, trong các lãnh vực khác nhau. Những chủ đề phản chiếu qua các từ khóa: truyền giáo (sứ vụ), di dân, phẩm giá con người, gia đình, việc làm (lao động), đối thoại (truyền thông), công ích, hòa bình, người nghèo, môi sinh.

Stt	**Chủ đề trong tháng (từ tháng 12/2015 đến hết tháng 11/2016)**	**Sự kiện ý nghĩa**
1	« Thiên Chúa hằng thương xót từ đời nọ đến đời kia »	8-12-2015 Khai mạc Năm Thánh Lòng Thương Xót
2	Lời giải đáp của Tin Mừng Lòng Thương Xót cho chất vấn của người di dân và tị nạn.	17-01-2016 Ngày cho người di dân
3	Phẩm giá con người do Lòng Thương Xót.	10-02-2016 Vào Mùa Chay
4	Giữa lòng xã hội: Gia đình phản chiếu dung mạo Lòng Thương Xót.	04&05-03-2016 24 giờ dành cho Chúa
5	Lao động thể hiện phẩm giá thụ tạo theo hình ảnh của Đấng hay Thương Xót.	04-05-2016 Cháa nhật II Phục Sinh-Cháa Nhật Lòng Thương Xót.
6	Đối thoại xã hội : truyền thông Lòng Thương Xót.	15-05-2016 Cháa nhật Chúa Thánh Thần Hiện Xuống
7	Công ích và hòa bình trong xã hội : khởi đầu cho Lòng Thương Xót.	03-06-2016 Lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu

8	Tân Phúc Âm hóa để môi sinh văn hóa thấm đẫm tình yêu - lòng thương xót.	
9	Lòng từ bi hay thương xót : động lực của Tân Phúc âm hóa nền kinh tế chính trị.	
10	Lòng thương xót hay tha thứ và «món nợ sinh thái» không thể được dung tha.	01-09-2016 Ngày thế giới cầu nguyện cho việc chăm sóc thiên nhiên.
11	Lòng thương xót trong sứ mạng của Hội Thánh	23-10-2016 Ngày Chúa Nhật Truyền Giáo.
12	Thiên Chúa hằng xót thương những người nghèo và những người dễ bị tổn thương trong xã hội.	23-11-2016 Chúa Nhật Chúa Kitô Vua kết thúc Năm Thánh Lòng Thương Xót.

[1] HĐGMVN, *Thư Gửi Cộng Đồng Dân Chúa* 17-09-2015, 2.
[2] *Ibid.* 3.
[3] ĐGH PHANXICÔ, *Tông sắc Misericordiae Vultus (Dung mạo Lòng Thương Xót)*, 12.
[4] HĐGMVN, *Thư Gửi Cộng Đồng Dân Chúa* 17-09-2015, 3.
[5] *Ibid.* 4.
[6] TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO (HTXHCG), 66.
[7] GIOAN PHAOLÔ II, *Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis*, 41.
[8] PHANXICÔ, *Thông điệp Laudato Si'* 49.

Văn phòng HĐGMVN
[Sưu tầm của GDHT]

Gợi ý mục vụ trong Năm Thánh Lòng Thương Xót
Sống Năm Thánh Lòng Thương Xót
với việc Tân Phúc-Âm-hoá Đời sống xã hội

"THIÊN CHÚA HẰNG THƯƠNG XÓT TỪ ĐỜI NỌ ĐẾN ĐỜI KIA"

"Hãy có lòng thương xót như Cha của anh em là Đấng hay thương xót" (Lc 6,36)

Trong khi cử hành Năm Thánh ngoại lệ để kỷ niệm 50 năm bế mạc Công đồng Vatican II, Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc chúng ta nhớ lời của thánh Giáo hoàng Gioan XXIII phát biểu vào ngày khai mạc Công đồng để xác định hướng đi của Công đồng: "Ngày nay, Hiền Thê của Chúa Kitô muốn sử dụng phương dược của lòng thương xót hơn là của sự nghiêm khắc… Hội Thánh Công giáo muốn thể hiện chính mình như một người mẹ đầy yêu thương của tất cả mọi người, một người mẹ từ ái, nhẫn nại, luôn được thôi thúc bởi lòng thương xót và nhân hậu đối với những người con đang xa rời mẹ"[1]. Muốn thế, Hội Thánh Hiền Thê phải chiêm ngắm và kết hợp thường xuyên với Đấng Phu Quân, là Dung mạo hữu hình của Thiên Chúa Toàn năng Giàu lòng Thương xót.

1. Thiên Chúa toàn năng và hay thương xót

"Vì lòng thương xót của Chúa bền vững muôn đời" (*Tv* 136)

Thiên Chúa tỏ lộ sự toàn năng của Ngài qua lòng thương xót. "Thực thi lòng thương xót là đặc điểm riêng của Thiên Chúa, và đó là cách thức đặc biệt để Ngài bày tỏ sự toàn năng của Ngài"[2]. Thiên Chúa là Đấng trung thành (*hesed*) giàu nhân nghĩa. "Ngài thứ tha mọi lỗi lầm

của ngươi, Ngài chữa lành tất cả các bệnh tật của ngươi, Ngài cứu chuộc sự sống ngươi khỏi huyệt sâu. Ngài vinh thăng ngươi với lòng thương xót và lòng trắc ẩn" (*Tv* 103,3-4). "Ngài chữa lành những người bị dập nát tâm can và băng bó các thương tích của họ… Chúa nâng dậy những kẻ bị chà đạp, hạ kẻ gian ác xuống đến sát đất" (*Tv* 147,3.6). Lòng thương xót làm cho lịch sử của Thiên Chúa nơi dân Israel Cựu ước trở thành lịch sử cứu độ. Không chỉ trong lịch sử, nhưng cho đến đời đời, con người vẫn luôn sống dưới ánh mắt thương xót của Chúa Cha: "Vì lòng thương xót của Chúa bền vững muôn đời" (*Tv* 136). Không phải ngẫu nhiên mà dân Israel đưa Thánh vịnh này, được gọi là *"Bản trường ca Hallel"*, vào những ngày lễ quan trọng nhất. Trước khi chịu khổ nạn, Chúa Giêsu đã cầu nguyện bằng Thánh vịnh lòng thương xót này.[3]

2. Dung mạo hữu hình của Lòng Thương Xót

"Ai thấy Thầy là thấy Cha" (*Ga* 14,9)

Khi thiết lập bí tích Thánh Thể, để muôn đời tưởng nhớ đến Người và cuộc Vượt Qua, Chúa Giêsu đã đặt hành động tối thượng này của Mạc khải dưới ánh sáng của Lòng thương xót. Cũng trong chính bối cảnh lòng thương xót ấy, Chúa Giêsu đã trải qua Khổ Nạn và Cái Chết, ý thức mầu nhiệm Tình yêu cao cả sẽ diễn ra trên Thập giá.[4] "Thiên Chúa là Tình Yêu" (*1Ga* 4,8.16). Tình Yêu ấy giờ đây trở nên hữu hình và được tỏ lộ trong hiến tế Thập giá và cả cuộc đời của Chúa Giêsu. "Khi chăm chú ngắm nhìn Chúa Giêsu và dung mạo lòng thương xót của Người, chúng ta có thể cảm nhận được tình yêu của Ba Ngôi Chí Thánh. Chúa Giêsu đã lãnh nhận sứ vụ mạc khải trọn vẹn mầu nhiệm Tình Yêu của Thiên Chúa"[5]. Bản thân Người là Tình Yêu ban tặng cách vô điều kiện.

“Những dấu lạ Người thực hiện, nhất là cho các tội nhân, cho những người nghèo khổ, những người bị gạt ra bên lề xã hội, cho các bệnh nhân và những người đau khổ, tất cả đều mang dấu ấn của lòng thương xót. Không có gì nơi Người thiếu vắng lòng thương xót.”[6]

Chúa chạnh lòng thương (x. *Mt* 9,36) và nuôi ăn, cả bánh vật chất và bánh tinh thần, đám đông dân chúng đi theo Người đói khát, mệt mỏi và kiệt sức, không người chăn dắt. Chúa cảm thương và hiểu thấu tâm tư những kẻ đến tìm gặp Người (như Giakêu, chị phụ nữ Samaria, Nicôđêmô, người thu thuế Lêvi - Matthêu, người mẹ góa mất con thành Nain, những bệnh nhân, những người bị quỷ ám…) và đáp ứng những nhu cầu chân thực nhất của họ.

3. Lòng thương xót là tiêu chuẩn nhận biết con cái thật của Thiên Chúa

“Tại sao ngươi không thương xót bạn ngươi như ta đã thương xót ngươi?” (Mt 18,33)

“Cha Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với các con như vậy, nếu mỗi người trong các con không thật lòng tha thứ cho anh em mình” (*Mt* 18,35). Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc chúng ta: “Chúa Giêsu khẳng định lòng thương xót không chỉ là một hành động của Chúa Cha, nhưng còn là tiêu chuẩn để nhận biết ai là con cái thật của Ngài. Tóm lại, chúng ta được kêu gọi để sống lòng thương xót, vì lòng thương xót được ban cho chúng ta trước. Việc tha thứ những xúc phạm là một thể hiện rõ ràng nhất của tình yêu thương xót, và đối với các Kitô hữu chúng ta, đây là một mệnh lệnh không thể bỏ qua”.[7]

Để có thể sống, tuyên xưng lòng thương xót đó, thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II lưu ý chúng ta “liên tục suy niệm Lời Chúa, nhất là tham dự cách ý thức và có suy nghĩ bí tích Thánh Thể và bí tích Hòa giải, mang một ý

nghĩa rất lớn. Thánh Thể luôn đưa chúng ta lại gần tình thương mạnh hơn sự chết này”[8].

Trong năm Tân Phúc-Âm-hóa đời sống xã hội này, các giám mục Việt Nam kêu gọi “mỗi người Công giáo phải trở thành nhân tố tích cực trong việc xây đắp nền văn minh tình thương và văn hóa sự sống. Không có những chứng nhân của lòng thương xót, xã hội sẽ trở thành một sa mạc hoang vu, cằn cỗi, không sức sống. […] Đáp lại lời kêu gọi của Đức giáo hoàng Phanxicô, anh chị em hãy tích cực thực thi lòng thương xót”[9].

Câu hỏi chia sẻ và thảo luận

1. Cá nhân, gia đình của anh chị có một quyết tâm cụ thể đổi mới gì trong cuộc sống để chiêm ngắm, sống, chia sẻ lòng thương xót của Chúa?

2. Phúc-âm-hóa xã hội trong Năm Lòng Thương xót này có thể được thể hiện ở lãnh vực, hay đối tượng nào cấp thiết nhất ở địa phương của anh chị? Trong vùng, đất nước của anh chị? Và trên thế giới?

_____

[1] Diễn từ khai mạc CĐ Vatican II, *Gaudet Mater Ecclesia*, 11.10.1962, 2-3.
[2] Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, II-II, q.30, a.4.
[3] ĐGH Phanxicô, *Misericordiae Vultus*, 7.
[4] *Ibid.*
[5] *Ibid.* 8.
[6[*Ibid.*
[7] *Ibid.* 9.
[8] *Dives in Misericordia,* 13.
[9] HĐGMVN, *Thư Gửi Cộng Đồng Dân Chúa* 17-09-2015, 3.

Văn phòng HĐGMVN
[Sưu tầm của GDHT]

BÀI CA CỦA ĐỨC MA-RI-A, BÀI CA LÒNG CHÚA XÓT THƯƠNG (Lc 1, 46-55)

Lm. Inhaxiô Hồ Thông

Dẫn nhập:

Đức Ma-ri-a đã cất lên bài *"Ngợi khen"* ca ngợi *"lòng Chúa xót thương"* trong bối cảnh *"thăm viếng bà Ê-li-sa-bét"*. Bà Ê-li-sa-bét *"được đầy tràn Thánh Thần"* (1,41) nhận biết đầy đủ ý nghĩa của những sự việc xảy ra trong lòng bà và chung quanh bà, từ đó bà đã cất tiếng ca ngợi hai ân phúc lớn lao hình thành nên sự cao cả của Đức Ma-ri-a, người em họ mình: Ân phúc được làm Mẹ Thiên Chúa (1,42-43) và ân phúc vì Mẹ đã tin rằng lời Chúa nói với Mẹ sẽ được thực hiện (1,45). Ở nơi Đức Ma-ri-a, hai ân phúc này là một, theo đó ân phúc được làm Mẹ Thiên Chúa là kết quả của ân phúc tin vào lời Chúa. Quả thật, ngay khi tin rằng lời Chúa nói với Mẹ sẽ được thực hiện, Đức Ma-ri-a trở thành Mẹ của Con Thiên Chúa làm người trong cung lòng Mẹ.

Đây là điều Mẹ đã muốn giữ kín trong lòng, nay bà Ê-li-sa-bét đã phát hiện, vì thế Mẹ không còn lý do gì để giữ kín nữa, nhưng để cho niềm cảm tạ tri ân của mình vỡ tràn thành bài ca*"Ngợi khen"*: *"Hoa trái đầu tiên của Chúa Thánh Thần là bình an và niềm vui. Và Đức Trinh Nữ đã đón nhận trong cung lòng của Mẹ tất cả ân sủng của Chúa Thánh Thần"* (St Basil, *In Psalmos homiliae*, on Ps 32).

Bài *"Ngợi khen"* của Đức Ma-ri-a hòa nhập vào dòng chảy cảm tạ tri ân của những người Do Thái mộ đạo. Đối với người Do Thái đạo hạnh, không có biến cố nào, dù giản dị mấy đi nữa, mà không trở thành một bài ca chúc tụng Thiên Chúa của mình. Một ngày sống của một người Do Thái thánh thiện được đan dệt bằng những lời cảm tạ và tri ân Thiên Chúa của mình. Tâm tình mà người Do Thái dành cho Thiên Chúa của mình rất cụ thể, thực tế. Họ không bao giờ chiêm ngưỡng Thiên Chúa trong thế giới trừu tượng, nhưng thân thưa với Thiên Chúa của mình là Đấng sáng tạo, Đấng hoạt động, Đấng can thiệp, cất tiếng cảm tạ và tri ân lòng Chúa xót thương qua một sự kiện hay một biến cố chính xác, và trên hết, vì Giao Ước. Do đó, có biết bao bài thánh thi tự phát mà Cựu Ước vẫn còn trân trọng bảo tồn cho chúng ta, chẳng hạn như nguồn thi hứng bất tận của nhiều Thánh vịnh; bài thánh thi của ông Môsê ca ngợi ơn cứu thoát của Thiên Chúa sau khi vượt qua biển Đỏ (*Xh* 15,1-18); bài thánh thi của bà Đơvôra hát mừng Thiên Chúa, Đấng thân chinh cùng Ít-ra-en trong cuộc chiến thắng quân Ca-

na-an (*Tl* 5,1-31); những bài thánh thi trong sách Tô-bi-a, nhất là bài thánh thi sau cùng xưng tụng Thiên Chúa vì đã cho họ được thấy một thiên sứ của Thiên Chúa (*Tb* 13,1-17); và cuối cùng, đặc biệt là bài thánh thi của bà An-na, mẹ của ông Sa-mu-en, bà cất tiếng cảm tạ tri ân lòng Chúa xót thương dành cho bà khi ban cho bà một người con biết bao mong đợi (*1 Sm* 2,1-10). Bài *"Ngợi khen"* của Đức Ma-ri-a được khơi nguồn cảm hứng từ bài thánh thi của bà An-na này.

Trong bài *"Ngợi khen"* của Đức Ma-ri-a, các câu Kinh Thánh không được trích dẫn cách minh nhiên, tuy nhiên chúng được đan kết với nhau bằng những ngôn từ, những diễn ngữ gợi mở độc giả đến những câu, những đoạn Kinh Thánh Cựu Ước đa dạng. Mỗi người Do Thái đạo hạnh vào thời đó đã cầu nguyện bằng những lời Kinh Thánh hay suy gẫm những gì mà họ nhớ khi đọc Kinh Thánh, vì thế chẳng có gì ngạc nhiên khi đọc thấy trong bài Ngợi khen, Đức Ma-ri-a thốt lên những lời cầu nguyện theo cùng cách thức như thế. Thêm nữa, chính Chúa Thánh Thần đã gợi hứng cho các tác giả Cựu Ước, bây giờ Ngài gợi hứng cho Đức Ma-ri-a cất tiếng ngợi khen lòng Chúa xót thương: *"Kinh Magnificat, – có thể nói, là bức chân dung của tâm hồn Mẹ – hoàn toàn được dệt nên bằng các sợi chỉ Kinh Thánh, những sợi chỉ rút ra từ Lời Chúa. Như thế, khi ở trong Lời Chúa, Đức Ma-ri-a tỏ ra thật sự ở trong nhà mình, Mẹ thoải mái đi ra đi vào. Mẹ nói năng và suy nghĩ nhờ Lời Chúa; Lời Chúa trở thành lời của Mẹ, và lời của Mẹ phát sinh từ Lời Chúa. Ở đây, chúng ta thấy tư tưởng của Mẹ hoà điệu với tư tưởng của Thiên Chúa như thế nào, ý muốn của Mẹ nên một với ý muốn của Thiên Chúa như thế nào. Vì được Lời Chúa thấm nhuần sâu xa, Đức Ma-ri-a có thể trở thành*

Mẹ của Ngôi Lời Nhập Thể" (ĐTC Bênêđictô XVI, "Verbum Domini", 74).

Bài *"Ngợi khen"* này, một bài thánh thi lóng lánh những sắc màu chan chứa tâm tình cảm tạ và tri ân lòng Chúa xót thương, gồm ba khổ thơ được phân biệt rất rõ nét:

A- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho bản thân Mẹ (1,46-50).

B- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho những người phận nhỏ (1,51-53).

C- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho dân tộc Mẹ (1,54-55).

A- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho bản thân Mẹ (1,46-50)

Trong khổ thơ thứ nhất (1,46-50), Đức Ma-ri-a cất tiếng ngợi khen lòng Chúa xót thương dành cho bản thân Mẹ, vì Ngài đã ban cho Mẹ biết bao ân phúc.

"Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa,
thần trí tôi hớn hở vui mừng
vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi" (1,46-47)

Bài ca của bà An-na cũng bắt đầu với tâm tình tương tự như vậy:

"Tâm hồn con hoan hỷ vì Đức Chúa,
nhờ Đức Chúa, con ngẩng đầu hiên ngang.
Con mở miệng nhạo báng quân thù:
Vâng, con vui sướng vì được Người cứu độ" (*1 Sm* 2,1).

W. Barclay nhận xét rằng những câu mở đầu bài *"Ngợi khen"* của Đức Ma-ri-a dưới khía cạnh *"cuộc cách mạng tâm linh"*: *"Cô thiếu nữ trẻ trung, đơn sơ, khiêm nhường của Na-da-rét hai ngàn năm trước đã nhận được cuộc thăm viếng kỳ diệu của Chúa. Hồng ân*

tuyệt diệu đó đã tác động, biến đổi, khiến cô có thể dâng bài ca chúc tụng Chúa Hằng Sống" (W. Barclay, TM Luca, 14).

"Phận nữ tỳ hèn mọn,
Người đoái thương nhìn tới;
từ nay, hết mọi đời
sẽ khen tôi diễm phúc" (1,48)

Trong trường hợp của Đức Trinh Nữ, Thiên Chúa đã ban cho Mẹ nhiều ân ban hơn bất cứ người nào khác, đặc biệt chỉ là một trinh nữ hèn mọn làng quê Na-da-rét được Thiên Chúa chọn làm Mẹ Con Một nhập thể của Ngài. Từ trước cho đến nay, Thiên Chúa đã biểu lộ lòng xót thương của Ngài cho biết bao người trong dân Chúa chọn như Ngài đã cất nỗi tủi nhục của bà Xa-ra, mẹ của I-xa-ác; bà An-na, mẹ của Sa-mu-en; hay bà Ê-li-sa-bét, mẹ của Gioan Tẩy Giả, nhưng chưa bao giờ Ngài bày tỏ lòng xót thương dành cho Đức Ma-ri-a đến mức Mẹ vừa là Mẹ của Con Một Ngài vừa là Trinh Nữ. Vào ngày lễ tôn kính Đức Ma-ri-a, Giáo Hội đã ca ngợi Mẹ ở nơi ân phúc cao vời này: *"Lạy Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Mẹ thật diễm phúc, vì đã cưu mang Đấng tạo thành nên Mẹ và muôn đời Mẹ vẫn trinh khiết"* (*Sách lễ Rôma*, Ca nhập lễ). Đức Thánh Cha Pi-ô X mời gọi các tín hữu:*"Vui với Đức Mẹ vì phẩm giá của Mẹ là Mẹ Thiên Chúa và ca ngợi Chúa, cảm tạ Ngài vì đã ban cho chúng ta Đức Giê-su Ki-tô qua Đức Ma-ri-a"* (St Pius X Cathechism, 333).

Việc Đức Ma-ri-a tự nhận mình là *"Phận nữ tỳ hèn mọn"* khiến thánh Bê-na-đô đã phải thốt lên: *"Sự chết đã đột nhập vào thế gian qua sự tự cao tự đại của hai ông bà nguyên tổ chúng ta như thế nào, thì Sự Sống đột nhập vào thế gian được bày tỏ qua đức khiêm hạ của Đức Ma-ri-a cũng như vậy"* (*In Lucae Evangelium expositio, in loc.*). Với lời này *"Người đoái thương nhìn tới"*, Đức Ma-ri-

a không còn tham chiếu đến bài ca của bà An-na nữa, nhưng đến lời khấn hứa nồng nàn thấm đẫm nước mắt của bà An-na khi thổ lộ tâm can cùng Thiên Chúa: *"Lạy Đức Chúa, nếu Người đoái nhìn đến nỗi khổ cực của nữ tỳ Người đây"* (*1 Sm* 1,10).

Thiên Chúa ân thưởng cho đức khiêm hạ của Đức Trinh Nữ khi vén mở cho nhân loại nhận biết sự cao cả của Mẹ:*"Từ nay hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc"*. Lời này được ứng nghiệm mỗi lần người tín hữu đọc Kinh Kính Mừng, và quả thật trên trần thế Mẹ được ca ngợi liên tục không hề dứt. *"Từ những thời rất xa xưa, Đức Trinh Nữ đã được tôn kính dưới tước hiệu 'Mẹ Thiên Chúa', và các tín hữu đã khẩn cầu cùng ẩn náu dưới sự che chở của Mẹ trong mọi cơn gian nan khốn khó. Nhất là từ công đồng Ê-phê-xô, Dân Thiên Chúa đã gia tăng lòng tôn kính Đức Ma-ri-a cách lạ lùng: họ sùng kính mến yêu, cầu khẩn và noi gương đúng như lời Mẹ đã tiên báo: 'Muôn đời sẽ khen tôi có phúc, vì Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi những việc trọng đại'"* (Vatican II, *Lumen gentium*, 66).

"Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi
biết bao điều cao cả,
danh Người thật chí thánh chí tôn!" (1,49)

Lời này được mượn ý tứ từ *Tv* 71,19: *"Người làm những việc lớn lao, lạy Thiên Chúa, nào ai sánh tày!"* và được thích ứng vào cá nhân Đức Ma-ri-a. Đức Ma-ri-a thêm vào đây một lời khẩn nguyện của riêng mình: "*Danh Người thật chí thánh chí tôn!"*, kiểu nói này mang đậm nét Do Thái và được Chúa Giê-su lấy lại trong Kinh Lạy Cha: *"Xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển"* (*Lc* 11,2).

"Đời nọ đến đời kia,
Chúa hằng thương xót
những ai kính sợ Người" (1,50)

Ngay từ giây phút Ngôi Lời nhập thể trong cung lòng trinh khiết của Đức Ma-ri-a, những lời này mở ra một viễn cảnh lịch sử cứu độ. Sau biến cố Phục Sinh của Đức Giê-su, viễn cảnh này thật sự mới về cả phương diện lịch sử lẫn phương diện cánh chung. Từ đó cho đến nay, lòng Chúa thương xót không hề dứt, từ thế hệ này đến thế hệ khác, dành cho những ai kính sợ Chúa trong gia đình nhân loại bao la, theo chiều hướng càng lúc càng gia tăng. Đó cũng là lòng Chúa thương xót không hề vơi, từ thế hệ này đến thế hệ khác, dành cho Dân Thiên Chúa Mới, được ghi dấu cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Đức Giê-su và *"được đóng ấn"* bởi mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Một mặc khải tuyệt mức về lòng Chúa xót thương mà Đức Ma-ri-a đã công bố ở ngưỡng cửa nhà chị họ của Mẹ.

Trong khổ thơ thứ nhất này, Đức Ma-ri-a ngợi khen lòng Chúa xót thương dành cho Mẹ khi Ngài chọn Mẹ làm Mẹ Con của Ngài, dù Mẹ chỉ là phận nữ tỳ hèn mọn, chẳng có công trạng gì. Đó là lý do tại sao các thế hệ tương lai sẽ gọi Mẹ là người có phúc nhất. Do đó, Mẹ hiểu hơn ai hết rằng biến cố Nhập Thể là cách thức diễn tả tận mức lòng Chúa xót thương. *"Vì thế, Đức Ma-ri-a là người 'có một sự hiểu biết sâu xa nhất về mầu nhiệm lòng xót thương của Thiên Chúa'. Mẹ biết giá trị của mầu nhiệm này, Mẹ biết mầu nhiệm này thật vĩ đại biết bao. Theo ý nghĩa này, chúng ta gọi Mẹ: 'Đức Bà đầy tràn lòng Chúa xót thương' hay "Đức Mẹ chan chứa lòng Chúa xót thương"; ở nơi mỗi tước hiệu này có một ý nghĩa thần học sâu xa, vì chúng diễn tả sự chuẩn bị đặc biệt của tâm hồn Mẹ, toàn bộ nhân cách của Mẹ, đến nỗi Mẹ đã có thể nhận biết, qua những biến cố phức tạp, trước hết của Ít-ra-en, đoạn của mỗi một cá nhân và của toàn thể nhân loại, rằng lòng Chúa xót thương dành cho họ 'đời nọ đến*

đời kia' đó là trở nên những người được dự phần vào kế hoạch ngàn đời của Ba Ngôi Cực Thánh" (Đức Gio-an Phao-lô II, Dives in misericordia, 9).

B- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho những người phận nhỏ (1,51-53)

Trong khổ thơ thứ hai (1,51-53), nhân danh những người phận nhỏ, Đức Ma-ri-a tán dương Thiên Chúa vì Ngài hằng đoái thương nhìn đến phận hèn bé mọn của họ (1,51-53).

"Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh,
dẹp tan phường lòng trí kêu căng" (1,51)

W. Barclay giải thích câu này dưới khía cạnh*"cuộc cách mạng luân lý"*. Đối với những ai tự cao tự đại cho mình trên những người khác và khinh thường những người khác, Thiên Chúa sẽ phân tán họ như Ngài đã phân tán những người xây dựng tháp Ba-ben *"có đỉnh cao chọc trời"* và tự cao tự đại rằng *"ta phải làm cho danh ta lẫy lừng"* (*St*11,4). Thánh J. Escriva giải thích như sau: *"Khi tính tự cao tự đại ngự trị một tâm hồn, không gì phải ngạc nhiên tính xấu này kéo theo những tính xấu khác – tham lam, tự mãn, thèm muốn, bất chính. Những kẻ tự cao tự đại ra sức lật đổ ngai Thiên Chúa, Đấng đầy lòng xót thương với mọi loài thọ tạo của Ngài, để chiếm lấy chỗ của Ngài bằng những phương thế tàn bạo của mình. Chúng ta hãy cầu xin Chúa đừng để mình sa vào chước cám dỗ này. Tính tự cao tự đại là tội xấu xa nhất và kỳ chướng nhất… Tính tự cao tự đại thật khó thương, ngay cả trên quan điểm con người. Ai tự cho mình trên mọi người và mọi việc, người ấy thường coi mình như mẫu gương đòi buộc những người khác bắt chước noi theo và khinh thường tha nhân. Đến lượt những người*

khác phản ứng lại bằng cách chế giễu sự vô lối điên rồ của hắn" (J. Escriva, *Friends of God*, 100).

"Chúa hạ bệ những ai quyền thế,
Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường" (1,52)

W. Barclay giải thích câu này dưới khía cạnh*"cuộc cách mạng xã hội"*. Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương vì Ngài đã đảo ngược bậc thang giá trị giữa những kẻ quyền thế giàu sang với những người thấp hèn, những người bị chà đạp áp bức, không biết cậy nhờ vào ai chỉ biết nương tựa và phó thác vào lòng Chúa xót thương. Bà An-na cũng đã chúc tụng Đức Chúa như vậy:

"Đức Chúa bắt phải nghèo và cho giàu có,
Người hạ xuống thấp, Người cũng nhấc lên cao.
Kẻ mọn hèn, Chúa kéo ra khỏi cát bụi,
ai nghèo túng, Người cất nhắc từ đống phân tro,
đặt ngồi chung với hàng quyền quý,
tặng ngai vinh hiển làm sản nghiệp riêng" (*1 Sm* 2,7-8).

Không kể đến các bản văn ngôn sứ, chúng ta có thể trích dẫn nhiều bài thánh vịnh ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho *"những người nghèo của Đức Chúa"* theo cùng một cách như vậy. Đức Ma-ri-a không phải là một điển hình sao? Trong cái nhìn của Thiên Chúa về sự đảo ngược bậc thang giá trị, Đức Ma-ri-a, một nữ tỳ hèn mọn, được các nhạc sĩ ca ngợi bằng những ca từ tuyệt đẹp: *"Mẹ chẳng vướng tội truyền, bông huệ ngát hương thiêng; Mẹ ví như ánh trăng diệu huyền, êm như cung đàn thần tiên"* (Bài thánh ca "Kính Mừng Nữ Vương" của nhạc sĩ Hải Linh).

"Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư,
người giàu có, lại đuổi về tay trắng" (1,53)

Dân Thiên Chúa đã kinh qua biết bao lần lòng Chúa xót thương dành cho người nghèo khổ trong dòng lịch sử của mình. Chẳng hạn như Thiên Chúa đã nuôi dân Ít-ra-

en bằng bánh man-na suốt bốn mươi năm trường trong hoang địa (*Xh* 16,4-35); hay sứ thần Thiên Chúa đã mang lương thực đến cho ngôn sứ Ê-li-a trong thời gian hạn hán (*1 V* 19,5-8) và cho ngôn sứ Đa-ni-en trong hầm sư tử (*Đn* 14,31-40); hoặc bà góa Xa-rếp-ta được cung cấp bột và dầu thật diệu kỳ không bao giờ cạn trong suốt thời gian hạn hán vì tấm lòng quảng đại của bà dành cho vị ngôn sứ của Ngài (*1 V* 17,8t.).

W. Barclay giải thích câu này dưới khía cạnh *"cuộc cách mạng kinh tế"*: *"Một xã hội ngoài Ki-tô giáo là một xã hội chiếm đoạt, ở đó mỗi người gắng sức thu góp cho mình càng nhiều càng tốt. Nhưng ở đây thì không ai dám có quá nhiều trong khi kẻ khác quá ít, ở đây tất cả mọi người đều nhận với mục đích để ban phát"*.

Còn thánh Ba-si-li-ô thì giải thích câu này liên quan đến biến cố Nhập Thể: *"Thiên Chúa đã cho dân Ngài được dư đầy Lề Luật của Ngài và lời rao giảng của các ngôn sứ, nhưng Ngài đã để cho phần còn lại của nhân loại phải đói khát Lời Ngài, bây giờ được biến cố Nhập Thể làm cho no thỏa. Thiên ân này sẽ được những người khiêm hạ chấp nhận; còn những kẻ tự mãn, vì không ước muốn những thiện hảo của Thiên Chúa, thì sẽ không được dự phần vào"* (St Basil, *In Psalmos homiliae*, on Ps 33). Cũng cách thức như vậy, biến cố Nhập Thể làm no thỏa lòng khao khát thánh thiện của Đức Ma-ri-a.

C- Đức Ma-ri-a ca ngợi lòng Chúa xót thương dành cho dân tộc Mẹ (1, 54-55)

Trong khổ thơ sau cùng (1,54-55), nhân danh toàn thể dân tộc Mẹ, Đức Ma-ri-a chúc tụng lòng Chúa xót thương dân tộc Mẹ, vì Ngài vẫn một mực trung tín với các lời hứa của Ngài. Đức Ma-ri-a hiểu rằng ở nơi Mẹ những lời hứa này bắt đầu được thực hiện.

"Chúa độ trì Ít-ra-en, tôi tớ của Người" (1,54)

Thiên Chúa đã dẫn dắt dân Ít-ra-en như người cha dẫn dắt đứa con bé bỏng của mình với trọn tấm lòng trìu mến yêu thương: *"Thiên Chúa của anh em, mang anh em như một người mang con mình, suốt con đường anh em đã đi"*(*Đnl* 1,31). Ngài đã cư xử với dân Ngài như vậy nhiều lần, khi sử dụng ông Mô-sê, ông Giô-su-ê, ông Sa-mu-en, vua Đa-vít, v. v., và giờ đây Ngài ban cho họ Đấng Mê-si-a vĩnh viễn, Đấng hiện thực lòng Chúa xót thương trước những nỗi khốn khổ của Ít-ra-en và toàn thể nhân loại.

"Như đã hứa cùng cha ông chúng ta,
vì Người nhớ lại lòng thương xót
dành cho tổ phụ Áp-ra-ham
và cho con cháu đến muôn đời" (1,55)

Đức Ma-ri-a hoàn tất bài ca Ngợi Khen của Mẹ bằng một tấm chân tình cảm tạ tri ân đối với lòng Chúa xót thương dành cho dân tộc Mẹ, vì Ngài đã không quên lời hứa của Ngài. Diễn ngữ *"Ngài nhớ lại"*được lặp đi lặp lại nhiều lần trong Kinh Thánh để diễn tả những lần Thiên Chúa bày tỏ lòng xót thương của Ngài khi can thiệp đúng thời đúng buổi, như khi Thiên Chúa nhớ đến ông Nô-ê (*St* 8,1), Ngài cho dừng trận đại hồng thủy, khi Thiên Chúa nhớ lại Giao Ước của Ngài với tổ phụ Áp-ra-ham (*Xh* 2,24), Ngài ra tay cứu thoát dân Ngài khỏi cảnh đời nô lệ bên Ai Cập, v.v... Giờ đây, Đức Ma-ri-a biết rằng *"Thiên Chúa nhớ lại lòng thương xót"* dành cho dân Ngài khi ban Đấng Mêsia như Ngài đã hứa từ ngàn xưa. Đây là vinh dự vĩ đại nhất mà Thiên Chúa dành cho dân Ngài: Con Thiên Chúa trở thành một người Do Thái: *"Xét như một phàm nhân, Đức Giê-su Ki-tô xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít"* (*Rm* 1,3).

Kết luận:

Không phải vì vài câu diễn tả lòng Chúa xót thương như *"Người đoái thương nhìn tới"* (1,48), *"Chúa hằng thương xót"* (1,50), *"Người nhớ lại lòng thương xót"* (1,55), *"Chúa độ trì"* (1,54), mà bài *"Ngợi khen"* này được gọi là bài ngợi ca lòng Chúa xót thương, nhưng phải nói rằng mỗi từ, mỗi câu được đan kết với nhau tạo thành một bản hợp xướng cất lên lời ca ngợi lòng Chúa xót thương. Vì thế, *"Lời kinh nguyện của chúng ta có thể hòa theo và bắt chước kinh nguyện này của Đức Ma-ri-a. Như Mẹ, chúng ta cảm thấy ước muốn hát ca, ngợi khen những kỳ diệu Thiên Chúa thực hiện, để loài người và toàn thể mọi loài thọ tạo cùng chia sẻ niềm vui của chúng ta"* (J. Escriva, *Christ is passing by*, 144).

"Đó phải là bài ca trong từng phút giây cuộc đời chúng ta. Không vui sao được khi biết rằng mình được Thiên Chúa yêu thương và cứu chuộc bằng chính máu của Con Một Người; không vui sao được khi biết rằng trong Người Con Một ấy chúng ta tìm được ánh sáng chân lý, bình an và hy vọng; không vui sao được khi biết rằng trong hành trình về nhà Cha, có biết bao người cùng tiến bước với ta" ("Mỗi Ngày Một Tin Vui").

Có người bảo rằng *"tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng"*, nhưng Stanley Jones cho rằng: *"Bài 'Ngợi khen' này là cuộc cách mạng lớn nhất trong thế giới"*. Còn W. Barclay thì nhận xét: *"Trong bài 'Ngợi khen' này có sự dịu dàng đáng yêu nhưng trong đó cũng có năng lực mạnh mẽ. Ki-tô giáo khiến nảy sinh cuộc cách mạng trong lòng người và cách mạng trong thế giới"* (TM Luca, 14) ■

[Sưu tầm của GDHT]

Gợi ý mục vụ trong Năm Thánh Lòng Thương Xót
Sống Năm Thánh Lòng Thương Xót
với việc Tân Phúc-Âm-hoá Đời sống xã hội

PHẨM GIÁ CON NGƯỜI DO LÒNG THƯƠNG XÓT

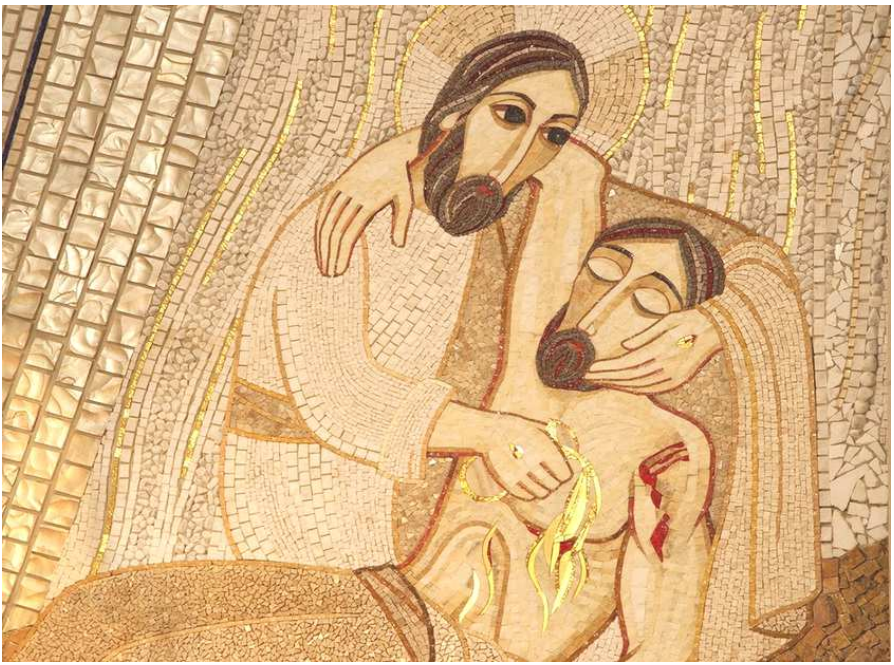

"Mọi sự của cha đều là của con" (Lc 15,32)

Bước vào Mùa Chay, chúng ta hãy cùng nhau suy niệm về phẩm giá làm con Chúa bởi ân sủng vô điều kiện của Tình Thương – Lòng Thương Xót của Chúa.

1. Tội lỗi làm mất phẩm giá làm con Thiên Chúa

"Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói" (Lc 15,17)

Con người là thọ tạo được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa (x. St 1, 27) Tình Yêu, là Cha, Con, và Thánh Thần. Con người (ađam) được tạo dựng từ đất (ađamah) và có sự sống nhờ được thần khí (ruah) Thiên Chúa linh hứng. Nhưng ngay từ đầu dòng lịch sử, con người đầu tiên đã nghe lời dụ dỗ của thần dữ mà phạm tội bất tuân lệnh Thiên Chúa, tự do bị lạm dụng vì giả trá đã thay thế sự thật. Từ đó, "là bụi đất người phải trở về với bụi đất". Mọi người từ đó sinh ra đời để chết (Sein zum Tode – M. Heidegger). Tội lỗi thâm nhập trần gian, con người và toàn thể loài người phải chết.

Tình cảnh đó phản chiếu qua hình ảnh "người con hoang đàng" của dụ ngôn Lc 15, 11-32. Khi xin cha chia phần gia sản để đi xa, người con tội lỗi ấy đã không ý thức được sự mất phẩm giá làm con. Chỉ sau khi tiêu tán hết gia tài rơi vào tình cảnh cùng cực đói khổ, người con tội lỗi đó mới tự nhận ra: "Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói" (c.17). Dưới bề mặt những lời nói này, người ấy tự đo lường theo mức độ những của cải mình đã mất, ẩn khuất bi kịch phẩm giá đã đánh mất, người ấy le lói ý thức tư cách làm con của mình đã hỏng. "Theo một nghĩa nào đó, người con này là con người mọi thời đại, kể từ người đầu tiên đã làm mất gia tài ân sủng và sự công

chính nguyên thủy”[1]. Tội lỗi đã làm con người mất phẩm giá làm con Thiên Chúa.

2. Ơn tha thứ trả lại cho ta phẩm giá làm con Thiên Chúa

“Vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay tìm lại được” (Lc 15, 32)

Nhưng Tình yêu, vốn là bản thể của Thiên Chúa, bày tỏ ra bởi Lòng Thương Xót, ngay lập tức tiến hành kế hoạch nhập thể cứu độ. Đến thời viên mãn, Con Thiên Chúa đã sinh hạ làm con một người phụ nữ Do thái, đã đến trần gian mạc khải Dung mạo của Lòng Thương Xót (Misericordiae Vultus) qua chính cuộc sống, qua lời nói và hành động, cái Chết và sự Phục sinh của Người. Người Con Một ấy, vì “loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta”, đã không được miễn chước khỏi đau khổ khủng khiếp của Thập Giá. Tất cả chiều sâu của mầu nhiệm Thập giá và chiều kích thần linh của thực tại cứu chuộc được bày tỏ qua lời thánh Phaolô: “Đấng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta” (2Cr 5,21).

Thánh Gioan Phaolô dạy, vì tội lỗi có trong thế gian này, mà “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban người Con

Một” (Ga 3,16), cho nên “Thiên Chúa là Tình yêu” (1Ga 4,8.16) chỉ có thể tự mạc khải là lòng thương xót mà thôi. Lòng Thương Xót của Thiên Chúa là vô cùng vô tận. Như vậy, sự mau mắn sẵn sàng của Chúa Cha cũng vô cùng vô tận để đón nhận những người con hoang đàng trở về nhà. Sự mau mắn và quyền năng của ơn tha thứ không ngừng tuôn trào từ của lễ hi sinh vô giá của Chúa Con cũng vô cùng vô tận. Không tội lỗi nào của con người trổi vượt hơn quyền năng này và giới hạn lại quyền năng này. Ơn tha thứ này chỉ bị giới hạn từ phía con người thiếu thiện chí, không sẵn sàng sám hối, tức là ngoan cố thường xuyên chống lại ân sủng và chân lý, đặc biệt khi đứng trước Thập giá và sự Phục sinh của Đức Kitô.[2]

Sự ăn năn sám hối của tội nhân dù “không trọn” (như “người con hoang đàng” trở về nhà cha chỉ vì để giải quyết cái đói cùng cực) nhưng ý thức mình không xứng đáng và mất quyền làm con, ý thức đầy đủ về lẽ công bình mình đáng chịu những hậu quả do mình gây ra, lại được bảo đảm bởi Tình thương biến thành lòng thương xót của Chúa Cha. Người cha trong dụ ngôn người con hoang đàng mạc khải Thiên Chúa là Cha, trung thành với tư cách làm cha, trung thành với tình thương tràn trề luôn dành cho con. Chúa Cha vui, cả thiên đàng vui, ăn khao thật hào phóng để mừng kẻ hoang đàng trở về “vì em

con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay tìm lại được" (Lc 15, 32). Con người tội nhân sám hối được tha thứ được trả lại phẩm giá làm con.

3. Hội Thánh làm chứng cho phẩm giá con người trong thế giới

"'Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi tặng ban Con Một của mình" (Ga 3,16)

Trong khi loan báo Tin mừng cứu chuộc do Lòng Thương Xót của Chúa, Hội Thánh làm chứng cho phẩm giá ấy của con người, vừa thuộc bình diện tạo dựng (theo hình ảnh Thiên Chúa - imago Dei) vừa thuộc bình diện cứu chuộc ("đã mất nay tìm lại được" nhờ ân sủng Đức Giêsu Kitô). Trung thành với sứ mạng ấy, Hội Thánh dạy rằng: "Ơn cứu chuộc do Đức Kitô mang lại và được giao cho sứ mạng cứu độ của Giáo Hội chắc hẳn thuộc trật tự siêu nhiên. Xác định chiều hướng này không phải là đặt giới hạn cho ơn cứu độ, nhưng đúng hơn là muốn diễn tả ơn cứu độ một cách toàn diện. Không được hiểu siêu nhiên như một thực thể hay một địa điểm khởi đi từ nơi mà tự nhiên kết thúc, nhưng phải hiểu siêu nhiên là nâng tự nhiên lên một bình diện cao hơn. Nếu thế thì không có gì thuộc về trật tự tạo thành hay nhân loại mà xa lạ hay bị loại khỏi trật tự siêu nhiên hay trật tự thần học của đức

tin và ân sủng, trái lại, tất cả đều tìm thấy trong trật tự này, đều được đảm nhận và nâng cao. “Trong Đức Giêsu Kitô, thế giới hữu hình do Chúa tạo thành cho con người (x. St 1,26-30) – thế giới ‘đã bị rơi vào tình trạng phù phiếm’ kể từ khi có tội xâm nhập vào (Rm 8,20; x. Rm 8,19-22) – đã lấy lại mối liên hệ nguyên thuỷ của mình với nguồn mạch Khôn Ngoan và Yêu Thương là Thiên Chúa. Thật vậy, ‘Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi tặng ban Con Một của mình’ (Ga 3,16). Mối liên hệ này đã bị phá vỡ trong con người Ađam, nay được hàn gắn lại trong con người Đức Kitô (x. Rm 5,12-21)”[3].

Câu hỏi chia sẻ và thảo luận

1. Xin anh chị nếu có thể chia sẻ với cộng đoàn nhỏ của mình một kinh nghiệm nhận được ơn tha thứ và cảm nghiệm về phẩm giá tìm lại được của người con được Thiên Chúa yêu thương.

2. Đâu là ý nghĩa và sự tự do do Tin mừng Chúa Giêsu Kitô mang lại cho con người, cho xã hội?

3. Cộng đoàn hay giáo xứ của anh chị có hiển lộ cho môi trường xã hội (qua phụng tự, qua huấn giáo, dấn thân

trong nghề nghiệp, bác ái xã hội…) như một cộng đoàn của Lòng Thương Xót của Chúa không?

---

[1] Th. Gioan Phaolô II, Dives in Misericordia, 5.

[2] Ibid., 13.

[3] HTXHCG, 63.

Văn Phòng HĐGMVN

[Sưu tầm của GDHT]

Gợi ý mục vụ trong Năm Thánh Lòng Thương Xót
Sống Năm Thánh Lòng Thương Xót
với việc Tân Phúc-Âm-hoá Đời sống xã hội

Giữa lòng xã hội Gia đình phản chiếu
dung mạo Lòng Thương Xót

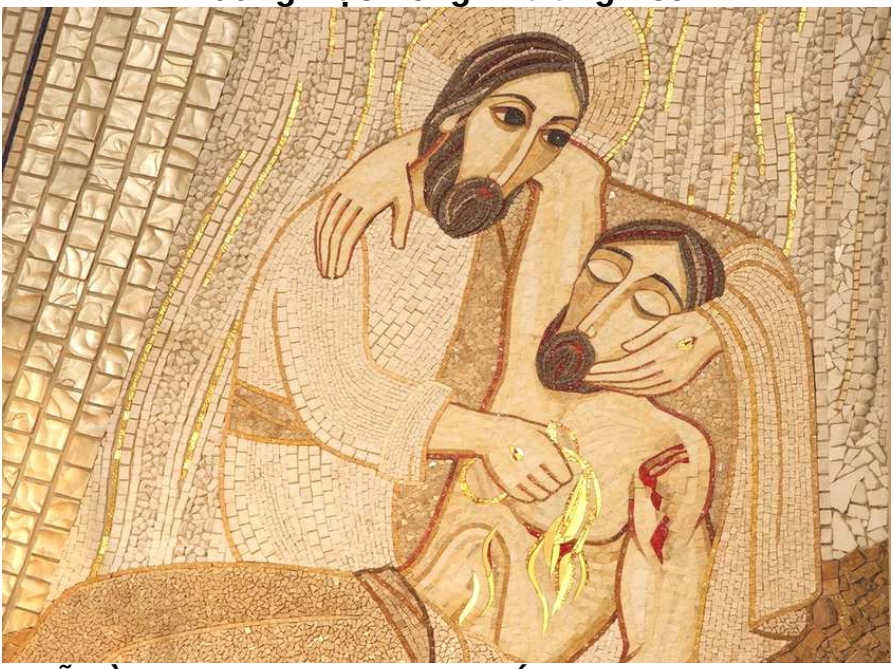

"Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy" (Mt 25,40)

Phẩm giá của con người trước mặt Thiên Chúa là nền tảng cho phẩm giá của con người trước mặt người khác.[1] Thật vậy, như Đức Thánh Cha Phanxicô nói: "Tin Thiên Chúa là Cha yêu thương chúng ta vô hạn qua đó Người ban cho chúng ta một phẩm giá vô hạn. Tin Con Thiên Chúa mặc lấy xác thịt nhân phàm có nghĩa là mỗi con người đã được đưa vào chính trái tim của Thiên

Chúa. Tin Đức Giêsu Kitô đã đổ máu mình ra vì chúng ta có nghĩa là loại bỏ mọi nghi ngờ về Tình yêu vô biên làm cho mỗi người nên cao quý"[2]. Ơn cứu chuộc chúng ta, còn có một *chiều kích xã hội,* bởi vì "trong Đức Kitô, Thiên Chúa không những cứu chuộc các cá nhân, mà còn cứu chuộc các mối quan hệ xã hội đang có giữa con người với nhau"[3].

1. Tình thương mạnh hơn sự chết, mạnh hơn tội lỗi

Thập giá Đức Kitô trên Núi Sọ là bằng chứng của sự dữ đối với chính Con Thiên Chúa. Đức Kitô, Đấng không hề biết tội là gì, "thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội vì chúng ta" (*2Cr* 5,21). "Thập giá Đức Kitô, trên đó Chúa Con, đồng bản thể với Chúa Cha, đền đáp đầy đủ công bằng cho Thiên Chúa, cũng là mạc khải triệt để về Lòng Thương Xót, nghĩa là về Tình Thương, tình thương này luôn chống lại cái làm thành chính cội rễ của sự dữ trong lịch sử là tội và sự chết… Thập giá là sự chạm đến của Tình Thương vĩnh cửu trên những vết thương đau đớn nhất của cuộc sống con người trong trần gian, và là sự hoàn tất đến cùng chương trình cứu thế… Thập giá Đức Kitô cho chúng ta hiểu rằng cội rễ sâu xa nhất của sự dữ nằm tận trong tội lỗi và sự chết… Sự kiện Đức Kitô 'ngày thứ ba đã trỗi dậy' là dấu chỉ đánh dấu sự hoàn tất sứ mệnh cứu thế, dấu chỉ tuyệt đỉnh cho mạc khải trọn vẹn về tình thương-lòng thương xót trong một thế gian đã bị sự dữ chế ngự"[4]. Sứ vụ cứu thế của Đức Kitô, sứ vụ của lòng thương xót trở nên sứ vụ của dân Người, của Hội Thánh. Thập giá vẫn đứng giữa sứ vụ ấy, vì Thập giá là nơi mạc khải về tình thương-lòng thương xót đạt tới đỉnh cao của mình. *Tình thương của Thiên Chúa mạnh hơn sự chết*. Hội Thánh hằng tuyên xưng:

"Tình thương Chúa đời đời con ca tụng" *(Misericordias Domini in aeternum cantabo)*.[5]

2. Gia đình tuyên xưng và công bố lòng Thương Xót của Thiên Chúa

Sứ vụ của lòng thương xót đó trở thành là sứ vụ thường trực của Hội Thánh tại gia, là gia đình, vốn thường xuyên cảm nghiệm lòng thương xót ấy như Đức Maria tuyên xưng ở ngưỡng cửa: "Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người"[6]. Qua kinh nghiệm và nhờ hy lễ tâm hồn mình góp phần vào mạc khải lòng Thiên Chúa xót thương, gia đình theo gương Thánh Gia, nối kết chặt chẽ với Thập giá của con Mẹ cũng là "thập giá của Mẹ" nơi tiếng "xin vâng" hằng ngày.

Có thể lấy chính lời của thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II áp dụng cho gia đình, Hội thánh tại gia: "Hội Thánh thực sự sống khi *tuyên xưng và công bố lòng thương xót,* ưu phẩm đáng kính phục nhất của Đấng Tạo Hóa và của Đấng Cứu Chuộc, và khi dẫn đưa con người đến các nguồn mạch lòng thương xót của Đấng Cứu Chuộc, các nguồn mạch được giao cho Hội Thánh giữ gìn và phân phối. Trong khuôn khổ ấy, việc suy niệm liên tục Lời Chúa, và nhất là việc tham dự có ý thức và suy nghĩ vào *Thánh Thể và bí tích Thống hối hay Hoà giải*, mang một ý nghĩa rất lớn."

3. Hội Thánh tại gia giữa lòng thế giới hôm nay

Gia đình tham dự vào ơn gọi và sứ mạng của Hội Thánh cũng mang lấy chiều kích xã hội của việc loan báo Tin mừng đó. Từ giữa tâm điểm của Tin mừng chúng ta thấy có mối liên kết sâu xa giữa loan báo Tin mừng và sự thăng tiến con người. Sự thăng tiến này phải được biểu hiện và phát triển trong mọi hoạt động loan báo Tin

mừng. Như vậy, ước muốn của gia đình còn là tìm kiếm và bảo vệ lợi ích của người khác nữa.

Anh chị em của chúng ta, nhất là những người nghèo quanh ta, là sự nối dài mầu nhiệm nhập thể cho mỗi người chúng ta: "*Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy" (Mt 25,40). Thế nên, gia đình sẽ là mình hơn nữa theo nghĩa thuộc về Thân Mình Đức Kitô hơn nữa, khi đi ra khỏi chính mình để đến với anh chị em, là một trong hai giới răn nền tảng cho mọi quy tắc luân lý và dấu hiệu nhận ra sự tăng trưởng thiêng liêng. Vì thế, "việc phục vụ bác ái cũng là một yếu tố cấu thành của sứ mạng Hội Thánh và là biểu hiện thiết yếu của chính sự hiện hữu của Hội Thánh"[7].*

Gia đình vì thế phải là chủ thể tích cực tham gia vào đời sống xã hội.[8] Nhìn nhận chủ thể tính và thế ưu tiên của gia đình trong xã hội, đòi hỏi "xã hội không bao giờ được bê trễ nhiệm vụ căn bản là tôn trọng và hỗ trợ các gia đình. Các quốc gia, xã hội, muốn tôn trọng thế ưu tiên và thế "thượng phong" của gia đình, cần phải bảo đảm và phát huy bản sắc đích thực của đời sống gia đình, đồng thời phải tránh và chống lại tất cả những gì có thể làm biến chất hay phương hại tới gia đình."[9]

Câu hỏi chia sẻ và thảo luận

1. Gia đình của anh chị em có yên ổn và tăng triển hơn không, khi tham gia vào các hoạt động của giáo hội, xã hội bên ngoài gia đình? Tại sao?

2. Gia đình tham gia vào đời sống chính trị-xã hội-kinh tế như thế nào để Phúc-Âm-hóa xã hội?

3. Gia đình sống và tuyên xưng Lòng Thương Xót của Chúa cụ thể như thế nào?

---

[1] x. *Gaudium et spes,* 29.
[2] *Evangelii Gaudium* 178.
[3] HĐTT CLHB, *Tóm lược Học Thuyết Xã hội của GHCG,* 52.
[4] ĐGH GIOAN PHAOLO II, *Dives in Misericordia,* 8.
[5] *Tv* 88 (89), 2.
[6] *Lc* 1,50.
[7] ĐGH BENEDICTO XVI, tự sắc *Intima Ecclesiae Natura* (11.11.2012). x. *Evangelii Gaudium,* 179.
[8] x. *Tóm lược Học Thuyết Xã hội của GHCG,* op.cit., 246-251.
[9] ĐGH GIOAN PHAOLO II, *Familiaris Consortio* 45. x. *Tóm lược Học Thuyết Xã hội của GHCG,* op.cit., 252. Hiện nay rất nhiều (trên 20 nước) phần lớn là các nước "phát triển" đã chấp nhận "gia đình" dựa trên hôn nhân đồng tính.

Văn phòng HĐGMVN / UBMVGĐ
[Sưu tầm của GDHT]

Gợi ý mục vụ trong Năm Thánh Lòng Thương Xót
Sống Năm Thánh Lòng Thương Xót
với việc Tân Phúc-Âm-hoá Đời sống xã hội

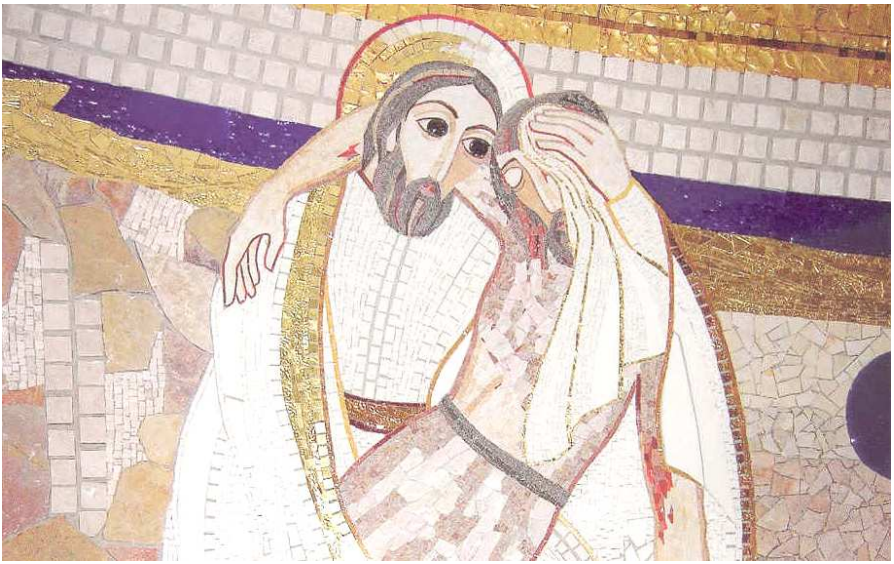

CÁI NHÌN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Lm. G. Nguyễn Tiến Dũng, OFM

Trong Tông sắc *"Misericordiae Vultus"* (Dung mạo lòng thương xót) ấn định Năm Thánh ngoại thường về Lòng Thương Xót bắt đầu từ 8-12-2015 đến 20-11-2016, Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô đã mở đầu với lời tuyên xưng như sau: "*Dung mạo lòng thương xót của Chúa Cha chính là Đức Kitô Giêsu. Mầu nhiệm đức tin Kitô giáo như đã được tóm tắt đầy đủ trong mệnh đề này*."[i] Để minh họa cho chủ đề của Năm Thánh về Lòng Thương Xót, logo của Năm Thánh được trình bày với hình ảnh Đức Giê-su vác một người tội lỗi trên vai, trong đó một

trong những nét độc đáo là đôi mắt của Đức Giê-su hòa quyện vào đôi mắt của người tội lỗi. Hình ảnh này diễn tả cái nhìn của Đức Giê-su, Vị Mục Tử nhân lành, như chạm đến cách sâu xa con người tội lỗi bằng một tình yêu mãnh liệt đến nỗi làm thay đổi tâm hồn của người ấy[ii]. Đó là cái nhìn đầy lòng xót thương của Đức Giê-su, qua đó con người cảm nghiệm được tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi chí thánh.

Cái nhìn đầy lòng xót thương đó của Đức Giê-su được thể hiện trong cuộc đời rao giảng Tin Mừng của Người qua những lần Người tiếp xúc gặp gỡ dân chúng, nhất là những người nghèo đói, những người đau khổ, những người bệnh tật, những người tội lỗi và những người bị gạt ra ngoài lề xã hội.

1.Cái nhìn với "đôi mắt của con tim yêu thương"

Tin Mừng Mt kể rằng khi thấy đám đông dân chúng theo Người, Đức Giê-su đã chạnh lòng thương[iii] đối với họ, vì "*họ lầm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt*" (*Mt* 9,36). Đức Giê-su, Vị Mục Tử nhân lành đã được ngôn sứ Ê-dê-ki-en loan báo (x. *Ed* 34,23) hằng thao thức, quan tâm, lo lắng cho đoàn chiên. Với lòng nhân từ vô biên của một Vị Mục Tử luôn ý thức trách nhiệm đối với đoàn chiên của mình, khi nhìn thấy dân chúng trong tình trạng đau khổ lầm than như đoàn chiên bị tán loạn, không ai chăm sóc (x. *Ed* 34,4), Đức Giê-su đã động lòng xót thương họ. Tác giả Tin Mừng Mt dùng hai động từ "*thấy*" và "*chạnh lòng thương*" (*Mt* 9,36) đi liền nhau như muốn nhấn mạnh đến cái nhìn của Đức Giê-su không phải là cái nhìn của một con người vô cảm, dửng dưng trước nỗi khổ của tha nhân, nhưng là cái nhìn với "đôi mắt của con tim yêu thương", cái nhìn với tất cả tình người, và hơn thế nữa, cái nhìn với cảm xúc của

Đấng Cứu Thế, qua đó diễn tả lòng thương xót của Đức Giê-su, Vị Mục Tử nhân ái dịu hiền. Cái nhìn đầy lòng thương xót đó đã khiến cho Đức Giê-su không chỉ dừng lại ở sự chạnh lòng thương, nhưng còn đi đến hành động cụ thể đối với đám đông dân chúng lầm than đi theo Người.

Một đoạn khác trong Tin Mừng Mt kể rằng khi trông thấy đoàn người đông đảo đi bộ theo Người, Đức Giê-su đã chạnh lòng thương và chữa lành các người đau ốm bệnh tật trong số họ (x. *Mt* 14,14). Ở đây chúng ta để ý bối cảnh lần này là Đức Giê-su đang muốn đi đến một nơi hoang vắng riêng biệt. Nhưng dân chúng vẫn đi theo Người và còn đi đến trước Người nữa. Họ đem theo cả những người bệnh để hy vọng được Người chữa lành. Thấy vậy, lẽ ra Đức Giê-su có thể khó chịu, bực mình vì bị dân chúng quấy rầy làm mất sự yên tĩnh của mình. Thế nhưng, Đức Giê-su không xua đuổi hay muốn trốn tránh họ, mà ngược lại, Người nhìn họ với ánh mắt cảm thương sâu xa và ra tay chữa bệnh cho họ. Không những thế, Người còn yêu cầu các môn đệ phải cho họ ăn, trong khi các môn đệ lại đề nghị Đức Giê-su giải tán đám đông để họ tự đi tìm mua lương thực trong các làng mạc. Sau đó, với năm cái bánh và hai con cá, Đức Giê-su đã đáp ứng nhu cầu lương thực cho họ. Tất cả họ được ăn và ăn no nê (x. *Mt* 14,15-21). Cách ứng xử của Đức Giê-su đã cho các môn đệ một bài học về lòng thương xót: nếu có một trái tim đầy yêu thương thì trước tình cảnh đau khổ của tha nhân, họ sẽ không nhìn tha nhân với ánh mắt lãnh đạm, sống chết mặc bây, nhưng sẽ nhìn tha nhân bằng ánh mắt của tấm lòng thương cảm sâu xa và sẵn sàng ra tay hành động thiết thực giúp đỡ tha nhân.

Với lòng thương xót của của một trái tim dạt dào tình yêu, khi gặp gỡ những người đau khổ, Đức Giê-su như

nhìn xuyên thấu được tâm tình cũng như nhu cầu sâu xa của họ. Tin Mừng *Lc* 7,11-15 kể rằng một lần nọ trên đường đi đến thành Na-in, khi trông thấy một bà góa khóc lóc đau khổ đang cùng với đám đông dân chúng khiêng một người chết là đứa con trai duy nhất của bà đi chôn, Đức Giê-su đã chạnh lòng thương. Cái nhìn của Đức Giê-su như hiểu thấu được tận tâm can của nỗi đau khổ tận cùng trong tuyệt vọng của bà góa khi mất đứa con trai duy nhất của mình. Thế là Người đã an ủi bà và nói với bà: "*Bà đừng khóc nữa*" (*Lc* 7,13), rồi Người lại gần sờ vào quan tài và nói với người chết: "*Này người thanh niên, tôi bảo anh: hãy trỗi dậy*" (7,14). Với lời quyền năng của Đức Giê-su, người chết được sống lại và Đức Giê-su đã "*trao anh ta cho bà mẹ*" (7,15). Chứng kiện sự kiện xảy ra, mọi người có mặt lúc đó đều kinh ngạc và tôn vinh Thiên Chúa rằng: "*Thiên Chúa đã viếng thăm dân Người*" (7,16). Lời dân chúng thốt lên trên đây tiếp theo sau hành động cho đứa con trai của bà góa được sống lại nhờ lòng thương xót trắc ẩn của Đức Giê-su, khiến chúng ta nhớ đến bài thánh ca *Benedictus*: "*Thiên Chúa ta đầy lòng trắc ẩn, cho Vầng Đông tự chốn cao vời viếng thăm ta*" (1,78).

2. Cái nhìn với "ánh mắt cảm thông, tha thứ và có sức hoán cải"

Dưới cái nhìn của người Pha-ri-sêu nói riêng cũng như người Do Thái thời Đức Giê-su nói chung, những người làm nghề thu thuế hay những cô gái điếm là những kẻ tội lỗi nên cần phải tránh xa họ. Thế nhưng, cái nhìn của Đức Giê-su đối với những người tội lỗi này hoàn toàn khác hẳn, bởi vì như Đức Giê-su đã nói: "*Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi*" (*Mt* 9,13). Lời nói trên đây của Đức Giê-su thể hiện lòng

thương xót của Người qua câu chuyện Đức Giê-su kêu gọi ông Mát-thêu trong Tin Mừng *Mt* 9,9-13. Khi đi ngang qua trạm thu thuế, Đức Giê-su thấy một người tên là Mát-thêu[iv], đang ngồi làm việc tại đó và Người đã gọi Mát-thêu đi theo Người: "*Anh hãy theo tôi*" (*Mt* 9,9). Mát-thêu liền đứng dậy và đi theo Người. Điều gì đã khiến cho Mát-thêu mau mắn sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Đức Giê-su? Phải chăng Mát-thêu đã cảm nhận được một điều gì đó thật đặc biệt nơi cái nhìn của Đức Giê-su dành cho ông, một cái nhìn với ánh mắt hoàn toàn khác với cái nhìn của người đương thời đối với ông? Và phải chăng cái nhìn đó đã làm thay đổi cuộc đời của Mát-thêu?

Quả thực, cái nhìn của Đức Giê-su đã tác động mãnh liệt đến cuộc đời của Mát-thêu. Đó không phải là cái nhìn của sự khinh khi, miệt thị, cái nhìn của sự loại trừ, cái nhìn của sự lên án, phân biệt đối xử đối với người bị coi là tội lỗi, bất chính như ông. Nhưng cái nhìn của Đức Giê-su là cái nhìn với ánh mắt yêu thương, cảm thông, tha thứ và mời gọi hoán cải. Mát-thêu chắc hẳn đã cảm nhận trong đời ông chưa có người nào từng nhìn ông như thế. Cái nhìn của Đức Giê-su đã đem lại cho Mát-thêu sự bình an, tin tưởng, không còn mặc cảm về tội lỗi của mình. Cái nhìn đó đã soi chiếu một luồng ánh sáng hy vọng vào tâm hồn Mát-thêu, khiến cho ông như được hồi sinh. Cái nhìn đó có sức chữa lành, đem lại sức sống mới và niềm lạc quan cho ông để hướng về một đời sống mới. Chúng ta cũng gặp lại cái nhìn đó nơi Đức Giê-su trong trường hợp của Phê-rô, người môn đệ thân tín của Đức Giê-su, được Người yêu thương, tin tưởng. Khi Đức Giê-su bị bắt và bị kết án, Phê-rô đã công khai chối Thầy mình đến ba lần trước mặt Người[v] (x. *Lc* 22,54-60), dù trước đó Đức Giê-su đã báo trước cho Phê-rô biết về sự phản bội của ông. Chứng kiến sự nhẫn tâm phản bội của

Phê-rô đối với mình, Đức Giê-su đã "*quay lại nhìn ông*" (*22*,61). Cái nhìn của Đức Giê-su khiến cho Phê-rô sực nhớ lời Người đã báo trước với ông "*Thầy bảo cho anh biết, hôm nay, gà chưa kịp gáy, thì đã ba lần anh chối là không biết Thầy*" (22,34), và thế là Phê-rô đã khóc lóc thảm thiết. Chắc hẳn, lúc bấy giờ Phê-rô đã cảm nhận được nơi cái nhìn của Đức Giê-su một tấm lòng nhân từ khoan dung, một sự cảm thông tha thứ cho sự yếu đuối sa ngã của con người tội lỗi của ông để mời gọi đứng lên, chứ không phải là cái nhìn của sự kết án, ruồng rẫy, đe dọa, xét xử. Chắc hẳn, cái nhìn đầy xót thương đó của Đức Giê-su đã khơi dậy nơi Phê-rô lòng ăn năn hoán cải và thay đổi tâm hồn ông.

Tình yêu đã thúc đẩy Đức Giê-su luôn quan tâm đến con người và tìm kiếm con người, nhất là những người tội lỗi. Họ là đối tượng mà Đức Giê-su luôn tìm kiếm, bởi vì Người biết họ cần sự hiện diện và giúp đỡ của Thiên Chúa hơn cả. Bởi thế, Đức Giê-su đã nói: "*Người khỏe mạnh không cần đến thầy thuốc, người đau ốm mới cần*" (*Mt* 9,12)[vi]. Tình yêu của Đức Giêsu luôn đi bước trước và đã khiến cho Đức Giê-su nhìn thấy trước con người cần gì. Trong một bài giảng, Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô cũng đã chia sẻ suy nghĩ của ngài về cái nhìn của Đức Giê-su như sau:*"Cái nhìn có khả năng thấy xa hơn diện mạo bên ngoài, vượt xa hơn tội lỗi, thất bại và bất xứng nơi con người chúng ta, để qua đó thấy được phẩm giá cao quý của con người trong tư cách là con của Thiên Chúa, một phẩm giá mà tội lỗi làm cho nhơ uế; nhưng phẩm giá đó vẫn được tồn tại trong nơi sâu thẳm của tâm hồn con người. Vì thế, Đức Giê-su đến để tìm kiếm tất cả những ai cảm thấy bất xứng với Thiên Chúa, và bất xứng với mọi người"*[vii]. Mát-thêu, Phê-rô cũng như Da-kêu...

đã để cho ánh mắt của Đức Giê-su chạm vào con người tội lỗi của mình và làm biến đổi cuộc đời mình.

3. Cái nhìn "với ánh mắt nhân từ, mời gọi và khích lệ"

Tin Mừng *Mc* 10,17-27 kể rằng một hôm, một người giàu có đến gặp Đức Giê-su, quỳ xuống trước mặt Người và hỏi: "*Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?*" (10,17). Trước thái độ thành khẩn của anh ta, Đức Giê-su trả lời cho anh ta biết anh ta cần phải giữ các điều răn như "*chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ kính cha mẹ*" (10,19)[viii]. Anh ta liền đáp lại: "*Thưa Thầy, tất cả những điều răn đó, tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ*" (10,20). Nghe thế, Đức Giê-su "*đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến*" (10,21). Chắc hẳn Đức Giê-su đã nhận thấy được sự đơn sơ và lòng chân thành của anh ta trong nỗ lực tìm cách sống mối tương quan gắn bó với Thiên Chúa, nên anh ta mới nhiệt tâm tuân giữ các điều răn cách nghiêm túc như vậy. Tuy nhiên, đối với anh ta, dường như việc tuân giữ đầy đủ các giới răn như vậy vẫn chưa đủ, nên anh ta muốn hỏi Đức Giê-su là anh cần phải làm gì hơn thế nữa! Vì thế, biết được niềm khát vọng mãnh liệt nơi anh ta, Đức Giê-su đã đưa mắt nhìn anh ta với ánh mắt âu yếm, khích lệ và mời gọi anh ta bước theo Người.

Để giúp anh ta thỏa mãn được khát vọng sâu xa đó và với tình thương đối với anh ta, Đức Giê-su cho anh ta biết là "*Anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng ở trên trời. Rồi hãy đến theo tôi*" (10,21). Lời đề nghị của Đức Giê-su quả là một thách đố đối với người giàu có này: vì anh ta có nhiều tài sản của cải thì làm sao có thể dễ dàng chấp nhận từ bỏ tất cả những gì anh có được?

Thế là anh ta sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi. Sau đó, Đức Giê-su đưa mắt nhìn chung quanh và nói với các môn đệ: "*Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao*" (10,23). Cái nhìn của Đức Giê-su ở đây như một lời nhắc nhở, cảnh báo các môn đệ của Người lúc đó đang kinh ngạc sửng sốt, vì xem ra các ông đang cảm nhận sự khó khăn của việc phải từ bỏ của cải để đi theo Đức Giê-su. Chính vì thế mà họ đã nói với nhau: "*Thế thì ai có thể được cứu?"* (10,26). Thấu hiểu tâm trạng của các môn đệ lúc bấy giờ, "*Đức Giê-su nhìn thẳng vào các ông và nói: 'Đối với loài người thì không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được'*" (10,27). Đức Giê-su đã nhìn các môn đệ với ánh mắt đầy khích lệ, động viên các ông đừng tuyệt vọng, khi nhấn mạnh cho các ông biết rằng với quyền năng của Thiên Chúa, thì mọi sự đều có thể được và mời gọi họ hãy biết tín thác vào Thiên Chúa để được cứu độ. Tiếc thay cho người giàu có này, khi được gặp Đức Giê-su, anh ta đã không cảm nhận hết tình thương vô biên của Người dành cho anh ta qua cái nhìn đầy nhân từ, khích lệ và mời gọi làm môn đệ của Người.

Ngược với thái độ của người giàu có trên đây, ông Da-kêu trong Tin Mừng *Lc* 19,1-10, cũng là một người giàu có và lại có địa vị trong xã hội (ông Da-kêu đứng đầu những người thu thuế, dù nghề thu thuế không được xã hội trân trọng). Ông ta ước ao được gặp Đức Giê-su, nên một lần nọ khi biết Đức Giê-su sắp đi ngang qua thành Giê-ri-khô, ông ta tìm cách nhìn thấy Đức Giê-su cho bằng được. Nhưng vì ông ta thì thấp bé mà dân chúng đi theo Đức Giê-su thì quá đông, ông đã nghĩ ra một cách là chạy đi trước và leo lên một cây sung để có thể xem thấy Đức Giê-su. Thế là khi Đức Giê-su đi ngang cây sung,

Người nhìn lên và nói với ông: "*Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông*" (19,5). Cái nhìn của Đức Giê-su dành cho ông Da-kêu cùng với tiếng gọi đích danh tên ông và cho biết sẽ đến nhà ông, cho thấy lòng nhân từ của Đức Giê-su cùng với ý muốn của Người là "*đến để tìm và cứu những gì đã mất* " (19,10). Trong lúc mọi người không ai thèm để ý đến một người tội lỗi như ông Da-kêu, thì Đức Giê-su lại bày tỏ sự quan tâm đặc biệt đến ông qua những cử chỉ hành động đầy tình người: "*Người ngước nhìn lên và nói với ông*" (19,5). Chính cái nhìn chân tình và yêu thương, cái nhìn khích lệ và mời gọi đó của Đức Giê-su, cùng với hành động đi bước trước của Đức Giê-su là bày tỏ ý muốn đến gặp ông tại nhà ông ta, đã thức tỉnh lương tâm ông Da-kêu. Thế là ông đã vội về nhà đón tiếp Đức Giê-su và tỏ lòng hoán cải thực sự, khi tự nguyện hứa sẽ lấy phân nửa của cải tài sản của ông để phân chia cho người nghèo và đền bù gấp bốn lần những gì ông đã gây thiệt hại cho người khác (x. 19,8). Quyết tâm đổi mới cuộc đời của ông Da-kêu phải chăng là câu trả lời cho thắc mắc của các môn đệ: "*Thế thì ai có thể được cứu?*" (*Lc* 18,26; *Mc* 10,26), khi nghe Đức Giê-su nói với họ trước đó "*Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao*" (*Lc* 18,24; *Mc* 10,23). Khác với người giàu có trong Tin Mừng Mc đã từ chối lời mời gọi của Đức Giê-su, ông Da-kêu, một người dù giàu có với nhiều của cải tài sản, đã được đón nhận ơn cứu độ của Chúa, vì ông ta cảm nhận được tình thương vô biên của Người dành cho ông qua cái nhìn đầy nhân từ, khích lệ và hành động cao đẹp của Đức Giê-su.

Trên đây là một vài phác họa lại về cái nhìn của Đức Giê-su biểu hiện lòng xót thương của Người đối với con người được nói đến trong Tin Mừng, qua đó cho thấy tình

yêu vô biên của Thiên Chúa chí thánh. Quả thực, như lời của Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô nói trong Tông sắc ấn định Năm Thánh về Lòng Xót Thương: "*Chúa Giê-su đã lãnh nhận từ Chúa Cha sứ vụ mặc khải trọn vẹn mầu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa*" [ix], tình yêu đó của Đức Giê-su đã được thể hiện một cách cụ thể qua cái nhìn của Người đối với nhân loại, nhất là đối với những người tội lỗi, những người nghèo đói, những người đau khổ, những người đau ốm bệnh tật, những người bất hạnh, những người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Đó là cái nhìn của Lòng Xót Thương phát xuất từ một Con Tim dạt dào Tình Yêu: cái nhìn chứa chan lòng trìu mến với sự rung cảm mãnh liệt của con tim, cái nhìn với sự cảm thông, tha thứ và có sức hoán cải làm thay đổi tâm hồn con người, cái nhìn nhân từ, bao dung, khích lệ và mời gọi đi theo Đức Giê-su.

Đức Giê-su Ki-tô hôm nay cũng như hôm qua và mãi mãi. Người vẫn đang nhìn mỗi người chúng ta bằng cái nhìn của Lòng Xót Thương, như Người đã nhìn đám đông dân chúng nghèo khổ đi theo Người, nhìn bà góa đau khổ thành Na-in vì mất đứa con trai duy nhất, nhìn Mát-thêu, Da-kêu là những người thu thuế tội lỗi, nhìn Phê-rô phản bội bất trung, nhìn anh thanh niên giàu có đáng thương... Vấn đề là chúng ta có nhận ra được Đức Giê-su đang nhìn chúng ta hay không, và qua cái nhìn đó, chúng ta cảm nhận được lòng thương xót của Người trong cuộc đời của chúng ta, để rồi biết đáp lại phần nào cho tương xứng với tình yêu của Người dành cho chúng ta. ■

---

[i] *Misericordiae Vultus* số 1.

[ii] Logo và khẩu hiệu của Năm Thánh Lòng Thương Xót do cha Marko Rupnik, Dòng Tên, thực hiện. Cha Marko sinh năm

1954 tại Slovenia, hiện là Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Ezio Aletti ở Roma. Logo được giới thiệu trong cuộc họp báo tại Vatican sáng ngày 5/5/2015.

[iii] "*Chạnh lòng thương*" là động từ *esplanchnisthe,* dịch sát là "đau đớn quặn thắt trong ruột" hay "rúng động tâm can". Tác giả TM Mt đã nhiều lần dùng động từ này cho Đức Giê-su (Mt 9,36; 14,4; 15,32; 20, 34...) để diễn tả lòng thương xót của Đức Giê-su đối với dân chúng.

[iv] Theo TM Mc 2, 14 và TM Lc 5, 27, Mát-thêu còn có tên là Lê-vi. Ông mang hai tên có thể do theo thói quen người Do thái thời ấy, hoặc có thể Mát-thêu là biệt danh Đức Gê-su đặt cho ông (có nghĩa là "*hồng ân Thiên Chúa"*) và sau này trở thành một trong mười hai tông đồ của Đức Giê-su (x. Mt 10, 3).

[v] Khác với TM Mt và TM Mc, Đức Giê-su trong TM Lc bị giữ lại cả đêm trong sân dinh thượng tế. Chính ngay khi Đức Giê-su đang có mặt ở đó, ông Phê-rô đã chối Người.

[vi] Tình trạng của người tội lỗi được ví như người bệnh tật và sự tha thứ là việc chăm sóc của thầy thuốc để được chữa lành. Đây là lối so sánh theo kiểu ẩn dụ quen thuộc trong Cựu Ước (x. Đnl 32, 39; Is 1, 6; Hs 5, 13...). Một trong những đề tài chính của các sấm ngôn của các ngôn sứ về Đấng Mê-si-a là tình trạng của người tội lỗi một khi được tha thứ sẽ khá hơn tình trạng của họ trước khi phạm tội (x. Hs 14, 2-9; Is 30, 26; Ed 36, 23-38).

[vii] X. Bài giảng của Đức Giáo hoàng Phan-xi-cô trong Thánh Lễ ngày 21.9.2015 (lễ thánh Mát-thêu, tông đồ) ở Holguin, Cuba.

[viii] Những điều răn Đức Giê-su kể ra ở Mc 10,19 được rút từ Thập Giới của Do thái giáo (x. Xh 20,12-16) và là những điều răn thứ 5, 6, 7, 8 và 9.

[ix] *Misericordiae Vultus* số 8.

Lm G. Nguyễn Tiến Dũng, OFM
[Sưu tầm của GDHT]

ĐỌC SÁCH GIÔ-NA

NHÂN DỊP NĂM THÁNH LÒNG THƯƠNG XÓT

Lm. Giu-se Nguyễn Công Đoan, S.J.

Sách *Giô-na* được xếp vào hàng sách ngôn sứ. Trong sách *2 Vua*, 14, 25 có nói đến một vị ngôn sứ tên là Giô-na được Thiên Chúa sai đến rao giảng ở Sa-ma-ri vào thời vua Gia-róp-am con vua Gio-át. Đoạn văn trong sách *2 Vua* 14, 23-29 tóm tắt triều đại vua Gia-róp-am này, nêu lên một điều nghịch lý: một đàng "*vua vẫn không dứt bỏ mọi tội mà vua Gia-róp-am con ông Nơ-vat đã phạm*" (người đã chủ mưu ly khai với Giê-ru-sa-lem để lập vương quốc phía Bắc, x. *1 Vua* 12). Đàng khác ông lại làm vua 40 năm và tái lập biên giới của vương quốc phía Bắc như lúc cực thịnh. Lý do là vì "*Đức Chúa đã nhìn thấy cảnh bần cùng của Ít-ra-en phản nghịch; chẳng có một ai, nô lệ hay tự do đến cứu giúp Ít-ra-en. Đức Chúa đã không nói là sẽ xóa tên Ít-ra-en không còn dấu vết trong thiên hạ, nên Người đã cứu họ, nhờ tay vua Gia-róp-am, con vua Giô-át*".

Cái nghịch lý diễn ra tại Ít-ra-en khi ngôn sứ Giô-na được sai đến rao giảng đã chuẩn bị cho việc ông trở thành nhân vật huyền thoại để đóng vai phản diện trong dụ ngôn dài về lòng thương xót của Thiên Chúa và sự chai đá của dân Ít-ra-en: không đón nhận lòng thương xót của Thiên Chúa và cũng không muốn cho người khác được hưởng. Có thể đọc cuốn sách này như một vở hài kịch châm biếm sâu sắc, gây cười bằng những nét "hề" mà người bình dân cũng như người thông thái đều có thể thưởng thức. Càng nghĩ càng cười, càng cười càng thấm

thía những mũi kim "châm cứu", có vẻ ngoài da nhưng lại thấu tận xương tủy, đốt cháy tâm can.

Màn thứ nhất: Ngôn sứ đi trốn nhan Đức Chúa

Cảnh thứ nhất: Thiên Chúa gọi đích danh ông Giô-na và "*sai ông đi Ni-ni-vê là thành phố lớn, và hô cho dân thành biết rằng sự gian ác của chúng đã lên thấu tới Ta*". Trong lời tóm tắt nội dung phải rao giảng không có lời đe dọa nào cả, chỉ "*hô cho dân thành biết*" sự gian ác của họ dã lên tới đâu. Nhìn "*Ông Giô-na đứng dậy*", ta tưởng là ông mau mắn thi hành lệnh của Thiên Chúa, nhưng hóa ra là "*để trốn đi Tác-sít*". Ni-ni-vê ở phía cực đông, Tác-sít ở phía cực tây. Ni-ni-vê là thủ đô của đế quốc Át-si-ri, đế quốc đã tiêu diệt vương quốc Ít-ra-en. Nhìn ông đi xuống thành phố cảng Gia-phê (Gia-phô, Gia-pha ngày nay. Trước khi vua Hê-rô-đê xây lại cảng Xê-da-rê-a thì Gia-phê là thành phố cảng lớn nhất của vùng bờ biển này). Nhìn ông chạy đôn chạy đáo ở cảng, hỏi hết tàu này đến tàu khác… "*Tìm được một chiếc tàu sắp đi Tác-sít".* May quá! Ông mừng rỡ, khỏi cần mặc cả, giá nào cũng đi: "*Ông trả tiền, xuống tàu để cùng đi Tác-sít với họ, tránh nhan Đức Chúa*".

Cảnh thứ hai: Tàu mới căng buồm ra khơi thì "*Đức Chúa tung ra một cơn gió to trên biển và liền có một trận bão lớn ngoài khơi, khiến tàu tưởng chừng như sắp vỡ tan*". Phản ứng của người trên tàu: hoảng loạn, kêu cứu, "*mỗi người kêu lên thần của mình và ném hàng hóa trên tàu xuống biển cho nhẹ bớt*". Mọi người chỉ còn lo cứu lấy mạng sống. Trong khi đó ta không thấy ông Giô-na đâu cả và cũng chẳng nghe thấy ông kêu lên Chúa của ông.

Cảnh thứ ba: Trong lúc người ta lo ném hàng hóa xuống biển cho nhẹ bớt, viên thuyền trưởng phát hiện ông Giô-na nằm ngủ giữa đống hàng hóa dưới hầm tàu, ông ngủ say như không có gì xảy ra. Thuyền trưởng ngoại đạo đánh thức Giô-na và bảo ông đi cầu nguyện. Hy vọng cuối cùng, vì mỗi người đã kêu cầu thần của mình mà bão chẳng yên: "*Sao lại ngủ thế này? Dậy, kêu cầu thần của ông đi! May ra vị thần ấy sẽ nghĩ đến chúng ta và chúng ta khỏi mất mạng.*"

Cảnh thứ bốn: Giô-na bị lộ tông tích. Chưa thấy nói ông Giô-na có cầu nguyện hay không, nhưng ông lộ diện thì mọi người trên tàu đều có mặt. Họ truy lùng thủ phạm gây ra tai họa bằng cách gieo quẻ: "*Nào, chúng ta hãy bắt thăm cho biết tại ai mà chúng ta gặp tai họa này". Họ gieo quẻ và quẻ rơi trúng ông Giô-na. Họ bảo ông: "Vì ông là người đã đem tai họa này đến cho chúng ta, thì xin ông cho chúng tôi biết: "Ông làm nghề gì? Ông từ đâu đến, quê ở nước nào, và thuộc dân nào*?" Bản điều tra lý lịch oái oăm bắt đầu từ nghề nghiệp! Ông Giô-na bị bí ngay câu hỏi đầu tiên nên ông bắt đầu từ câu hỏi cuối cùng và tuyên xưng "thần" của ông là ai: " *Tôi là người Hip-ri, Đấng tôi kính sợ là Đức Chúa, Thiên Chúa các tầng trời, Đấng đã làm ra biển khơi và đất liền*". Ông lộ ra cái mâu thuẫn đầu tiên: ông kính sợ Đức Chúa là Đấng đã làm ra biển khơi và đất liền, thế mà ông lại không làm theo mệnh lệnh của Ngài. "*Những người ấy sợ, sợ lắm; họ nói với ông:* "*Ông đã làm gì thế*?" Những người ngoại nghe ông nói về Thần của ông thì sợ run, và họ hỏi ông về việc làm của ông? Bị dồn vào chân tường ông phải khai thật việc ông làm là "*đang trốn đi để tránh nhan Đức Chúa.*" Cái mâu thuẫn thứ hai lộ ra: Ông biết Thiên Chúa của ông là "*Thiên Chúa các tầng trời, Đấng làm ra biển*

khơi và đất liền.” Thế mà ông đang “*trốn đi để tránh nhan Đức Chúa*”! Họ tiếp tục hỏi ông về việc phải làm: “*Chúng tôi phải làm gì với ông để cho biển lặng đi, không còn đe dọa chúng tôi nữa*?” Tiếng sóng ầm vang, đẩy xô dữ dội, con tàu lắc lư mạnh hơn chứ không giảm đi. *Ông bảo họ: “Hãy đem tôi ném xuống biển thì biển sẽ lặng đi, không còn đe dọa các ông nữa; vì tôi biết là tại tôi mà các ông gặp cơn bão lớn này*”. Ông đã ngủ trong đống hàng hóa để tránh nhan Đức Chúa, người ta đã quăng hết hàng hóa mới lộ mặt ông ra. Ông là món hàng cuối cùng phải quăng xuống biển.

Cảnh thứ năm: lòng kính sợ Thiên Chúa của những người ngoại trên tàu. Những người ngoại trên tàu cố gắng cứu cả mạng ông bằng cách *“cố chèo vào đất liền, nhưng không thể được vì biển mỗi lúc một động thêm, uy hiếp họ.”* Bây giờ thì “*mọi người kêu cầu Đức Chúa và thưa: “Ôi lạy Đức Chúa, ước gì chúng con không phải chết vì mạng sống người này, và xin đừng đổ máu người vô tội trên đầu chúng con; vì lạy Đức Chúa, chính Ngài đã hành động theo sở thích”*. Không còn cách nào khác, họ đành làm theo lời ông: *“Rồi họ đem ông Giô-na ném xuống biển.”* Hiệu quả tức khắc đối với biển: *“Biển dừng cơn giận dữ.”* Hiệu quả trên những người còn lại trên tàu: *“Những người ấy sợ Đức Chúa, sợ lắm; họ dâng hy lễ lên Đức Chúa*.”

Hạ màn.

Màn thứ hai: **trong bụng cá kình**

Trong khi những người còn lại trên tàu dâng hy lễ lên Đức Chúa thì “*Đức Chúa khiến một con cá lớn nuốt ông Giô-na*.” Thế là Thiên Chúa tiếp tục trò chơi cút bắt với

ông Giô-na (x. Thánh vịnh 139/138). Ông đã đi xuống Gia-phê, xuống tàu, xuống hầm tàu, chui dưới hàng hóa để trốn nhan Đức Chúa thì Đức Chúa cho ông xuống luôn đáy biển, xuống trong bụng kình ngư. Bây giờ ông mới cầu nguyện. Ông độc tấu với những lời kinh gom mượn từ nhiều thánh vịnh. Vẫn có những yếu tố hài và châm biếm rất sâu sắc. "*Trên đầu con rong rêu quấn chằng chịt. Con đã xuống tận nền móng núi non*…" "*khi mạng sống con hầu tàn con đã nhớ đến Đức Chúa*". Chờ tới khi mạng sống hầu tàn mới nhớ đến Đức Chúa! "*Bọn thờ thần hư ảo, chớ gì chúng bỏ điều chúng vẫn tôn sùng*": trên tàu những người thờ thần hư ảo đang dâng hy lễ lên Đức Chúa thay cho ông! Trong khi dưới dáy biển ông hy vọng sẽ được dâng hy lễ và giữ lời khấn hứa. Cuối cùng ông tuyên xưng "*Đức Chúa mới là Đấng ban ơn cứu độ.*"

Thiên Chúa nhận lời ông cầu xin: "*Đức Chúa bảo con cá, nó liền mửa ông ra trên đất liền*".

Hạ màn.

Màn thứ ba: Giô-na rao giảng tại Ni-ni-vê

Cảnh thứ nhất: Trên bãi biển, ông Giô-na vừa ra khỏi miệng cá kình, đang lồm cồm bò dậy thì Đức Chúa lại phán với ông: "*Hãy đứng dậy, đi đến Ni-ni-vê, thành phố lớn, và hô cho dân thành biết lời tuyên cáo Ta sẽ truyền cho ngươi*". Lần này Thiên Chúa không cho ông biết trước sẽ phải nói gì. Ông sẽ phải lắng nghe xem Thiên Chúa truyền nói gì. Bây giờ thì ông đã biết là không thể nào trốn đi đâu để tránh nhan Đức Chúa nên ông đứng dậy và đi Ni-ni-vê như lời Đức Chúa phán.

Cảnh thứ hai: Quang cảnh: "*Ni-ni-vê là một thành phố cực kỳ rộng lớn, đi ngang qua phải mất ba ngày đường*." "*Ông Giô-na bắt đầu vào thành, đi một ngày đường và công bố: Còn bốn mươi ngày nữa, Ni-ni-vê sẽ bị phá đổ.*" Không thấy nói đến tội lỗi mà rao ngay hình phạt: "*bị phá đổ*," và kỳ hạn: "*còn bốn mươi ngày nữa*". Trong Cựu Ước, Thiên Chúa cho Áp-ra-ham biết ý định phá hai thành phố Sơ-đôm và Gomora, Áp-bra-ham mặc cả với Chúa xin tha cho họ vì số người công chính, nhưng "giá rẻ nhất" là mười người công chính cũng không có đủ. "*Dân Ni-ni-vê tin vào Thiên Chúa, họ công bố lệnh ăn chay và mặc áo vải thô, từ người lớn đến trẻ nhỏ*". Chúa Giê-su sẽ khiển trách Bét-xai-đa và Co-ro-da-in: "*Nếu các phép lạ đã làm nơi các ngươi mà được làm tại Tia và Xi-đôn thì họ đã mặc áo vải thô, ngồi trên tro tỏ lòng hối cải từ lâu rồi* …" Cứ như một đại hội hóa trang đang ào ào diễn ra trong thành phố. "*Tin thấu đến vua Ni-ni-vê*." Vua

cũng đích thân hưởng ứng triệt để "*vua rời khỏi ngai, cởi áo choàng, khoác áo vải thô và ngồi trên tro*", và ra lệnh ăn chay ngặt hơn: "*Vua cho rao tại Ni-ni-vê: Do sắc chỉ của vua và các quan đại thần, người và súc vật, bò bê và chiên dê không được nếm bất cứ cái gì, không được ăn cỏ, không được uống nước. Người và súc vật phải khoác áo vải thô và hết sức kêu cầu Thiên Chúa. Mọi người phải trở lại, bỏ đường gian ác và những hành vi bạo lực của mình. Biết đâu Thiên Chúa chẳng nghĩ lại, chẳng bỏ ý định giáng phạt, và nguôi cơn thịnh nộ khiến chúng ta khỏi phải chết*." Yếu tố hài là vua ra lệnh cho cả súc vật cũng phải ăn chay, khoác áo vải thô và kêu cầu Đức Chúa. Riêng con người thì phải '*bỏ đường gian ác và những hành vi bạo lực của mình'*. Đó là cách ăn chay mà các ngôn sứ đã rao giảng (x. *Is* 58, 3-8). Ăn chay theo cách này thì sẽ được Thiên Chúa nhận lời (x. *Is* 58, 9-12).

Quả nhiên Thiên Chúa đã nhận việc ăn chay và lòng sám hối của dân Ni-ni-vê: "*Thiên Chúa thấy việc họ làm, thấy họ bỏ đường gian ác mà trở lại, người hối tiếc về tai họa Người đã tuyên bố sẽ giáng trên họ, Người đã không giáng xuống nữa*." Người ta sám hối về tội ác của mình thì Thiên Chúa cũng hối tiếc về tai họa Người đã ngăm đe.

Hạ màn.

Màn thứ tư: Ông Giô-na nổi giận

Cảnh thứ nhất: "*Ông Giô-na bực mình, bực mình lắm và ông nổi giận*". Lý do ông nổi giận được nói rõ trong lời cầu nguyện. Ông bực mình đến mức nổi giận, vì Thiên Chúa chứng thực điều ông đã biết về Ngài khi còn ở quê

nhà, đó là "*Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì đã giáng họa*". Đó là điều Thiên Chúa đã nói cho Mô-sê khi ông xin được thấy tôn nhan Ngài (x. *Xh* 33, 18-23 và 34, 5-9). Ông giận đến mức đòi chết đi cho rồi. Thiên Chúa hỏi ông: "*Ngươi nổi giận như thế có lý không*?". Ông không trả lời, chỉ hậm hực đi ra khỏi thành.

Cảnh thứ hai: Ông dựng một cái lều ở phía đông, ngồi trong bóng mát, chờ xem chuyện gì xảy ra trong thành. Thiên Chúa đến dỗ dành ông. Ông muốn bóng mát, ông làm lều thì Thiên Chúa cho thêm bóng cây: "*Đức Chúa khiến một cây thầu dầu mọc lên ở phía trên ông Giô-na để có bóng mát che đầu ông hầu làm ông hết buồn bực*." Cách dỗ dành của Thiên Chúa thật hiệu nghiệm. "*Ông Giô-na vui, vui lắm vì cây thầu dầu*".

Cảnh thứ ba: Ông Giô-na lại nổi giận. "*Nhưng hôm sau, khi hừng đông ló rạng, Thiên Chúa khiến một con sâu cắn cây thầu dầu và cây bị héo. Khi mặt trời mọc, Thiên Chúa cho có một cơn gió đông nóng bỏng, và mặt trời giội nắng xuống đầu ông Giô-na; ông ngất xỉu và xin cho được chết:* "*Thà tôi chết còn hơn là sống*". Thiên Chúa hỏi ông: "*Ngươi nổi giận vì cây thầu dầu, như thế có lý không?" Ông trả lời: "Con có lý để nổi giận đến chết được*!"

Lần này thì Thiên Chúa ôn tồn giải thích và mời ông suy nghĩ lại: "*Ngươi, ngươi thương hại cây thầu dầu mà ngươi đã không vất vả vì nó, và không làm cho nó lớn lên; trong một đêm nó đã sinh ra, rồi trong một đêm lại chết đi. Còn Ta, chẳng lẽ Ta lại không thương hại Ni-ni-vê, thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người*

không phân biệt được bên phải với bên trái, và lại có rất nhiều thú vật hay sao?"

Cảnh thứ tư: Ông Giô-na ngồi một mình đăm chiêu. Im lặng nặng nề.

Hạ màn.

Trong câu chuyện ông Giô-na, mọi loài đều vâng phục Thiên Chúa, trừ vị ngôn sứ: gió, con cá kình, cây thầu dầu, con sâu, mặt trời.

Người ngoại trên tàu cầu xin, mỗi người cầu xin với thần của họ. Ông Giô-na nằm ngủ.

Người ngoại trên tàu cố gắng chèo vào bờ chứ không muốn thí mạng ông Giô-na. Còn ông chỉ muốn thấy cả thành Ni-ni-vê bị tiêu diệt.

Sóng yên biển lặng, người ngoại trên tàu nhận biết, kính sợ và dâng hy lễ lên Thiên Chúa.

Thành Ni-ni-vê rộng ba ngày đường, ông Giô-na mới đi một ngày, vừa đi vừa công bố lời ngăm đe của Thiên Chúa, thế là từ vua chí quan, từ người lớn đến trẻ nhỏ và cả thú vật đều ăn chay, mặc áo vải thô; vua cởi cẩm bào xuống ngồi trên tro và ra lệnh ăn chay theo đúng cách thức các ngôn sứ dạy dân Ít-ra-en. Trong khi đó ông ngồi dưới bóng mát chờ xem Ni-ni-vê bị tiêu diệt để chứng thực ông nói đúng!

Ông Giô-na không tuân lệnh Thiên Chúa, không ăn chay, không cầu nguyện. Ông nổi giận chỉ vì biết Thiên Chúa từ bi thương xót, tha thứ không tiêu diệt Ni-ni-vê như ông đã loan báo.

Chúa dạy ông một bài học: Chúa sai con sâu cắn chết cây thầu dầu, làm mất bóng mát, sai gió nóng nổi lên, sai mặt trời giội nắng xuống đầu ông. Ông nổi giận đến chết được. Bây giờ Chúa mới dỗ dành ông. Câu chuyện kết thúc với hình ảnh ông Giô-na trầm ngâm suy nghĩ, ta không biết ông có hoán cải hay không. Là ngôn sứ của Thiên Chúa, tức là người nói lời của Thiên Chúa, nhưng lại không có cùng cảm nghĩ với Thiên Chúa.

Đọc câu chuyện này ta không thể không liên tưởng tới dụ ngôn "*Người cha nhân hậu và hai đứa con*" trong sách Tin Mừng *Lu-ca* (15, 11-31). Khi biết rằng trong nhà cha đang ăn mừng đứa con hoang đàng trở về, người con cả nổi giận và không chịu vào nhà. Người cha ra năn nỉ. Anh cũng cho mình là có lý để nổi giận: anh nổi giận vì người cha đã tha thứ cho đứa em hoang đàng và mở tiệc ăn mừng nó. Người cha dỗ dành. Câu chuyện cũng kết thúc mở, vì tùy quyết định của người anh cả. Giô-na có vẻ là nguyên mẫu của người con cả trong dụ ngôn.

Trong dụ ngôn "*những người được vào làm việc trong vườn nho*" (*Mt* 20, 1-15), ông chủ hỏi những người được vào làm từ tảng sáng: "*Hay vì thấy tôi tốt bụng mà bạn đâm ra ghen tức*?" Chúa Giê-su dạy về lòng yêu thương: "*Anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện*" (*Mt* 5, 48); "*Anh em hãy có lòng nhân từ như Cha anh em là Đấng nhân từ*" (*Lc* 6, 36).

Lm Giu-se Nguyễn Công Đoan, S.J.

Giê-ru-sa-lem 5/11/2015

[Sưu tầm của GDHT]

PHẦN THỨ HAI :

TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

MUỐI CHO ĐỞI
VÀ ÁNH SÁNG CHO TRẦN GIAN

13 "Chính anh em là muối cho đời. Nhưng muối mà nhạt đi, thì lấy gì muối nó cho mặn lại ? Nó đã thành vô dụng, thì chỉ còn việc quăng ra ngoài cho người ta chà đạp thôi.
14 "Chính anh em là ánh sáng cho trần gian. Một thành xây trên núi không tài nào che giấu được. 15 Cũng chẳng có ai thắp đèn rồi lại để dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, và đèn soi chiếu cho mọi người trong nhà. 16 Cũng vậy, ánh sáng của anh em phải chiếu giãi trước mặt thiên

hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời.»

[Mt 5,13-16]

BẢN TÍNH VÀ SỨ MẠNG GIÁO DÂN

Danh hiệu giáo dân ở đây được hiểu là tất cả những Kitô hữu không thuộc hàng giáo sĩ và bậc tu trì được Giáo Hội công nhận; nghĩa là những Kitô hữu đã được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Kitô nhờ phép Thánh Tẩy, đã trở nên Dân Thiên Chúa, và tham dự vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Kitô theo cách thức của họ; họ là những người đang thực hiện sứ mệnh của toàn dân Kitô giáo trong Giáo Hội và trên trần gian theo phận vụ riêng của mình.

Tính cách trần thế là tính cách riêng biệt và đặc thù của giáo dân. Thực vậy các phần tử trong hàng giáo sĩ dù đôi khi có thể lo những việc trần thế, hoặc hơn nữa, hành nghề giữa đời, nhưng vì ơn kêu gọi đặc biệt, sứ mệnh chính yếu và rõ rệt của họ vẫn là sứ vụ thánh. Phần các tu sĩ, do bậc sống của họ, làm chứng cách hùng hồn và cao quí rằng người ta không thể cải tạo thế giới và cung hiến nó cho Thiên Chúa được, nếu không có tinh thần các mối phúc thật.

Vì ơn gọi riêng, giáo dân có bổn phận tìm kiếm nước Thiên Chúa bằng cách làm các việc trần thế và xếp đặt chúng theo ý Thiên Chúa.

Họ sống giữa trần gian, nghĩa là giữa tất cả cũng như từng công việc và bổn phận của trần thế, giữa những cảnh sống thường ngày trong gia đình và ngoài xã hội;

tất cả những điều đó như dệt thành cuộc sống của họ.

Đó là nơi Thiên Chúa gọi họ, để dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm, như men từ bên trong, họ thánh hóa thế giới bằng việc thi hành những nhiệm vụ của mình; và như thế, với lòng tin cậy mến sáng ngời, và nhất là với bằng chứng đời sống, họ tỏ lộ Chúa Kitô cho kẻ khác, vì thế, họ có nhiệm vụ đặc biệt soi sáng và xếp đặt những thực tại trần gian có liên hệ mật thiết với họ, để chúng không ngừng phát triển và bành trướng theo Thánh Ý Chúa Kitô, hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ.

[Vatican II, HC tín lý về Giáo Hội, số 31]

TÍN HỮU KITÔ DẤN THÂN DÂN SỰ

Sống đời kitô cũng có nghĩa là đảm trách các nhiệm vụ công dân

Vatican -- Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã khẳng định như trên trước hơn 30.000 tín hữu tham dự buổi tiếp kiến sáng thứ tư 31-10-2007 tại quảng trường thánh Phêrô.

Trong bài huấn dụ Đức Thánh Cha đã giới thiệu gương mặt thánh Massimo, Giám Mục thành Torino, sống vào cuối thế kỷ thứ IV đầu thế kỷ thứ V và là người có công lớn trong việc phổ biến và củng cố Kitô giáo miến bắc Italia. Thánh Massimo lên làm Giám Mục Torino năm 398, một năm sau khi thánh Ambrogio qua đời. Có ít tin tức liên quan tới thánh nhân, nhưng người ta còn giữ được bút tích của người gồm 90 bài giảng cho thấy liên hệ sâu xa sống động của người với thành phố, giống như trường hợp thánh Ambrogio.

Đề cập tới bối cảnh lich sử thời đó ĐTC nói như sau: Vào thời đó có nhiều căng thẳng trầm trọng quấy nhiều trật tự chung sống dân sự. Trong bối cảnh này thánh Massimo thành công trong việc quy tụ dân chúng chung quanh con người mục tử và là thầy dậy của mình. Thành phố bị đe dọa bởi các nhóm rợ xuất phát từ phương đông tiến tới phía tây dẫy Alpes. Vì thế thành Torino thường xuyên có các đội binh canh giữ, và trong những lúc nguy hiểm trở thành nơi trú ẩn của dân chúng đến từ vùng quê và các thành thị không có linh canh bảo vệ.

Các can thiệp của thánh Massimo trong hoàn cảnh này, là bằng chứng cho sự dấn thân phản ứng lại cảnh suy

đồi dân sự và tan rã xã hội. Cả khi khó có thể xác định thành phần xã hội được nói tới trong các bài giảng, nhưng xem ra thánh Massimo nói với một giai tầng được lựa chọn của cộng đoàn, gồm các đại điền chủ và đất đai của cải của họ tại vùng quê cũng như trong thành phố. Kiểu giảng dậy này đã là một lựa chọn mục vụ sáng suốt, và là con đương hữu hiệu nhất giúp duy trì mối dây ràng buộc với dân chúng.

Chẳng hạn trong hai bài giảng thứ 17 và 18 thánh Massimo đề cập tới sự giầu có và nghèo túng trong các cộng đoàn kitô thời đó có nhiều căng thẳng. Thánh nhân cay đắng ghi nhận rằng người ta lo tích chứa của cải và không nghĩ tới các nhu cầu của tha nhân.

"Thật thế nhiều kitô hữu không những không phân phát của cải của mình, mà lại còn ăn cướp của cải của người khác. Chẳng những họ không gom góp tiền bạc rồi đem đặt dưới chân các tông đồ, mà còn lôi khỏi chân các vị những người đến cầu cứu các vị... Trong thành của chúng ta có nhiều khách hay người hành hương. Anh chị em hãy làm những gì đã hứa", sống gắn bó với lòng tin, "để người ta đừng nói với anh chị em điều đã được nói với ông Anania: "ông đã không lừa dối loài người, mà lừa dối Thiên Chúa" (Sermone 17,2-3).

Trong bài giảng thứ 18 thánh Massimo tố cáo các hình thức mua bán của cải cướp được của người khác. Trong thời bình mua bán là chuyện tốt thường tình, nhưng ở đây là mua của cướp giật. Thánh nhân khuyên mọi người sống như tín hữu kitô và như công dân lương thiện.

Sống đời kitô cũng có nghĩa là đảm trách các dấn thân dân sự. Còn kitô hữu nào có thể sống bằng công việc làm của mình, mà lại cắn xé con mồi của người khác, gài bẫy đánh lừa người hàng xóm, tìm cách lấn đất của người khác và chiếm đoạt sản phẩm của họ, thì không còn giống con chồn cắn cổ gà nữa, mà giống như chó sói nhảy vào đàn heo (Sermone 41,4).

Trước sự suy sụp các quyền bính dân sự của đế quốc Roma, và dựa trên luật khuyến khích kitô hữu cứu chuộc các tù binh, thánh Massimo cảm thấy mình được phép thi hành quyền kiểm soát thành phố. Quyền bính này sẽ ngày càng trở thành rộng rãi và hữu hiệu hơn, cho tới khi bổ túc cho các thẩm phán và các cơ cấu dân sự lẫn trốn trách nhiệm.

Trong bối cảnh đó thánh Massimo không chỉ lo khơi dậy nơi các tín hữu ngọn lửa tình yêu đối với quê hương thành phố, mà cũng công bố bổn phận chính xác đối với việc đóng thuế nữa. Giọng điệu và nội dung các bài giảng giả thiết ý thức gia tăng đối với trách nhiệm chính trị của Vị Giám Mục trong các hoàn cảnh lịch sử đặc biệt.

Tiếp tục bài huấn dụ Đức Thánh Cha nói: Đối với thánh Massimo, vị Giám Mục là người tuần canh được đặt ở trên cao trong thành phố. Các người tuần phòng là ai, nếu không phải là các Giám Mục, được đặt trên tảng đá cao của sự khôn ngoan để bảo vệ các dân tộc, trông thấy các sự dữ từ xa tới?

Trong bài giảng thứ 89 Giám Mục thành Torino minh giải cho tín hữu biết các nhiệm vụ của mình, bằng cách so sánh nhiệm vụ giám mục với nhiệm vụ của loài ong:

"Như con ong, các Giám Mục duy trì sự thanh sạch của thân xác, đem lại lương thực của sự sống thiên quốc, dùng kim chích của luật lệ. Các vị trong sạch để thánh hóa, dịu ngọt để bổ sức, nghiêm nghị để trừng phạt".

Đức Thánh Cha nói tiếp như sau: Nói cho cùng việc phân tích lịch sử và văn chương chứng minh cho thấy ý thức gia tăng đối với trách nhiệm chính trị, trong một bối cảnh trong đó nó từ từ thay thế trách nhiệm dân sự. Thật ra đó là đường nét phát triển trong chức thừa tác của Giám Mục tại miền tây bắc Italia, bắt đầu từ Eusebio, như là một đan sĩ sống tại Vercelli giáo phận của mình, cho tới Massimo thành Torino, được đặt như "lính canh" trên tảng đá cao nhất thành phố.

Đương nhiên là bối cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội ngày nay đã thay đổi sâu rộng. Đúng hơn bối cảnh ngày nay là điều mà Đức Gioan Phaolo II, vị tiền nhiệm của tôi, đã vạch ra trong Tông thư hậu Thượng Hội Đồng Giám Mục Âu châu, trong các đoạn khai triển các thách đố và các dấu chỉ hy vọng đối với Giáo Hội tại Âu châu ngày nay (6-22).

Dù sao đi nữa, ngoài các hoàn cảnh thay đổi ra, các bổn phận của tín hữu đối với thành phố và quê hương của mình vẫn có giá trị. Sự giao thoa giữa các dấn thân của "công dân liêm chính" với các dấn thân của "tín hữu kitô tốt" thật ra không phai nhòa.

Đức Thánh Cha đã kết thúc bài huấn dụ bằng cách nhắc lại giáo huấn Hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng của Công Đồng Chung Vaticăng II, liên quan tới sự thống nhất của

cuộc sống kitô: sự trung thực giữa lòng tin và cung cách hành xử, giữa Tin Mừng và văn hóa.

Công Đồng khuyến khích các tín hữu "trung thành chu toàn các bổn phận trần thế, bằng cách để cho tinh thần Tin Mừng hướng dẫn. Thực sai lầm cho những ai biết rằng chúng ta không có một quê hương trường tồn ở trần thế, nhưng phải kiếm tìm một quê hương hậu lai, mà lại tưởng rằng mình có thể xao lãng các bổn phận trần gian, như thế là không nhận thấy chính đức tin buộc phải chu toàn các bổn phận đó hoàn hảo hơn, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình" (GS 43).

Theo giáo huấn của thánh Massimo và các Giáo Phụ chúng ta cũng lấy lại lời Công Đồng để cầu mong cho các tín hữu ngày càng "có thể thi hành mọi sinh hoạt trần thế mà đồng thời có thể liên kết trong một tổng hợp sống động duy nhất các cố gắng nhân loại, gia đình, nghề nghiệp, khoa học hay kỹ thuật với các giá trị tôn giáo. Dưới sự điều hướng tối cao của các giá trị tôn giáo này, mọi sự được quy hướng về vinh quang Thiên Chúa" và thiện ích của nhân loại.

Sáng thứ Tư, tuy trời Roma mưa, nhưng cũng có hơn 30.000 tín hữu và du khách hành hương tham dự buổi gặp gỡ chung hằng tuần tới Đức Thánh Cha tại quảng trường thánh Phêrô, đa số là tín hữu Ý và Đức. Sau khi chào các tín hữu bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, ĐTC đã cất kinh Lậy Cha và ban phép lành cho mọi người.

+ ĐGH Bênêđictô XVI

Linh Tiến Khải - Vatican Radio

BA KHÔNG

KHÔNG LÊN TIẾNG
KHÔNG NHÌN THẤY
KHÔNG NGHE THẤY
TRƯỚC NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA XÃ HỘI

CÓ PHẢI LÀ THÁI ĐỘ, LỐI SỐNG
CỦA CÁC KITÔ HỮU KHÔNG ?

CHÚA TRONG ANH EM

Bà quí tộc Elizabeth quì cầu nguyện trong nhà thờ, bỗng như có tiếng Chúa nói thì thầm bên tai: *"Con hãy xây nhà cho Ta cư ngụ"*. Xác tín đây là lời Chúa nói riêng cho mình, bà mau mắn xây một nhà nguyện.

Nhưng cho dù nhà nguyện đã được xây xong, bà vẫn nghe tiếng Chúa nói cũng một lời như vậy: *"Con hãy xây nhà cho Ta cư ngụ"*. Thầm nghĩ rằng Chúa muốn xây nhà nguyện lớn hơn, đẹp hơn, cho xứng với Người, vì sự giàu có Chúa ban cho bà còn quá dư thừa. Thế là bà đi sang vùng bên cạnh tìm mua một miếng đất lớn hơn và mướn người xây nhà nguyện đẹp hơn, lộng lẫy hơn. Bà Elizabeth nghĩ thầm là lần này Chúa phải vui lòng lắm, vì không ai trong vùng có ngôi nhà đẹp hơn.

Lạ thay, khi cầu nguyện bà vẫn còn nghe tiếng van nài khẩn thiết: *"Con hãy xây nhà cho Ta cư ngụ"*. Bà thưa với Chúa:

- Con đã xây cho Chúa ngôi nhà đẹp nhất, lớn nhất vùng này rồi. Chúa muốn con xây nhà như thê' nào đây? Xây một vương cung thánh đường nhất nước này chăng?

Tiếng Chúa thì thầm trả lời:

- Con hãy nhìn qua bên kia cửa sổ xem, con đang thấy gì ?

- Dạ con thấy một gia đình đang nương tựa dưới gốc cây bên lề đường.

Và tiếng Chúa nhỏ nhẹ:

- Con hãy xây cho họ một căn nhà, đó là con xây nhà cho Ta.

****

Chúng ta dễ bị cám dỗ hành xử như bà quí tộc Elizabeth trong câu chuyện trên. Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ biết nhìn thấy Ngài qua những kẻ bé mọn, nghèo hèn: *"Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy"* (Mt 25:40).

Nhìn thấy Chúa trong anh chị em là điều khó và làm một việc gì đó cho anh chị em xung quanh như thể làm cho Chúa thì lại càng khó hơn. Nhưng dù khó hay dễ, mỗi người Kitô đều được mời gọi phục vụ Chúa nơi anh chị em.

Thiên Chúa đã ban cho một trái đất đủ nuôi sống cho mọi người. Đừng trách Chúa đã tạo ra nghèo khổ, chỉ nên trách mình đã khóa từ tâm. Xã hội còn nhiều người đói, vì chúng ta không dám chia sẻ điều mình dư thừa.

Thánh Giacôbê đã cảnh tỉnh: *"Đức tin không có việc làm là đức tin chết" (Gc 2:17)*. Không có lời nào rõ ràng hơn. Chúng ta đã sống đức tin của mình thế nào? Biết bao lần chúng ta muốn tránh né không làm một việc gì đó cho anh chị em mà lại muốn đọc kinh luôn mãi. Đừng để Chúa quở trách: *"Dân này thờ kính Ta bằng môi miệng mà lòng chúng lại xa Ta"* (Mt 15:8).

Mẹ Thêrêsa Calculta bị cuốn hút bởi những con người đau khổ, nghèo đói, bệnh tật. Dưới mắt của Mẹ, đó không chỉ là những người đáng thương, mà còn là hiện thân của chính Chúa Giêsu đau khổ

Chắc chắn sẽ có những lần Chúa Giêsu đi ngang qua đời ta, như vị vua giả trang làm người hành khất. Đến ngày phán xét, chúng ta đừng giả vờ ngạc nhiên khi nghe biết mình đã để Ngài đi qua với hai bàn tay trắng.

***

Lạy Chúa, tội lớn nhất là tội thiếu sót: đã không làm điều mình phải làm. Xin cho con biết mở rộng lòng ra, đón nhận tất cả những ai đang cần đến con. Xin cho con biết phục vụ tất cả, phục vụ thật sự và hữu hiệu vì tình yêu Chúa. Amen.

Ngọc Nga sưu tầm

[Sưu tầm của GDHT]

AI LÀ ANH EM TÔI?

"Có một người đi từ thành Jerusalem tới thành Jericho... " (Lc. 10, 26-37)

Ông buồn lắm! Sang tới đất nước này, lòng ông càng trĩu nặng. Ông đã tính không đi. Người ta bảo, sang bên đây buồn, nhất là những người già như ông. Nhưng đám con ông nó nghĩ khác: "Bố cứ đi! Sang bên ấy người ta sống được mình sống được." Vả lại, cứ ở nhà, chưa chắc chúng con có lo được cho bố không. Bố bỏ chúng con ra đi, chúng con cũng buồn, nhưng... cái "nhưng" ngập ngừng ấy ông hiểu. Ông có rứt áo ra đi thì con cháu ông mới có miếng ăn. Khổ thì ông không sợ, đời ông đã quen vất vả, trong tù còn khổ hơn nhiều, nhưng nghĩ lại thương những đứa con. Lòng ông quay quắt khi nhìn chúng lao đao, vất vả. Ông muốn làm một điều gì cho con cháu. Giá ông còn trẻ! Ừ! Giá ông còn trẻ!

Biết mình già yếu, sang đây ông chẳng quản nề việc gì. Người ta kiếm cho ông chân quét dọn trong công ty. Tạ ơn Chúa! Được cái những người làm việc quanh ông hầu hết là người quen biết trong xứ đạo cả. Điều này cũng làm ông đôi chút an lòng. Đã bao giờ

ông đi làm cho Mỹ đâu! Với lại, ông chỉ sợ người ta nói mình không hiểu thì ai người ta mướn. Tất cả mọi sự là do Chúa sắp đặt. Lòng ông càng tin tưởng. Giờ thì ông chuyên tâm làm việc để lo cho con cháu. Thư chúng nó gởi sang. Từ ngày có tiền ông tích góp gởi về, những đứa cháu của ông đã được đi học, đàn con ông đỡ vất vả phần nào. Ông cầu xin Chúa cho ông sức khỏe. Ừ! Xin Chúa cho ông sức khỏe, vì hồi này ông cảm thấy yếu lắm.

Phần vì tuổi già, phần vì mặc cảm, ông ít giao thiệp. Nhiều người rủ ông đi đây đó hay gia nhập đoàn thể, ông thường từ chối. Còn lòng dạ nào mà đi đâu khi con cháu ông còn đói khổ ở quê nhà. Một đồng tiền cóp nhặt là cả tấm lòng muốn gởi về. Không! Ông không còn trẻ, không còn thời gian cho bản thân, mục đích ông sang đất nước này là cứu con cháu ông thoát khỏi cái đói nghèo.

Vào làm việc trong hãng, ông cần mẫn như một con ong. Biết mình yếu sức, lại sợ mất việc nên ông càng chăm chỉ. Trong khi tay làm việc, lòng ông luôn cầu xin Chúa giúp đỡ. Chính lòng tin đó đã nâng đỡ ông rất nhiều. Ông tin rằng Chúa đã nghe lời ông cầu, đã ban cho ông cơ hội này nên ông phải nắm bắt lấy. Vả lại, Cha xứ vẫn giảng rằng, khi đi làm phải làm xứng với đồng tiền mình lãnh. Đó là luật công bằng. Nhiều người biết chuyện cho là ông thật thà, nhưng cũng có người ác ý lại nghĩ là ông ma le, muốn lấy điểm! Lời qua tiếng lại đôi khi ông cũng có nghe, nhưng mặc! Biết chia xẻ cùng ai. Cũng có đôi lần muốn vơi tâm sự, ông lân la góp chuyện trong giờ 'break-time' nhưng ông không thể hòa nhập được. Họ

toàn khoe khoang nhà to, xe đẹp, quen ông này, cha kia. Để tỏ ra lão luyện, họ dạy nhau cách ăn gian giờ, cách mánh khóe trốn việc, họ chê bôi nói xấu nhau: ngu không biết ăn cắp, không biết giả vờ v.v… Một thân một mình, ông chả quan tâm giá nhà lên hay xuống. Không biết lái xe nên ông cũng chẳng biết xe cộ tốt xấu làm sao. Được đồng nào lo cho con cháu cả. Vài năm nữa chết nằm xuống đấy, mua nhà, mua xe ai hưởng? Có người dậy khôn ông khai bệnh để ăn tiền chính phủ, nhưng ông cảm thấy không ngay thẳng. Họ chê ông dốt, nhưng thôi kệ! Thà ông dốt trước mặt Chúa. *"Được lời lãi cả thế gian, chết mất linh hồn nào được ích gì?"* Dưới mắt mọi người ông thuộc loại lẩm cẩm, ra vào như một bóng ma chả ai quan tâm. Bởi thế, trong giờ nghỉ, ông thường tách riêng một mình, lẩm nhẩm đọc kinh.

Hôm nay ông mệt quá. Cơn bệnh vẫn còn vảng vất. Ông đã phải nằm liệt ba ngày rồi, chưa khỏi, nhưng ông không dám nghỉ thêm, sợ mất việc. Tất cả con cháu đều trông vào ông. Không! Ông phải đi làm. Mồ hôi lấm tấm trên trán, ướt thấm lạnh lưng. Miệng ông đắng ngắt. Dựa lưng vào tường, quên luôn gà-men cháo mang theo. Như một luồng điện, ông giật mình: "Giêsu Maria." Ông quên mất. Người xếp dặn, phải đồ mấy thùng rác trước giờ ăn trưa hôm nay vì có khách tới thăm công ty. Ông loạng choạng đứng dậy, đầu óc quay cuồng, choáng váng. Thùng rác có vẻ nặng hơn mọi ngày. Dùng hết sức ông lôi nó lên. “Lạy Chúa tôi! Nặng quá!” Hai ba lần gắng sức, nhưng vẫn không nổi. Ông vừa tính nhờ người giúp một tay, chợt nghe:

- Kệ bà ông ấy! Giờ nghỉ mà.

- Mẹ! Lão ấy lấy điểm.
- Đồ ngu! Tội gì.

Những tiếng nói chê bai văng vẳng bên tai, lòng ông tê tái. Ông không muốn nghe nữa. Vừa mệt vừa buồn, ông đã tính bỏ cuộc nhưng còn con ông, cháu ông. Hình ảnh những đứa con gân guốc, dãi dầu mưa gió, những gương mặt rạng rỡ cháu ông có miếng cơm vào bụng hiện ra trong mắt ông. Lạy Chúa xin giúp con! Ông lại ghì sức nâng lên. Bỗng thùng rác nhẹ tênh tuột khỏi vai. Một tiếng nói nhẹ nhàng sau lưng:

- Bác Hai để con giúp.

Chàng thanh niên giúp ông đổ xong mấy thùng rác còn dặn thêm:

- Lần sau bác nói con nghen! Đừng làm một mình bịnh chết.

Đưa tay vuốt mồ hôi trên trán, cảm động quá, vừa cầu nguyện, Chúa đã nghe lời. Ông nói:

- Chú tốt quá! Mình là người có đạo, Chúa dạy.. .
- Dạ!! Nhưng... cháu là người ngoại, bác à!..

Ông thẫn thờ bước đi, văng vẳng bên tai, lời Phúc Âm hôm nào *''Có một người đi từ thành Jerusalem tới thành Jericho..."* Vậy ai là anh em ngươi?

Nguyễn Hưng

[Sưu tầm của GDHT]

GẶP CHÚA TRONG ANH EM

Chuyện các tu sĩ người Ái Nhĩ Lan có kể về một giai thoại sau đây:

Một đêm nọ, dưới ánh trăng xuyên qua cửa sổ, một tu sĩ già bỗng nhìn thấy một vị thiên thần đang ngồi hý hoáy viết trên một cuốn sách vàng. Tâm hồn tràn ngập hân hoan, vị tu sĩ rón rén tới gần và lên tiếng hỏi:

- Ngài đang viết gì trong quyển sách này?

Không buồn nhìn vị tu sĩ, thiên thần trả lời:

- Ta đang ghi tên những ai yêu mến Chúa.

Vừa lo lắng, vừa hồi hộp, ông hỏi tên mình có trong quyển sách đó không. Sứ thần giở từng trang chăm chú đọc từng hàng nhưng không thấy tên của ông, dù vậy câu trả lời của sứ thần không làm cho ông thất vọng bởi vì ông đã nghĩ ra cách khuyến dụ sứ thần. Ông nài nỉ sứ thần như sau:

- Xin Ngài ghi tên tôi như một thầy dòng lúc nào cũng yêu mến tha nhân.

Vị sứ thần chìu theo ý ông, thế là tên của ông đã được ghi vào sổ vàng.

Tối hôm sau, giữa ánh trăng sáng, vị sứ thần lại hiện ra một lần nữa và mở cuốn sổ vàng cho vị tu sĩ xem. Lần này, ông thấy tên của mình dẫn đầu trong số danh sách những người yêu mến Chúa.

Sau khi vị tu sĩ già qua đời, các anh em trong tu viện xem lại nhật ký của ông, dòng chữ đầu tiên trong nhật ký của ông chính là câu trích dẫn từ thư I của Thánh Gioan như sau: *"Nếu ai nói mình yêu mến Chúa mà lại thù ghét anh em thì người đó là kẻ nói dối. Ai không yêu mến người anh em là kẻ nhìn thấy trước mắt thì cũng không yêu mến Chúa là Đấng mình không thấy".* Tiếp theo lời chỉ dẫn ấy, vị tu sĩ già ghi chú như sau: *"Tôi đi tìm kiếm linh hồn tôi, nhưng tôi không thấy. Tôi đi tìm kiếm Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa vượt khỏi tầm tay tôi. Tôi đi tìm người anh em tôi, tôi đã gặp Chúa và linh hồn tôi".*

***

Qúy vị và các bạn thân mến,

Ở khởi đầu, dường như Thiên Chúa đã muốn tạo dựng cho con người một Thiên đàng vĩnh cửu ở trần

gian này. Trong gió nhẹ của một biểu chiều tà, Thiên Chúa đến chuyện vãn với con người. Đó là hình ảnh của một hạnh phúc vô biên mà con người có thể hưởng nếm ngay từ trần gian này. Nhưng khi con người khước từ liên lạc với Thiên Chúa và chối bỏ chính mình, con người cũng đánh mất niềm hạnh phúc ấy. Ngôi Hai Thiên Chúa đã đến để tái lập thiên đàng tại thế ấy cho con người. Ngài nói với con người rằng: Con người có được thiên đàng ấy khi nói biết xây dựng sự hài hoà với Thiên Chúa và con người là bởi vì Thiên Chúa đã tự đồng hoá với con người cho nên chính trong sự hài hoà với tha nhân mà con người gặp gỡ Thiên Chúa và tìm lại được thiên đàng đã mất.

Có biết bao ý thức hệ và triết thuyết hứa hẹn cho con người một thiên đàng trần gian này, nhưng thứ thiên đàng ấy không bao giờ đến mà thay vào đó chỉ là một hỏa ngục của hận thù chết chóc. Làm sao có thể xây dựng thiên đàng trên trần gian này khi người ta lấy hận thù làm men cho xã hội. Ở đâu có Thiên Chúa thì ở đó có thiên đàng, nhưng ở đâu có tha nhân thì ở đó cũng có Thiên Chúa bởi vì con người là hình ảnh, là nối kết của Thiên Chúa. Mỗi gặp gỡ với tha nhân, mỗi một nghĩa cử

làm cho tha nhân là một bước tiến vào thiên đàng ngay từ cuộc sống này.

***

Lạy Chúa, xin cho chúng con cảm nến được hạnh phúc đích thực khi phục vụ tha nhân. Xin cho chúng con luôn ý thức rằng: tha nhân chính là nơi chúng con có thể gặp gỡ Chúa. Amen!

R. Veritas
Ngọc Nga sưu tầm

[Sưu tầm của GDHT]

MANG CHÚA ĐẾN VỚI MỌI NGƯỜI

Cuộc sống hàng ngày, thăm viếng nhau là chuyện hết sức bình thường. Nghe tin bên nhà ông A có chuyện không may, ông B đến nhà ông A thăm hỏi, chia sẻ niềm đau. Hoặc biết nhà bà B có tin vui, bà A đon đả chạy sang góp thêm tiếng cười, chia sẻ niềm vui. Hai người hàng xóm thăm nhau, hai người bạn thăm nhau, những người trong thân tộc máu mủ, họ hàng thăm nhau, tất cả đều là chuyện bình thường của cuộc sống.

Bài Tin Mừng Chúa Nhật hôm nay cho biết Đức Maria đi thăm bà Isave, người chị họ của Mẹ, khi nghe tin bà mang thai. Đây là một sự thăm viếng bình thường giữa hai người họ hàng của nhau. Dẫu cho Đức maria, lúc đó đã bắt đầu mang thai Chúa Giêsu, và dẫu cho bà Isave từ xưa tới nay không có con, bây giờ lại mang thai trong lúc già nua tuổi tác, thì việc Đức Maria thăm bà Isave vẫn là chuyện bình thường. Có chăng, thì chỉ niềm vui là lớn hơn mà thôi. Nhưng trong sự thăm viếng bình thường giữa hai người phụ nữ ấy, Thiên Chúa

lại làm một điều rất phi thường. Vậy đâu là sự phi thường do bàn tay Thiên Chúa?
Vì đây không chỉ là một cuộc thăm viếng, gặp gỡ giữa hai người mẹ mà thôi. Nhưng trong cuộc thăm viếng giữa hai người mẹ, là một cuộc chào đón giữa hai người con, dù hai người con đó chỉ mới là bào thai trong lòng của hai người mẹ. Sự chào đón lạ thường này, đã khiến thánh Gioan Tiền Hô nhảy mừng trong lòng bà Isave, ngay sau lời chào đầu tiên mà Đức Maria dành cho bà.

Nhảy mừng là để diễn tả niềm vui. Bào thai trong lòng bà Isave chính là thánh Gioan Tiền Hô, đã biểu lộ niềm vui mừng bằng động tác "nhảy mừng". Niềm vui cho gia đình của thánh Gioan lớn lắm. Vì đây không phải là niềm vui bình thường, nhưng là niềm vui ơn cứu độ. Niềm vui lớn lao đó, trước hết không chỉ vì hạnh phúc được Đức Maria đến thăm, đúng hơn, cùng với sự thăm viếng của mình, Đức Maria đã mang Chúa đến viếng thăm gia đình thánh Gioan.

Niềm vui càng lớn và ý nghĩa nhiều hơn, khi vừa nhập thể trong lòng Đức Maria, nghĩa là vừa mới xuống thế làm người, Chúa Giêsu đã chọn gia đình thánh Gioan làm gia đình đầu tiên để Người thực hiện cuộc viếng thăm đầu tiên. Bởi thế, ơn cứu chuộc, lần đầu tiên đến trong trần gian, ngoài Đức Maria và gia đình thánh Gia, gia đình đầu tiên được diễm phúc đón nhận là chính gia đình của thánh Gioan. Còn hơn thế nữa, chẳng những được Chúa đến thăm, gia đình thánh Gioan còn hãnh diện vô cùng vì cùng với việc Đức Mẹ ở lại, gia đình thánh Gioan được Chúa ngự đến, hiện diện và cùng chung sống. Chỉ có gia đình thánh Gioan là gia đình đầu tiên được diễm phúc như thế.

Thật ra bào thai không thể nhảy mừng, dù sẽ là một siêu nhân, cũng không bao giờ biết niềm vui, nỗi buồn, cũng chẳng hiểu được bất cứ một điều gì, để có thể nhảy mừng hay không nhảy mừng. Nhưng ở đây, thánh Luca khẳng định rất dứt khoát*: "Hài nhi nhảy mừng trong lòng bà"*. Như vậy, ta phải giải thích làm sao cho hiện tượng kỳ diệu này? Chắc bạn đồng ý với tôi, đây là một phép lạ: Thiên Chúa đã thực hiện phép lạ tuyệt vời. Người đã làm cho một cuộc viếng thăm bình thường, trở nên rất đỗi lạ thường: *thai nhi có thể nhảy cẩng lên mà vẫn bình yên vô sự*. Sự nhảy mừng, đồng thời là phép lạ ấy, có được là do một bào thai khác, được một người mẹ khác mang trong lòng mình làm nên. Người mẹ đó là Đức Maria, và bào thai mà Mẹ mang trong dạ, đó là Đâ;ng Cứu Thế, là Thiên Chúa làm người. Chỉ có một Thiên Chúa và quy về Thiên Chúa, ta mới dám khẳng định đức tin của mình vào một sự kiện lạ thường như thế.

Vâng! Chỉ có Thiên Chúa mới làm nên điều kỳ diệu đến nỗi con người phải chưng hửng. Do đó, việc Đức Mẹ thăm viếng bà Isave không còn là một cuộc thăm viếng bình thường nữa, mà là một cuộc trao ban ơn cứu độ. Mẹ đã mang chính Đấng là Ơn Cứu Độ tuyệt đối đến cho gia đình bà Isave.

Mẹ đến thăm bà Isave, thì trong hành động thăm viến đó, Mẹ đã mang Chúa Giêsu đến cho gia đình bà Isave. Bởi vậy, bất cứ nơi nào người ta mang Thiên Chúa đến cho nhau, ở đó sẽ có niềm vui, có sự bình an, có ơn thánh, và sự cứu rỗi sẽ tràn ngập.

Trong cuộc thăm viếng người chị họ của mình, Mẹ Maria dạy chúng ta một bài học đáng giá: *Hãy mang Chúa đến*

với mọi người, chứ đừng mang hận thù, đừng mang những suy nghĩ đen tối, những nghi kỵ đến với nhau. Chúng ta hãy bắt chước Mẹ để yêu thương và chia sẻ tình yêu với mọi người. Hãy cưu mang Chúa Giêsu trong tâm hồn, để như Mẹ, ta cũng có thể mang một tâm hồn tràn ngập sự sống của Chúa Giêsu và mang chính Chúa Giêsu đến với anh chị em xung quanh. Nhờ đó, mọi người sẽ chứa chan niềm vui, chứa chan ơn thánh, chứa chan niềm hạnh phúc và bình an.

LM. Vũ Xuân Hạnh

(BĐ1: Mk5:1-5, BĐ2: Dt.10:5-10, PÂ: Lc.1:39-45)

[Sưu tập của GDHT]

Địa chỉ liên lạc
Giêrônimô Nguyễn Văn Nội
Email: hnoivnguyen@yahoo.ca
Đt 098 648 0337

Chủ đề GDHT số 19 (tháng 06/2016)

BẰNG CHỨNG LỚN LAO NHẤT

Lm. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (+)

Trong thư thứ I gởi cho đồ đệ Timôthê, Thánh Phaolô nhắc lại rằng Chúa Giêsu Kitô, trong cuộc thương khó, đã làm chứng trước mặt tổng trấn Philatô “bằng một lời tuyên xưng cao đẹp” (I Tm 6,13). Làm chứng về điều gì? Khi nghe Người khẳng định Người có một vương quốc, ông tổng trấn rất đỗi ngạc nhiên, đã hỏi lại ngay: “Vậy ông là vua sao?” Người đáp” “Chính ngài nói rằng tôi là

vua. Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích làm chứng cho sự thật" (x. Ga 18, 36-37). Sự thật nào? Không phải là sự thật về cuộc sống và về sự nghiệp của mình. Nhiều người đã chết và vẫn còn chết hiện nay cho một sự nghiệp bất chính mà vẫn nghĩ rằng nó là chính đáng. Nhưng sự phục sinh, -vâng, chính sự phục sinh làm chứng cho sự thật về Chúa Kitô, như sau này Thánh Phaolô sẽ nói trước Hội đồng Arêopagô ở thành phố Athen: "Thiên Chúa đã cho mọi người một bảo đảm về Đức Giêsu khi cho Người sống lại từ cõi chết" (Cv 17,31).

Cái chết: bằng chứng tối cao cho tình yêu

Cái chết không làm chứng cho chân lý, nhưng cho tình yêu của Chúa Kitô. Hay nói đúng hơn, cái chết làm nên chứng cớ tối cao về tình yêu này như chính Chúa Kitô đã nói: "Không tình yêu nào lớn hơn tình yêu của kẻ hy sinh mạng sống vì bạn hữu mình" (Ga 15,13). Có người sẽ phản bác: "Còn có một tình yêu lớn hơn nữa, đó là tình yêu của kẻ chết vì thù địch của mình". Thì Chúa Giêsu cũng chính là một con người như thế, và hơn bất cứ ai. Thư gởi giáo đoàn Rôma viết: "Khi chúng ta không có sức làm được gì vì còn là hạng người vô đạo, thì theo đúng kỳ hạn, Đức Kitô đã chết vì chúng ta. Hầu như không ai chết vì người công chính, họa may có ai dám chết vì những người lương thiện. Thế mà Đức Kitô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi, đó là bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta" (Rm 5,6-8). Và trên thập giá, Chúa đã cầu nguyện cho chính những kẻ đóng đinh mình: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm" (Lc 23,34).

Có một thứ tu đức phiến diện ca ngợi đau khổ và thập giá như thể tự mình chúng là có giá trị. Chúa Giêsu dạy cho biết chỉ có tình yêu mới đáng cho ta hy sinh tất cả vì nó. Đau khổ, thập giá mà thiếu vắng tình yêu thì chỉ còn là tai họa đè bẹp con người mà thôi. Nhưng với tình yêu, tất cả sẽ có một ý nghĩa và gánh nặng sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn. Thánh Âu-tinh nói: "Khi yêu thì không đau khổ, mà nếu có đau khổ thì người ta sẽ thích cả nỗi khổ ấy". Có tình yêu, nghĩa là biết mình đang yêu hoặc đang được yêu. Thánh Phaolô, hơn ai hết, đã trải nghiệm mãnh liệt "chân lý" này. Ngài chia sẻ kinh nghiệm ấy trong thư Rôma: "Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm đao? Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta …" (Rm 8,35-37).

Sự phục sinh: câu trả lời cuối cùng cho mầu nhiệm sự chết.

Cuộc đời không bao giờ hết đau khổ và nước mắt. Nhưng người môn đệ Chúa Kitô không chỉ bằng lòng với việc ghi nhận đau khổ như một sự kiện khách quan, rồi để mặc nó. Đau khổ phải bị loại bỏ, phải được vượt qua. Mọi người phải góp phần chống lại nó dù biết rằng nó mãi mãi là một phần của cuộc đời trần gian. Ít nhất là tránh đừng gây ra đau khổ cho mình hay cho kẻ khác.

Người Kitô hữu không thể nói đức tin không mang lại câu trả lời cho huyền nhiệm đau khổ và sự chết. Làm thế nào để bảo đảm với ai đó là trong chiếc ly nước không có thuốc độc? Có một cách: mình uống chén nước trước họ! Đó là điều Thiên Chúa đã làm với con người. Người đã

uống chén đắng của cuộc khổ nạn. “Vì bản thân Người đã trải qua thử thách và đau khổ, nên Người có thể cứu giúp những ai bị thử thách” (Thư Do-thái 2,18). Nỗi khổ của con người không thể bị đầu độc, không chỉ chứa toàn là tiêu cực, mất mát, phi lý nếu chính Thiên Chúa đã chọn uống cạn chén. Dưới đáy cái chén phải có một viên ngọc.

Viên ngọc ấy có tên là ơn phục sinh. “Tôi nghĩ rằng, những đau khổ chúng ta chịu bây giờ sánh sao được với vinh quang mà Thiên Chúa sẽ mạc khải nơi chúng ta” (Rm 8,18). Và sách Khải huyền: “Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ. Sẽ không còn sự chết; cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau đớn nữa, vì những điều cũ đã biến mất” (Kh 21,4).

Chứng từ của các vị tử đạo.

Sau Chúa Giêsu, những kẻ đã làm chứng “bằng một lời tuyên xưng cao đẹp”, đó là các vị tử đạo. Thời đầu Giáo Hội, các truyện kể về các ngài được gọi là “bài thương khó” (Passio) giống như bài thương khó của Chúa Giêsu Kitô, mà chúng ta nghe nhiều lần trong Tuần Thánh. Người ta đọc truyện tử đạo và phổ biến rộng khắp trong Giáo Hội với một lòng tôn kính bao la. Ngày nay tại nhiều nơi trên thế giới, người Kitô hữu lại phải trải qua cuộc thử thách rất nặng nề của bắt bớ và tử đạo.

Có một đặc điểm phân biệt những truyện tử đạo chân chính với những truyện mang tính “truyền thuyết” người ta tưởng tượng ra sau những cuộc bách hại với những mục đích khác nhau: trong những truyện chân chính, không thấy dấu vết “bút chiến” nào chống lại những kẻ bách hại; tác giả chỉ chú tâm vào hành động anh dũng

của các vị tử đạo, chứ không để ý tới sự tàn bạo của các quan tòa và bọn lý hình mà lên án. Thánh Cyprianô tử đạo đã đi tới chỗ truyền cho người nhà biếu tên đao phủ sắp chém đầu ngài hai mươi lăm đồng tiền vàng. Các thánh tử đạo quả xứng là môn đệ của Đấng đã cầu nguyện trước khi chết: “Lạy Cha, xin tha cho họ …”

Tôi nhớ đã đọc một lời tâm sự của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận nói rằng ngài rất ái ngại mỗi khi có nhà báo đến phỏng vấn, vì họ tìm mọi cách để ngài “nói xấu” về những kẻ bắt bớ giam cầm ngài. Một bằng chứng về sự thánh thiện chân thật của Đức Hồng Y chính là ở chỗ ngài luôn luôn giữ một tâm trạng bình an, hiền hòa và quảng đại với hết mọi người kể cả những kẻ thù nghịch với ngài.

Và làm sao chúng ta không khâm phục một “chứng từ cao đẹp” khác của một vị tử đạo nổi tiếng ngày nay, ông Pakistan Shahbaz Bhatti, người Pakistan? Ông là người công giáo duy nhất trong chính phủ Hồi giáo Pakistan, với chức vụ bộ trưởng phụ trách những cộng đồng người thiểu số. Ông đề nghị bãi bỏ những đạo luật chống báng bổ (anti-blasphemy laws) và công khai bênh vực Asia Bibi, một người Kitô hữu mẹ gia đình bị kết án tử hình theo chính đạo luật bất công này. Trong bản Di chúc của mình, ông viết những lời khẳng khái sau đây:

“Những nhân vật cao cấp trong chính quyền đã đề nghị với tôi và họ yêu cầu tôi từ bỏ cuộc chiến đấu, nhưng tôi đã luôn luôn từ chối, ngay cả khi biết rằng tôi đang liều mất mạng. Tôi không tìm kiếm sự nổi danh, tôi không muốn những vị trí quyền lực. Tôi chỉ muốn một chỗ dưới chân Chúa Giêsu. Tôi muốn rằng đời sống tôi, tính tình

tôi, các hành động của tôi lên tiếng thay cho tôi và nói rằng tôi đang đi theo Chúa Giêsu Kitô. Ước muốn này thật mạnh mẽ trong tôi đến nỗi tôi coi mình là rất may mắn nếu –trong nỗ lực của tôi và trong cuộc chiến đấu của tôi nhằm giúp người thiếu thốn, kẻ khó nghèo, người Kitô hữu bị bắt bớ của Pakistan – tôi được Chúa Giêsu Kitô vui lòng chấp nhận hiến lễ đời tôi. Tôi muốn sống cho Chúa Kitô và tôi muốn chết vì Người".

Ngày 2 tháng 3 năm 2011, ông đã bị một nhóm khủng bố thuộc tổ chức Al-Quêđa ám sát. Một năm sau Giáo Hội Pakistan đã nhất trí xin phong thánh cho vị tử đạo của mình.

*

Có một trận động đất xảy ra khi Chúa Giêsu từ trần trên thập giá. "Thấy động đất và các sự việc xảy ra, viên đại đội trưởng và những người canh giữ Đức Giêsu đều rất đỗi sợ hãi và nói: 'Quả thật ông này là Con Thiên Chúa.'"(Mt 27,54). Nhưng một trận địa chấn còn dữ dội hơn xảy đến khi Người phục sinh*. "Thiên thần Chúa từ trời xuống, lăn tảng đá ra rồi ngồi lên trên."* (Mt 28,2). Và sẽ luôn luôn xảy ra như thế. Cứ sau mỗi trận động đất gây chết chóc sẽ lại có một trận động đất mang lại sự sống. Ai đó đã nói: "Từ nay chỉ một vị thần mới cứu nổi chúng ta". Chúng ta xác tín rằng vị ấy sẽ ra tay cứu vớt chúng ta "bởi vì Thiên Chúa đã yêu mến thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Người cho thế gian" (Ga 3,16).

(Viết theo cha Ranieri Cantalamessa, OFMCap.)

[Sưu tập của GDHT]

PHẦN THỨ BA: PHỤ TRƯƠNG

TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN HỌC TẬP PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NHÓM TÔNG ĐỒ

I. XÁC ĐỊNH MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI

Việc tông đồ là việc của toàn thể Cộng đoàn Giáo hội nên chẳng những phải được thực hiện trong tinh thần của Giáo hội và liên kết chặt chẽ với Giáo hội mà còn cần được thực hiện cách cộng đoàn hay tập thể. Vì thế mà việc xây dựng êkíp hay đội nhóm tông đồ là điều rất cần thiết và hữu ích. Đề tài này nhằm giúp các tông đồ giáo dân biết cách xây dựng đội nhóm tông đồ.

II. PHẦN HỌC HỎI QUA SỰ TRÌNH BÀY CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN (60 phút).

Trong những bài lần trước, các anh chị em học viên đã được hướng dẫn về một số phương pháp sống và hoạt

động của Tông đồ Giáo dân hay Công Giáo Tiến Hành. Trong đề tài này, các anh chị sẽ nghe trình bày về các phương thức xây dựng đội nhóm để cùng nhau làm việc tông đồ. Đây là việc hết sức quan trọng vì việc Tông đồ là việc của toàn Giáo hội. Nếu chỉ có các cá nhân riêng lẻ thực hiện việc ấy mà thôi thì không thể xuể và không đầy đủ ý nghĩa về Giáo hội học và Truyền giáo học. Việc xây dựng đội nhóm tông đồ ngoài mục đích là giáo dân liên kết với nhau và cùng nhau hoạt động tông đồ còn có một mục đích quan trọng khác là anh chị em tông đồ giáo dân giúp nhau trở thành các chiến sĩ truyền giáo tinh nhuệ nữa.

2.1 Nhu cầu đào tạo cho Giáo hội các chiến sĩ tinh nhuệ của Chúa Ki-tô (Miles Christi): Theo gương Chúa Cứu Thế thì Giáo hội cần mỗi ngày một đi vào chiều sâu của cuộc sống trần gian. Chúa Giê-su đã dấn thân vào kiếp sống khó nghèo nơi hang Bê-lem, lạc lõng bên Ai Cập, lao động vất vả tại Na-gia-rét. Ba năm đi truyền đạo là ba năm Người đi tìm người cùng khổ, để đem lại sự cứu chữa, an ủi và niềm tin cho họ. Người đứng về phía những người bất hạnh, cô đơn, bị áp bức, để vực họ dậy. Người sống nghèo hèn và vất vưởng như họ, để cảm thông với họ và đem đến cho họ niềm hy vọng mới. Giáo hội tiên khởi của Người là Giáo hội đi vào cuộc sống của mọi tín hữu để đem ơn cứu độ đến cho họ, chứ không phải là một Giáo hội có cơ cấu đồ sộ và đứng bên cạnh hoặc đứng bên lề cuộc sống. Nhiều tín hữu ở Phương Tây ngày nay đã xa lìa Giáo hội, đã ly khai bỏ Giáo hội vì họ không còn tìm thấy nơi Giáo hội là một ”chuồng chiên” mà người mục tử biết mặt từng con chiên, đi trước đàn chiên để hướng dẫn, để săn sóc, để an ủi vỗ về chiên (xem Ga 10, 3-6). Giáo hội ngày nay càng ngày càng cần

ý thức được ý nghĩa của lời Tin Mừng này: ”Ta là người chăn chiên tốt lành. Ta biết chiên Ta và chiên Ta biết Ta... Ta vì chiên Ta mà bỏ mạng sống mình.” (Ga 10, 14-15). Chính vì thế mà Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II đang cổ võ cho phong trào sống Tin Mừng trong các nhóm nhỏ để những thành viên của các nhóm nhỏ này đi vào cuộc sống của con người. Vì chưng Giáo hội không đủ sức, cũng không đủ cánh tay để với tới cuộc sống của từng con người, nếu như Giáo hội không đào luyện và sử dụng các chiến sĩ tinh nhuệ của mình. Chính những tín hữu được đào luyện này lặn lội giữa trần thế, am hiểu trần thế sẽ thay mặt Giáo hội hiện diện tại đây mang Tin Mừng của Chúa Cứu Thế. Chúa Giê-su đã dành ra suốt ba năm để đào tạo các môn đệ, vậy thì Giáo hội ngày nay có lý do gì mà không đi theo gương của Người là đào tạo các chiến sĩ giáo dân cho cánh đồng truyền giáo?

2.2 Những nguyên lý xây dựng đội, nhóm tông đồ giáo dân.

Muốn xây dựng đội nhóm tông đồ giáo dân, phải tuân thủ mấy nguyên lý căn bản sau đây:

(1) Trở về với Tin Mừng để học lại cách huấn luyên các môn đệ của Chúa Giê-su: Muốn đào tạo được những người lính chiến tinh nhuệ ấy, Giáo hội không còn cách nào khác hơn là phải quay trở về Tin Mừng để học với Chúa Cứu Thế về cách Người đã tuyển chọn và huấn luyện các môn đệ. Thực vậy, để thực hiện đường lối phổ biến Tin Mừng và đem ơn cứu rỗi cho trần thế, Chúa Giê-su đã lo quy tụ và huấn luyện các môn đệ, trước khi tổ chức công việc truyền đạo cho quần chúng. Người không

bao giờ bao cấp truyền đạo, nhưng Người muốn cùng với các môn đệ của mình truyền đạo. Chính các môn đệ là công cụ và phương pháp Người dùng để chinh phục trần gian cho Nước Trời. Người muốn biến đổi những môn đệ tin vào Người, để sau này họ trở thành những người dìu dắt Giáo hội.

Trong cách lựa chọn môn đệ, Chúa Giê-su cũng hành xử một cách khác người: Người chọn những con người thuộc giai cấp hạ lưu chứ không chiêu mộ những người thuộc tầng lớp thượng lưu. Không ai nghĩ rằng những con người tầm thường ấy lại có khả năng chinh phục con người, cải tạo trần gian. Còn Chúa Giê-su lại có lập trường khác: chính những con người chân thành và nhiệt tâm này là một tiềm lực để xây dựng Giáo hội và trần thế. Trong tay Người, với ơn thánh Người, những con người bình thường, dốt nát này sẽ được Người uốn nắn thành những chiến sĩ tinh nhuệ, những thủ lãnh đảm trách công việc tiếp tục rao giảng Tin Mừng. Họ biết họ đang đi theo ai và ai đang hướng dẫn dậy dỗ họ (Ga 6, 69).

Phương pháp đào tạo của Người là chú tâm vào tuyển chọn và huấn luyện một số ít người để biến cải họ trước khi cải biến môi trường. Người huấn luyện họ không phải chỉ với lý thuyết suông, nhưng còn phối hợp với thực hành. Người đi bất cứ nơi đâu và làm bất cứ phép lạ nào, hầu như Người đều kéo các môn đệ đi theo mình. Người hòa trộn vào cuộc sống các ông. Các ông hòa trộn vào cuộc sống của Người. Thầy trò sống với nhau nếp sống tam cùng: cùng ăn, cùng ở và cùng làm.

Đáng tiếc là ngày nay đường lối truyền đạo của Chúa Giê-su không được noi theo và tuân giữ một cách triệt

để. Người ta chạy theo bề ngoài, chạy theo con số, chạy theo thành tích để báo cáo. Muốn xây dựng Giáo hội của Người, Giáo hội phải trở lại với Tin Mừng để học tập đường lối của Người. Đường lối đó là phải trở về đào tạo nhóm nhỏ, nghĩa là phải chấp nhận công việc huấn luyện này chậm chạp, tẻ nhạt, nhọc mệt, chán ngán. Ít người thích quan tâm đến kế hoạch này, nhưng đó là nền tảng, là căn bản để kiến tạo những thành quả chắc chắn và rực rỡ.

(2) Xây dựng đội nhóm tông đồ trên nền tảng là tình yêu thương: Nền tảng để xây dựng đội nhóm tông đồ là tình yêu thương. Tình yêu thương của một Thiên Chúa nhập thế đến sống với con người. Tình yêu thương của một Thiên Chúa bị đóng đinh cứu chuộc con người. Tình yêu thương của một Thiên Chúa phục sinh giải thoát con người. Chính tình yêu thương này mời gọi và tác động mọi người đến với đội nhóm. Chính tình yêu thương Thiên Chúa này ban bố cho mọi người lệnh truyền phải thương yêu nhau như Người đã yêu thương, nghĩa là phải quy tụ lại với nhau thành nhóm và sống tình yêu thương nhau, gắn bó như anh em ruột thịt. Chính tình yêu thương Thiên Chúa cũng tác động mỗi thành viên của đội nhóm phải dấn thân như Người vào trần thế theo hành trình: nhập thế - tử nạn - phục sinh.

Một đội nhóm không xây dựng trên tình yêu Chúa, trên tình huynh đệ và tình đồng loại, sẽ không thể tồn tại vững chắc và hiệu quả. Một đội nhóm thiếu một trong ba tình yêu ấy cũng không thể tồn tại lâu bền được. Ba tình yêu ấy phải được hòa trộn, nuôi dưỡng và tăng trưởng, khi ấy đội nhóm mới phát triển được. Cứ dấu hiệu thương yêu ấy mà một đội nhóm được đánh giá mạnh hay yếu.

Chính Lời Chúa là điểm xuất phát, tác động và nuôi dưỡng tình yêu thương này trong buổi sinh hoạt hàng tuần. Buổi sinh hoạt đội nhóm trở thành cái nôi, cái lò sưởi cho tình yêu thương này phát sinh và triển nở.

(3) Nhóm ít người dễ quản lý và phát triển: Cơ cấu gia đình trong một xã hội là cấu trúc "mẫu" cho một đội nhóm trong Giáo hội. Kích thước quản lý căn bản của xã hội là gia đình. Một gia đình trung bình 6 người sẽ dễ quản lý, giáo dục, bao bọc nhau một cách chặt chẽ, gắn bó hơn là gia đình đông người. Ở đó từng cha mẹ, con cái, anh em hiểu biết tâm tính nhau, nhu cầu của nhau để giáo dục, để đáp ứng. Một người lâm bệnh, một người vắng nhà, một người hư hỏng là nỗi lo âu chung của cả gia đình.

Cũng vậy, một đội hoặc một nhóm quá đông sẽ không thể quản lý nhau, đùm bọc, gắn bó với nhau như một nhóm nhỏ. Trong quân đội cũng như trong phong trào Hướng Đạo, khả năng của một người trưởng không thể quản lý vượt con số 12 người. Con số 12 cũng là con số Chúa Giê-su đã lựa chọn cho chính nhóm của Người, sau này thường được gọi là Nhóm Mười Hai.

Tuy nhiên, nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành lại phải chia nhỏ con số 12 thành 2 nhóm, vì lý do buổi sinh hoạt nhóm chỉ đủ thời gian cho khoảng 6 người (tối đa khoảng 8 người) kéo dài trao đổi với nhau trong 2 giờ. Đó là lợi điểm thứ nhất của nhóm ít người.

Lợi điểm thứ hai của nhóm ít người là dễ điều động và kiểm tra công tác. Từng hai người đi công tác chung với nhau hoặc tùy theo nhu cầu, có thể thay đổi và phối hợp công tác với nhau mau lẹ.

(4) Phân chia nhóm theo địa bàn dân cư và môi trường: Một trong những nguyên tắc căn bản giúp cho nhóm sinh động là nhóm thường xuyên có những dịp gặp gỡ nhau để nối kết tinh thần và thực hiện công tác chung. Điều kiện thuận lợi nhất là họ ở gần nhà nhau trong cùng địa bàn dân cư của giáo xứ hoặc khu xóm. Tiếp theo là họ cùng sinh hoạt với nhau tại một môi trường chung như trường học, xí nghiệp, cơ quan. Nơi họ ở hoặc nơi họ sinh hoạt đều có những sự kiện, những hiện tượng, những thực tại mà họ phải cải tạo theo Tin Mừng. Họ có thể dễ dàng gặp nhau để thực hiện công tác hơn là khi họ ở xa nhau, phải mất nhiều thời gian di chuyển, chờ đợi.

Chính vì những yếu tố kết thân và thực hiện công tác ấy mà cần phải phân chia nhóm theo địa bàn dân cư và môi trường. Vì nhóm đặt địa bàn sinh hoạt trong họ đạo, tại khu xóm và tại môi trường, do đó, tùy theo hoàn cảnh địa phương, nhóm nên trình bày và bàn hỏi với cha sở, hội đồng mục vụ giáo xứ, người trưởng khu hay giáo họ và những bậc phụ huynh thiện chí. Chính những người này sẽ hỗ trợ nhóm rất nhiều trong công việc xây dựng nhóm và thực hiện công tác.

(5) Nhóm không bao cấp: Nhóm được xây dựng và huấn luyện không phải đứng bao giàn làm mọi công tác trong họ đạo hoặc trong môi trường. Nhóm mang tính chất ”men”, do đó phải lôi kéo và thúc đẩy được mọi người làm công tác tông đồ chung với mình. Nhóm tông đồ giáo dân như những người đi tiền phong trong mọi việc và sau đó nhường lại cho người khác đảm nhận để nhóm lại tiếp tục đi khai phá.

Mỗi nhóm viên phải tâm niệm rằng mình có nhiệm vụ là phải hướng dẫn, linh hoạt được 10 người khác thay thế mình trong mọi lãnh vực. Mỗi lần đào tạo được một người có khả năng thay thế mình trong một công việc nào, họ liền nhường lại để đi nhận nhiệm vụ mới.

(6) Nhóm không chủ trương nắm giữ chức vị: Mang tính chất ”men”, nhóm có nhiệm vụ chính yếu là tác động làm cho môi trường “dậy men”, do đó, nhóm không nắm giữ bất cứ địa vị nào trong khu xóm, trong họ đạo, trong môi trường. Nhóm không mang danh nghĩa, không mang chức vị nào hết, nhưng nhóm lại hiện diện và làm mọi việc trong nơi mình sinh sống. Nhóm chỉ nắm giữ các chức vị bất đắc dĩ, khi chưa có người thay thế và sẽ tìm ra người khác thay thế mình sớm bao nhiêu có thể. Từ lúc sinh ra cho tới khi về trời, Chúa Cứu Thế không đảm nhiệm một chức vị nào hết, nhưng Người lại có mặt trên từng cây số của giải đất Pa-les-tin. Đó là bức gương sáng chói cho các chiến sĩ tinh nhuệ của Người phải học tập.

2.3 Các loại đội nhóm tông đồ giáo dân khác nhau.

(1) Nhóm căn bản: Mô hình lý tưởng của một nhóm được xây dựng với khoảng 6 nhóm viên. Nhóm không ít quá 4 người và không nhiều quá 8 người. Mô hình lý tưởng là nhóm người ở cùng chung một địa bàn giáo xứ hoặc một môi trường sinh hoạt. Nhóm gồm ít nhất một nhóm trưởng và một nhóm viên đã trải qua một thời gian sinh hoạt nhóm và đã học qua một số khóa căn bản về điều hành nhóm. Những người này phối hợp với nhau chặt chẽ để quản lý, huấn luyện nhóm viên và điều động công tác.

Nhóm căn bản sinh hoạt với nhau hằng tuần trong buổi họp nhóm. Nơi đây nhóm trao đổi, chia sẻ với nhau về Lời Chúa, về cảm nghiệm sống Tin Mừng và về công tác tông đồ. Sức mạnh của nhóm xuất phát từ đây. Hoạt động của nhóm cũng khởi đi từ đây. Buổi họp nhóm được sánh ví như nguồn điện sạc lại bình điện cho mỗi nhóm viên sau một tuần sống và hoạt động. Chính vì những lý do đó, tham dự buổi họp nhóm trở thành điều kiện bắt buộc cho các nhóm viên tông đồ giáo dân.

(2) Nhóm công tác mới: Để thành lập một nhóm mới cũng cần phải có ít nhất 2 nhóm viên cũ. Hai người này đứng ra nghiên cứu, kêu gọi và điều động các người mới. Họ kèm cặp những người mới tham dự buổi sinh hoạt nhóm và đi làm công tác một cách điều hòa trong một thời gian. Đây là những tháng đầu thử thách thiện chí và bền tâm của các nhóm viên mới.

Cũng có một hình thức khác thành lập nhóm mới, khi linh mục kêu gọi các khu xóm hay giáo họ cử người tham dự một khóa dự bị, gồm những bài học căn bản và sau đó là ngày tĩnh tâm. Sau thời gian này họ sẽ được phân nhóm theo khu vực. Sĩ số trung bình của nhóm vẫn là 6 người. Mỗi nhóm mới này vẫn cần 2 nhóm viên cũ phụ trách hướng dẫn một thời gian. Nhóm sẽ đề cử những người nhiệt tâm, bền chí tham dự khóa nhóm trưởng, khoá hướng dẫn viên hoặc tham dự các sinh hoạt của nhóm để dần dần họ đứng ra tự lập điều hành nhóm.

(3) Nhóm hạt nhân hay nòng cốt: Nhóm này quy tụ các thành phần nhóm trưởng, các người ưu tú nhất của các nhóm về gặp nhau hằng tuần tại trụ sở giáo xứ. Nơi đây họ được học hỏi trước về bài Tin Mừng nhóm sắp chia

sẻ, học tập về chuyên môn và kỹ thuật điều hành và trao đổi, phân phối công tác.

Nhóm hạt nhân hay nòng cốt mang tính chất huấn luyện và điều phối công tác, do đó không hạn chế sĩ số. Nhóm hạt nhân cũng bầu ra một ban điều hành gồm 4 người: nhóm trưởng, nhóm phó, thư ký kiêm thủ qũy và trưởng ban huấn luyện để điều hành nhóm trong khu vực của mình. Sức mạnh của nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành nằm trong tay những thành phần xuất sắc này. Họ vừa là những người xung kích trong công tác, vừa đóng vai huấn luyện viên, vừa là người anh, người chị cả săn sóc gia đình.

(4) Nhóm điều hành chung: Nhóm này gồm một số các huynh trưởng và các ban điều hành của các nhóm hạt nhân. Buổi họp của nhóm điều hành chung này chú trọng vào phổ biến bài Tin Mừng cho các nhóm chia sẻ trong tuần tới, nắm bắt tình hình sinh hoạt của các nhóm và phổ biến kế hoạch chung cho các nhóm. Tinh thần và khối óc của nhóm được phát sinh và điều động từ đây. Sự đoàn kết và duy nhất đường lối của nhóm được nuôi dưỡng và bảo trì từ đây.

(5) Vai trò linh mục linh hướng và tu sĩ cố vấn: Nhóm tông đồ giáo dân (hay Công giáo tiến hành) được quy tụ nhằm hoạt động tông đồ giáo dân và thường phải tiếp cận với Thánh Kinh và Mục vụ. Do đó nhóm rất cần sự được các Linh mục và Tu sĩ hướng dẫn và được học hỏi với các vị trong các lãnh vực này. Kinh nghiệm cho thấy nhóm nào được sự ủng hộ tích cực của hàng giáo sĩ, nhóm đó có nhiều cơ hội phát triển hơn.

Tuy nhiên, nếu không thận trọng, nhóm sẽ rơi vào tình trạng thụ động, lệ thuộc, trong lúc hàng giáo sĩ lại nắm thế chủ động, bao cấp trong hoạt động giáo dân. Làm thế nào nhóm phải hiểu biết và nắm bắt được ý nghĩa của các danh từ linh hướng và cố vấn? Nhóm mời linh mục hay tu sĩ hướng dẫn nhóm đi đúng Tin Mừng, đi đúng đường lối Giáo hội, trong lúc nhóm phải chủ động về phương diện điều hành nhóm và huấn luyện nhóm. Nhóm có đường lối và phương pháp riêng của mình, không thể vì sự nể trọng các ngài mà xa rời con đường mình đang đi. Cái khó của nhóm là làm thế nào dung hòa được sự tuân phục các ngài và duy trì đường lối độc lập của nhóm.

2.4 Điều kiện xây dựng nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành.

Thành lập và duy trì nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành không phải là một chuyện dễ. Chính Chúa Giê-su cũng đã phải dầy công và bỏ ra ba năm liên tục huấn luyện nhóm 12, để sau này chính nhóm này đã thay đổi bộ mặt thế giới. Công việc đào tạo càng gian khổ và bền bỉ thì thành công càng vững chắc và rộng lớn. Sau đây là những điều kiện căn bản để xây dựng nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành:

(1) Cầu nguyện: Nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành huấn luyện nhóm viên cải hoá chính mình theo Tin Mừng, trong lúc cùng tiếp tay với Chúa Ki-tô Phục Sinh cải tạo trần thế. Đây không phải là công việc quy tụ các tín hữu chạy theo những hoạt động ồn ào, bề ngoài, hoặc nắm giữ các vị trí then chốt trong Giáo hội và họ đạo hoặc hùa theo phong trào sống đạo như một mốt

thời trang... Do đó, rất ít người chấp nhận đi theo một nếp sống âm thầm, tẻ nhạt, hy sinh của nhóm. Như vậy muốn lôi kéo một ai tới nhóm, đây không phải là công việc của con người nữa, nhưng chính yếu là sự tác động của Thần Khí Chúa. Chính vì thế, nhóm phải cầu nguyện liên tục xin Ngài cải hoá tâm hồn đó.

Cầu nguyện đóng một vai trò then chốt trong nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành, bởi vì sức mạnh của nhóm không do tài năng con người, nhưng do sự tác động của Thánh Thần. Công việc cứu rỗi không phải là công việc của con người, nhưng là công việc của Chúa Cứu Thế. Nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành đi theo con đường cứu độ của Người, do đó phải sống với Thần Lực của Người, phải cầu xin Thần Lực của Người điều động trong nhóm. Nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành là nơi thể hiện kín đáo sự hoạt động diệu kỳ của Thánh Thần.

(2) Sống tình huynh đệ: Tình huynh đệ trong nhóm chính là thể hiện tình yêu Chúa. Không có tình yêu Chúa, tình huynh đệ trong nhóm khó bề sinh hoa kết trái. Nhóm nào càng gắn bó chặt chẽ, nhóm đó càng thể hiện sức mạnh của tình yêu Chúa. Như vậy chính tình huynh đệ trong nhóm sẽ lôi cuốn được người khác đến với nhóm và tồn tại với nhóm. Tâm hồn cô đơn, lạc lõng, hoang lạnh của con người giữa trần thế sẽ bắt gặp được bầu không khí ấm áp, đùm bọc, gắn bó của tình huynh đệ và họ sẽ lưu lại trong khung cảnh yêu thương này của nhóm. Không gì cưỡng lại được sức mạnh của tình yêu. Nhóm có tình yêu thương, nhóm sẽ lôi kéo được các tâm hồn đến với nhóm.

(3) Kiên tâm: Nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành không có gì hấp dẫn bên ngoài, hơn thế nữa, đường lối và phương pháp của nhóm cũng không hề dễ dãi, êm đềm, ngon ngọt. Chính vì thế, những người mới đến với nhóm dễ đi tới buồn chán. Con đường cứu thế của Chúa là con đường đầy gian khổ thử thách, do đó nhóm cũng phải lựa chọn phương pháp sống và làm việc đòi hỏi dấn thân và kiên nhẫn cho phù hợp với con đường đi theo Người. Những ai không chấp nhận thái độ kiên tâm bền chí khi đến với nhóm, họ sẽ ra đi như chàng thanh niên giầu có bỏ Chúa mà đi. Chỉ cần họ kiên tâm, trung thành với buổi họp nhóm trong một vài tháng, họ sẽ trở thành một nhóm viên tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành chính thức. Đây là thời gian "huấn nhục" của họ trong thời gian học tại quân trường của nhóm.

(4) Chấp nhận đi theo con đường hẹp của Tin Mừng: Một nhóm viên mới sẽ kiên tâm với nhóm, khi họ ý thức và chấp nhận đi theo con đường gian khổ của Chúa Ki-tô. Để trở thành một người lính, họ phải trải qua quân trường cực khổ. Để trở thành một sĩ quan, họ càng phải trải qua nhiều luyện tập huấn nhục đầy đọa. Để trở thành một biệt kích, họ phải đương đầu với kham khổ, tử thần. Đi theo con đường trần gian, con người phải tôi luyện như thế đó, huống hồ đi theo con đường cứu thế của Chúa, nhóm viên lại không chấp nhận đi theo con đường từ Bê-lem tới đồi Gôn-gô-ta sao? Đường lối của Tin Mừng là đường lối của nhóm phải đi theo, không còn chọn lựa nào khác.

Xây dựng nhóm tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành quả thực là một việc làm quan trọng, cần thiết và hữu hiệu mà chính Chúa khi nhập thế đã thực hiện. Chắc

chắn Người đã chọn con đường, chọn phương pháp thích hợp nhất cho mục tiêu cứu thế của Người. Sau 2000 năm và sống giữa thời đại tiên tiến này, đường lối Tin Mừng của Người cũng không thay đổi một dòng, một chữ. Đường lối của Người khó khăn, buồn tẻ, cực nhọc, âm thầm thật, nhưng không vì thế mà những ai đi theo Người, đại diện Người lại có quyền thay đổi hoặc bỏ rơi đường lối ấy. Phải quay trở về sống với Tin Mừng của Người, đó là cách thế tối ưu để cải hoá môi trường trần thế hôm nay.

2.5 Xây dựng Đoàn, Liên Đoàn, Phong Trào Tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành.

Nếu Đội hay Nhóm là đơn vị nền tảng của nếp sống và hoạt động của tông đồ giáo dân hay Công giáo tiến hành, thì Đoàn là đơn vị lớn hơn liên kết các Nhóm lại thành một Liên Nhóm, trong cơ cấu một họ đạo, một khu vực rộng lớn hoặc một môi trường.

Từ khuôn mẫu tổ chức, đào tạo và sinh hoạt trong một nhóm, chúng ta sẽ hình thành được khuôn mẫu cho các cơ cấu rộng lớn hơn như Đoàn, Liên Đoàn và Phong Trào. Lấy thí dụ Liên Đoàn Thanh Sinh Công Sài Gòn gồm có các Đoàn Thanh Sinh Công của các giáo hạt thuộc giáo phận Sài gòn. Phong trào Thanh Sinh Công Việt Nam gồm các Liên Đoàn Thanh Sinh Công Sài Gòn, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang…. Mỗi Đoàn hay Liên Đoàn hoặc Phong Trào đều có Nội Quy riêng. Ngoài ban Chấp Hành, cấp Liên Đoàn hoặc Phong Trào còn có những ban Chuyên môn như Ban Tuyên huấn, Ban Kỹ thuật v.v..

III. PHẦN THỰC HÀNH CỦA CÁC HỌC VIÊN

Bước 1: Các học viên tự sắp xếp thành các nhóm căn bản từ 6-8 người, theo các tiêu chí đã được đua ra như cùng địa một bàn dân cư (giáo họ hay khu phố) hoặc cùng môi trường sinh hoạt (giáo chức, công nhân viên, buôn bán, dịch vụ). Sau một ít lần sinh hoạt thì các nhóm tiến hành việc chọn ra ban điều hành nhóm căn bản.

Bước 2: Sau khi các nhóm căn bản đã được tổ chức tương đối ổn định, sẽ hình thành nhóm hạt nhân nồng cốt và nhóm điều hành chung, để các nhóm này thi hành trọng trách của mình.

Bước 3: Với đà phát triển của các nhóm căn bản và với việc mở thêm khóa 2,3,4 cho các học viên mới, sẽ hình thành các nhóm công tác mới.

IV. PHẦN KẾT LUẬN

Có thể có người suy nghĩ rằng: Cần chi phải tổ chức thành đội nhóm tông đồ cho phức tạp và thêm việc. Đúng là tổ chức đội nhóm tông đồ thì có thêm việc thật nhưng không thêm phức tạp. Nhưng thêm việc là cần thiết và không vô ích vì như thế thì hoạt động tông đồ sẽ đạt hiệu kết lớn hơn và lâu bền hơn. Hơn nữa việc đoàn ngũ hóa các chiến sĩ cùng hoạt động để mở mang Nước Trời và đem anh chị em về với Chúa là cần thiết chẳng những vì tính hiệu quả mà còn vì bản chất của chính công việc truyền giáo nữa.

Ghi chú: đây là bài thu ngắn và viết lại của bài PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG ĐOÀN THỂ CÔNG GIÁO TIẾN HÀNH

của ông Hoàng Quý, đăng trên website Tiếng nói giáo dân. Xin chân thành cám ơn ông Hoàng Quý đã cho phép sử dụng.

Sàigòn ngày 13 tháng 02 năm 2005

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

Trích «**TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN THỰC HÀNH »** trong CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DÂN